

NGHIÊN CỨU

YẾU MỤC

- ★ CHÚNG TA LÀM GÌ TRONG NĂM 1969 ?
- ★ MẤY NHẬN XÉT VỀ CHIẾN THẮNG ĐÔNG-ĐÀ NĂM 1789 DO NGUYỄN HUỆ CHỈ HUY.
- ★ XÃ HỘI VÀ VĂN HÓA THÀNH THỊ MIỀN NAM VIỆT-NAM DƯỚI SỰ THỐNG TRỊ CỦA CHỦ NGHĨA THỰC DÂN MỚI HOA-KỲ.
- ★ CÔNG NHÂN MIỀN NAM TRÊN TUYẾN DẦU CHỐNG MỸ.

119

THÁNG 2 - 1969

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH, DỊCH THUẬT, GIỚI THIỆU TÀI LIỆU

ỦY BAN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT-NAM

VIỆN SỬ HỌC

Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng của Viện Sử học thuộc Ủy ban Khoa học xã hội Việt-nam.

Chủ nhiệm : TRẦN HUY LIỆU

Thư ký Tòa soạn : VÂN TÂN

Số 119

Tháng 2-1969

MỤC LỤC

VIỆN SỬ HỌC	— Chúng ta làm gì trong năm 1969 ?	1
VÂN TÂN	— Mấy nhận xét về chiến thắng Đống-đa năm 1789 do Nguyễn Huệ chỉ huy.	4
VŨ TUẤN SÁN	— Về hai cuộc hành quân của Nguyễn Huệ ra Thăng-long.	13
LÊ VĂN HẢO	— Xã hội và văn hóa thành thị miền Nam Việt-nam dưới sự thống trị của chủ nghĩa thực dân mới Hoa-kỳ.	23
CAO VĂN LƯỢNG	— Công nhân miền Nam trên tuyến đầu chống Mỹ.	37
NGUYỄN LƯƠNG BÍCH	— Giới thiệu mấy nét về dòng họ Nguyễn Trãi — Nguyễn Thiệp Thuật — Nguyễn Văn Cừ.	59

TIN TỨC KHOA HỌC LỊCH SỬ

CHÚNG TA LÀM GÌ TRONG NĂM 1969 ?

NĂM 1968 đã đi qua nhưng vẫn còn để lại trong trái tim và trí óc của chúng ta những hình ảnh vô cùng đẹp đẽ của một thời kỳ cách mạng mới đang diễn ra với những thắng lợi cực kỳ vĩ đại. Mở đầu bằng cuộc tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt của quân và dân miền Nam làm chấn động địa cầu, năm 1968 đã kết thúc với thắng lợi to lớn của nhân dân Việt-nam buộc đế quốc Mỹ phải chấm dứt không điều kiện việc ném bom trên toàn bộ lãnh thổ nước Việt-nam dân chủ cộng hòa và nhận nói chuyện chính thức với Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam. Sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta đã phát triển toàn diện, vượt bậc với một tinh thần tiến công liên tục và ngày càng mạnh mẽ. Chưa bao giờ những truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta lại được phát huy cao độ như trong thời gian vừa qua. Một điều đầy ý nghĩa là chính những truyền thống tốt đẹp đó đã trở thành nội dung của đề tài nghiên cứu được đặt thành trọng tâm trong kế hoạch nghiên cứu năm vừa qua của Viện Sử học.

Được sống trong một thời đại mà cả loài người tiến bộ đã xem Việt-nam là đồng nghĩa với chủ nghĩa anh hùng, những cán bộ sử học Việt-nam càng nhận rõ trách nhiệm của mình phải đi sâu nghiên cứu những truyền thống của dân tộc và đề phẩn khởi, say sưa bắt tay vào công việc đó. Nội dung nghiên cứu về truyền thống dân tộc xoay vào ba chuyên đề: truyền thống đấu tranh yêu nước và chủ nghĩa anh hùng của dân tộc Việt-nam, truyền thống trong sự nghiệp sản xuất và truyền thống trong sự nghiệp đấu tranh thống nhất đất nước. Đó là những vấn đề vừa có tính khoa học sâu sắc, vừa có ý nghĩa phục vụ kịp thời những nhiệm vụ chính trị to lớn và nóng hổi đang đặt ra trước nhân dân ta.

Đến cuối năm 1968, việc nghiên cứu đề tài truyền thống xem như đã hoàn thành về căn bản. Những công trình nghiên cứu về đề tài nói trên đã cố gắng đi sâu vào việc tìm hiểu,

phân tích những đặc điểm và tính chất của truyền thống dân tộc Việt-nam.

Truyền thống đấu tranh yêu nước được nghiên cứu dựa trên sự phát triển của chủ nghĩa anh hùng cổ truyền của dân tộc ta với những đức tính nổi bật nhân, trí, dũng đã được bồi dưỡng, phát huy qua các thời đại lịch sử khác nhau, và đặc biệt là trong thời đại hiện nay đã tiến tới một đỉnh cao của chủ nghĩa anh hùng cách mạng do tiếp thu bản chất của giai cấp công nhân và sự giáo dục của Đảng.

Truyền thống sản xuất được nghiên cứu nhằm chứng minh dân tộc ta trong lịch sử lâu đời của mình không những chiến đấu giỏi mà còn sản xuất giỏi, không những có tri thức rất sâu sắc về đánh giặc, giữ nước mà còn có những hiểu biết rất phong phú về sản xuất và đã có những tổng kết kinh nghiệm quý giá về mặt này.

Nội dung nghiên cứu về truyền thống đấu tranh sản xuất dựa trên cơ sở sự phân tích đặc điểm của xã hội Việt-nam còn làm rõ thêm sự đoàn kết trong lao động, tinh thần tập thể trong sản xuất của nhân dân ta trong các thời đại lịch sử trước đây.

Việc nghiên cứu truyền thống đấu tranh thống nhất phân tích những điều kiện khách quan dẫn đến sự hình thành rất sớm một quốc gia thống nhất của dân tộc ta và trên cơ sở sự phát triển của lịch sử đã chứng minh xu hướng thống nhất đó rất mạnh mẽ, nó đã đánh bại xu hướng chia cắt đất nước, chia rẽ dân tộc của mọi thế lực phản động trong lịch sử từ trước đến nay.

Việc hoàn thành về căn bản chương trình nghiên cứu đề tài truyền thống trong năm qua ngoài ý nghĩa đóng góp vào sự tìm hiểu một cách khoa học đất nước ta, dân tộc ta nhằm phục vụ sự nghiệp cách mạng hiện nay, còn đánh dấu một tiến bộ mới trong lề lối và tác phong nghiên cứu. Phương châm nghiên cứu thiết thực, tập trung dứt điểm, phương pháp nghiên cứu tập thể của Thủ tướng

Phạm Văn Đồng và của Đảng đoàn Ủy ban Khoa học xã hội đề ra đã được quán triệt và quyết tâm thực hiện tuy bước đầu không tránh khỏi những khó khăn và lúng túng.

Với những kết quả và kinh nghiệm thu lượm được trong việc hoàn thành kế hoạch năm 1968, chúng ta khẩn trương và hào hứng bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ năm 1969.

Chúng ta làm gì trong năm 1969?

Đề tài chiến tranh nhân dân được đặt lên hàng đầu trong chương trình nghiên cứu năm nay. Chiến tranh nhân dân là một vấn đề có tầm quan trọng và ý nghĩa to lớn; không những đối với cách mạng Việt-nam, mà cả với phong trào cách mạng thế giới hiện nay. Do đó, nó đã trở thành một trong những đề tài lớn do Ban lý luận của Trung ương Đảng đề ra cho các ngành khoa học xã hội cần nghiên cứu. Đây là một vấn đề rất sâu sắc về lý luận, rất phong phú về thực tiễn, nhưng đồng thời cũng rất rộng và rất khó. Việc nghiên cứu đề tài này đòi hỏi phải có những kiến thức rộng và toàn diện, một trình độ chính trị vững vàng, sắc bén, một khả năng phân tích và khái quát cao nếu như chúng ta không muốn chỉ dừng lại ở mức độ ghi chép một cách có hệ thống những sự kiện lịch sử của cuộc chiến tranh nhân dân. Chỉ có trí tuệ của toàn Đảng và sự đóng góp tập thể của các ngành (trước hết là quân đội và các ngành khoa học xã hội) mới có thể đưa việc nghiên cứu đến những kết quả toàn diện, tương xứng với cuộc chiến tranh nhân dân vĩ đại nhất trong lịch sử của dân tộc ta. Và một điều chắc chắn là công việc đó phải được tiến hành trong nhiều năm dưới một sự chỉ đạo chặt chẽ và có tổ chức.

Tuy vậy, thật là thiếu sót nếu chúng ta không bắt tay ngay từ bây giờ vào việc nghiên cứu vấn đề này, — ít nhất cũng là đặt những viên đá đầu tiên cho cái nền của các kế hoạch nghiên cứu sâu hơn trong tương lai. Chiến tranh nhân dân ở Việt-nam hiện nay đã phát triển đến một đỉnh cao với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Ở đỉnh cao đó, những hình thái, đặc điểm và cả quy luật của cuộc chiến tranh nhân dân trên đất nước ta đã thể hiện rất sắc nét. Đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng ta ngày càng tỏ rõ tính khoa học chính xác, kỳ diệu.

Như vậy, chúng ta đã có những cơ sở vững chắc để tiến hành nghiên cứu. Vấn đề đặt ra là với lực lượng, trình độ, khả năng có hạn của chúng ta hiện nay, chúng ta "khoanh vùng" và đề ra những nội dung cụ thể gì cần nghiên cứu trong đề tài đó nhằm đóng góp một phần nhỏ vào việc tổng kết và khái quát

thành lý luận của Đảng về chiến tranh nhân dân Việt-nam.

Theo tinh thần đó, nội dung nghiên cứu về chiến tranh nhân dân Việt-nam trong năm nay sẽ xoay vào ba vấn đề:

1. Tính kế thừa lịch sử của chiến tranh nhân dân. Chúng ta xuất phát từ đỉnh cao hiện nay của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước để nghiên cứu chiến tranh nhân dân. Tuy vậy, chúng ta không quên là trong lịch sử lâu đời của đất nước, ông cha ta đã xây dựng nên những truyền thống đấu tranh vũ trang chống ngoại xâm rất mạnh mẽ, bền bỉ, sáng tạo và cuộc chiến tranh nhân dân vĩ đại ngày nay đã kế thừa và phát huy lên cao độ những truyền thống oanh liệt đó. Vì vậy, nghiên cứu những truyền thống làm cái cốt cho tính kế thừa lịch sử của chiến tranh nhân dân hiện nay là hoàn toàn cần thiết và càng làm sáng tỏ những đặc điểm cũng như những quy luật phát triển của chiến tranh nhân dân Việt-nam.

2. Tính thời đại của chiến tranh nhân dân Việt-nam. Cuộc chiến tranh nhân dân Việt-nam tiến hành trong những điều kiện lịch sử của một thời đại mới, thời đại tiến công của các lực lượng cách mạng trên thế giới, thời đại suy tàn và sụp đổ của chế độ thực dân và chủ nghĩa đế quốc.

Nghiên cứu vấn đề này sẽ góp phần làm cho thấy rõ tác động của những yếu tố của thời đại đối với cuộc chiến tranh nhân dân của ta, và ngược lại làm sáng tỏ vị trí và tác dụng của cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt-nam trong đó bao gồm cuộc chiến tranh nhân dân đối với sự tiến triển của phong trào cách mạng trên thế giới, đồng thời làm nổi bật đường lối cách mạng độc lập, vững vàng, sáng tạo và nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh tài tình của Đảng ta.

3. Kết hợp đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị. Đó là hình thức cơ bản của bạo lực cách mạng ở nước ta, đồng thời cũng là đặc điểm chủ yếu của chiến tranh nhân dân Việt-nam. Trong vấn đề này, chúng ta sẽ cố gắng đi sâu nghiên cứu cơ sở lý luận, hình thái biểu hiện, quá trình phát triển của sự kết hợp đó, một sáng tạo lớn lao và độc đáo của cách mạng Việt-nam đã được Đảng ta vận dụng thành công vào sự chỉ đạo cuộc chiến tranh nhân dân.

Cùng với đề tài chiến tranh nhân dân, kế hoạch năm 1969 đề ra việc nghiên cứu đặc điểm xã hội Việt-nam. Đây không phải là một vấn đề mới. Trong thực tế, từ nhiều năm trước đây, ở những mức độ khác nhau, chúng

ta đã đề cập đến khá nhiều chuyên đề thuộc đặc điểm xã hội Việt-nam. Vấn đề đặt ra hiện nay là chúng ta nghiên cứu sâu hơn, tập trung hơn, có hệ thống hơn và cố gắng tiến tới những kết luận chính xác, có căn cứ khoa học về một số vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc làm sáng tỏ lịch sử đất nước ta từ thời đại bắt đầu dựng nước hoặc xa hơn nữa.

Sự sớm hình thành dân tộc, chính quyền tập trung và quốc gia thống nhất ở Việt-nam, vai trò và tác dụng của thủy lợi đối với sự phát triển của nền kinh tế và xã hội Việt-nam, công xã nông thôn và vai trò của nó trong sự phát triển của xã hội Việt-nam là những vấn đề cần được đi sâu nghiên cứu. Việc nghiên cứu những đặc điểm của xã hội Việt-nam chính là sự nối tiếp việc nghiên cứu những truyền thống, dân tộc trong năm qua dưới hình thức nó là cơ sở thuyết minh cho những truyền thống đó. Nghiên cứu đặc điểm của xã hội Việt-nam về thực chất là tìm ra quy luật phát triển đặc thù của xã hội Việt-nam trong mối quan hệ với quy luật phát triển phổ biến của xã hội loài người. Do đó, chúng ta cần phải trở lại Mác, suy nghĩ về những ý kiến của Mác về phương thức sản xuất châu Á và nhất là từ thực tiễn của những đặc điểm của xã hội Việt-nam mà góp phần làm sáng tỏ sự hiểu biết phương thức sản xuất nói trên, một vấn đề hiện đang được thảo luận sôi nổi trên thế giới.

Một điểm cần chú ý là kế hoạch nghiên cứu năm 1969 còn phải tích cực chuẩn bị cho năm 1970, một năm đầy những cột mốc

lịch sử huy hoàng: năm kỷ niệm 40 năm thành lập Đảng, 25 năm thành lập nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, năm mừng thọ Hồ Chủ tịch, vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc 80 tuổi, năm kỷ niệm Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam vừa tròn 10 tuổi, năm kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Lê-nin.

Công tác sử học chắc chắn phải đề ra những nội dung nghiên cứu thiết thực, sát với yêu cầu của Đảng và Nhà nước cũng như phù hợp với chức năng của ngành mình nhằm phục vụ một cách có ý nghĩa nhất những ngày lịch sử quan trọng nói trên.

Riêng về đề tài giai cấp công nhân, đề phục vụ cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất đất nước, chương trình nghiên cứu sẽ chú trọng tập trung vào các đề tài: phong trào công nhân trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1945 — 1954), phong trào công nhân trên miền Bắc xã hội chủ nghĩa từ năm 1955 đến nay và phong trào công nhân miền Nam trong cuộc đấu tranh cách mạng hiện nay.

Với năm 1969, chúng ta đã đứng trước ngưỡng cửa của một thời kỳ lịch sử mới đang mở ra trước nhân dân ta những triển vọng thắng lợi cực kỳ to lớn. Tốc độ phát triển cách mạng một ngày bằng hai mươi năm đang đẩy đất nước ta vùn vụt tiến lên. Cũng với tinh thần khẩn trương cách mạng đó, những cán bộ sử học chúng ta hãy đoàn kết phấn đấu, tổ chức tốt việc thực hiện và hoàn thành thắng lợi các kế hoạch nghiên cứu đã đề ra.

VIỆN SỬ HỌC

MẤY NHẬN XÉT VỀ CHIẾN THẮNG ĐÔNG-ĐÀ NĂM 1789 DO NGUYỄN HUỆ CHỈ HUY

VĂN TÂN

CHIẾN thắng Đông-đà năm 1789 (năm Kỷ-dậu) là một chiến thắng vĩ đại trong lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc Việt-nam. Năm nay — năm Kỷ-dậu — trong không khí đấu tranh chống Mỹ, cứu nước, dân

tộc chúng ta kỷ niệm năm thứ 180 chiến thắng lịch sử ấy. Chúng ta thử nhìn lại xem chiến thắng ấy có những gì đáng cho chúng ta chú ý và nghiên cứu.

CHIẾN THẮNG DIỄN RA VÀO ĐẦU XUÂN NĂM KỶ DẬU

Trong lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc Việt-nam, chúng ta có nhiều mùa xuân đã được khắc sâu vào lịch sử. Ngày 8 tháng giêng năm Mậu-tý (1288), Trần Khánh Dư cả phá đoàn thuyền lương của Trương Văn Hô ở biển Đại-bàng, bắt được ba trăm thuyền lương của quân Nguyên. Chiến thắng của Trần Khánh Dư buộc Thoát-hoan phải mang toàn bộ quân đội rút về nước, và tạo điều kiện cho Trần Quốc Tuấn phá tan đoàn chiến thuyền gồm năm trăm chiếc của Ô-mã-nhi ở sông Bạch-đăng vào ngày mồng tám tháng ba năm Mậu-tý (ngày 9 tháng tư năm X 1288).

Mùa xuân đáng ghi nhớ thứ hai là mùa xuân năm Mậu-tuất (1418). Năm ấy vào ngày mồng hai tháng giêng giữa lúc quân Minh đang say sưa ăn Tết, thì Lê Lợi dựng cờ nghĩa ở Lam-sơn, mở ra một thời kỳ mới trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ đất nước, Cuộc khởi nghĩa bất ngờ nổ ra làm cho Lý Bân giật mình hoảng sợ, phải vội vã sai Mã Kỳ mang quân đi đánh.

Mùa xuân đáng ghi nhớ thứ ba là mùa xuân năm Đinh-mùi (1427), tháng giêng, Nguyễn Trãi đã dùng đường lối địch vận tài tình, giải

phóng thành Nghệ-an mà không mất một mũi tên nào: Đô đốc Minh là Thái Phúc trấn thủ Nghệ-an đã nghe theo lời khuyên của Nguyễn Trãi đem toàn bộ quân đội ra hàng nghĩa quân Lam-sơn. Việc Nguyễn Trãi dụ hàng Thái Phúc thành công tạo điều kiện cho các tướng lĩnh quân Minh ở các thành khác ra hàng: Tháng hai quân giặc ở Thị-cầu ra hàng, tháng ba quân giặc ở Tam-giang ra hàng, tháng 11 Vương Thông ở Đông-quan cũng xin hàng.

Mùa xuân oanh liệt nhất là mùa xuân năm Kỷ-dậu (1789). Ngày 30 Tết khi hai mươi vạn chiến binh và sáu mươi vạn lương binh của Mãn Thanh bắt đầu ăn Tết; Ở cung Tây-long tại Thăng-long, Tôn Sĩ Nghị đang say sưa với rượu ngon, gái đẹp, thì quân Tây-sơn do Nguyễn Huệ thân tự chỉ huy vượt bến đò Gián-khẩu cách Thăng-long 76 ki-lô-mét. Từ bến đò Gián-khẩu, quân Tây-sơn chia làm hai mũi dùi, một mũi chọc thẳng vào miền đất trước đây là tỉnh Hà-nam, một mũi tiến nhanh về phía miền đất ngày nay là thị xã Nam-định. Tại đây "nghĩa binh" của Hoàng Phùng Nghĩa tan vỡ ngay sau khi được tin quân Tây-sơn sắp kéo đến. Đến huyện Thanh-liêm, quân Tây-sơn gặp quân

đo thám của Tôn Sĩ Nghị. Bọn này trông thấy bóng cờ Tây-sơn đã hết hồn hết vía bỏ chạy. Đuổi đến huyện Phú-xuyên, quân Tây-sơn được nhân dân giúp sức bắt được toàn bộ cánh quân do thám của Mãn Thanh.

Đêm hôm mồng ba Tết, quân Tây-sơn kéo đến vây kín đồn Hà-hồi ở bên cạnh huyện Thương-tín. Lúc này quân Mãn Thanh ở trong đồn hoặc đã đi ngủ sau những buổi chuẩn bị đón xuân, và đón xuân nhộn nhịp, hoặc đang mê mết với chén rượu, lá bài... Bỗng bốn mặt đồn vang lên tiếng loa của quân Tây-sơn kêu gọi quân Mãn Thanh mau mau hạ vũ khí ra hàng để khỏi chết một cách vô ích. Trong đồn, quân Mãn Thanh rối loạn, rồi không ai bảo ai, tất cả quăng bỏ vũ khí xin hàng!

Hạ đồn Hà-hồi, quân Tây-sơn thu dọn chiến trường, nghỉ ngơi độ một ngày; rồi mới mở cuộc tấn công đánh vào đồn Ngọc-hồi là một cái đồn rất kiên cố che chở cho thành Thăng-long ở phía nam. Trong khi đó, cánh quân do đô đốc Bảo chỉ huy đi tắt đường núi ra Vân-dinh tiến về phía làng Đại-áng (huyện Thanh-tri) để bất ngờ tập kích quân Thanh ở đấy, và cánh quân do đô đốc Mưu chỉ huy xuyên qua rừng núi theo con đường mà ngày nay ta gọi là đường số 6 tiến về phía làng Nhân-mục và Đống-đa để tập kích quân Thanh tại các nơi này.

Từ mờ sáng ngày mồng năm tháng Giêng năm Kỷ-dậu, quân Tây-sơn do Nguyễn Huệ trực tiếp chỉ huy tiến về phía Ngọc-hồi. Một đội tượng binh gồm hơn một trăm voi được đi mở đường cho bộ binh tiến theo sau. Trên mỗi con voi có ba hay bốn binh sĩ chít khăn đỏ, tay cầm hỏa hổ sẵn sàng phun thuốc súng vào quân địch.

Trong khi quân Tây-sơn rầm rầm rộ rộ tiến về phía Ngọc-hồi, thì từ Ngọc-hồi bọn đô đốc Hứa Thế Hanh, tiên phong Trương Sĩ Long, tá dực Thượng Duy Thắng cũng phái một đội kỵ binh đi đón đánh quân Tây-sơn. Trông thấy những con voi được to lớn của quân Tây-sơn, đoàn ngựa chiến của quân Thanh đã sợ, chúng lại sợ hơn khi chúng bị quân Tây-sơn ngồi trên mình voi dùng hỏa hổ phun lửa vào chúng. Vì vậy chưa giao chiến với tượng binh, đoàn ngựa chiến của quân Thanh đã hí lên rồi quay đầu chạy. Thế là kỵ binh của Mãn Thanh đi trước, sát theo sau có tượng binh của Tây-sơn, tất cả cùng tiến về phía Ngọc-hồi. Bộ binh của Mãn Thanh bị voi chiến giày xéo lên, chết rất nhiều. Những kẻ sống sót chạy được vào đồn. Từ trong đồn quân Mãn Thanh bắn súng ra. Nấp sau những tấm lá chắn làm bằng những ván

gỗ lớn phủ rơm tẩm nước, quân Tây-sơn cứ tiến. Khi đã tiến đến sát chân đồn, binh sĩ Tây-sơn ngồi trên mình voi nhỏ bỏ tre nứa của bờ lũy rồi thúc voi vào đồn. Các chiến sĩ nấp sau các tấm lá chắn, tuốt gươm xông lên chém bừa vào quân Mãn Thanh, hỏa hổ từ trên các mình voi cũng thi nhau phun lửa vào quân giặc. Quân giặc rối loạn, cuống quít tìm đường chạy trốn. Từ các ngả quân Tây-sơn ủa vào đồn. Chỉ một lúc, toàn bộ quân Mãn Thanh ở trong đồn Ngọc-hồi bị quét sạch không còn một mống nào. Xác quân địch nằm ngổn ngang ở khắp các nơi. Đô đốc Hứa Thế Hanh, tiên phong Trương Sĩ Long, tá dực Thượng Duy Thắng và tất cả các tướng tá khác đều chết ngay tại trận.

Trong lúc cánh quân Tây-sơn do Nguyễn Huệ trực tiếp chỉ huy tiến vào đồn Ngọc-hồi, thì cánh quân của đô đốc Mưu cũng đánh vào đồn quân Mãn Thanh ở làng Nhân-mục, và cánh quân của đô đốc Bảo đánh quân địch ở làng Đại-áng. Hệ thống đồn lũy của quân Thanh ở phía nam và tây nam Thăng-long bị vỡ. Quân địch bỏ chạy tán loạn. Một toán quân địch đang chạy về phía đê làng Yên-duyên, thì gặp một cánh quân Tây-sơn đang mở cờ gióng trống tiến ngược đường đê. Quân Mãn Thanh hoảng sợ vội quay trở lại định chạy về đồn Đại-áng. Chúng vừa đi được một lát, thì gặp một cánh quân Tây-sơn có voi chiến đi đầu từ làng Đại-áng tiến ra. Quân địch không còn hồn vía nào nữa, chúng cầm cổ chạy vào bất cứ chỗ nào. Cuối cùng chúng bị quân Tây-sơn dồn vào đầm Mực ở Quỳnh-đô để rồi bị tiêu diệt ở đó.

Cánh quân Tây-sơn do đô đốc Mưu chỉ huy, sau khi hạ đồn Nhân-mục, thừa thắng quay sang đánh đồn Điền-châu ở Đống-đa do Sầm Nghi Đống trấn giữ. Quân Mãn Thanh chống cự rất hăng, nhưng sau một ngày cầm cự, chúng tan vỡ, Sầm Nghi Đống thất cổ tự tử ở Loa-sơn (gò Đống-đa).

Sau khi hạ các đồn Ngọc-hồi, Nhân-mục, Đống-đa, Đại-áng, quân Tây-sơn tiến đánh các đồn Yên-quyết, Nam-dồng... Cánh quân của đô đốc Mưu (1) liên lạc được với cánh quân của đô đốc Bảo, rồi do cửa Nam tiến vào thành Thăng-long cầm cờ đỏ lên thành.

Tại Thăng-long, từ mấy hôm trước, Tôn Sĩ Nghị đã nhận được thư của Nguyễn Huệ sỉ vả y là một thằng điên, y đã cho đô đốc Hứa Thế Hanh mang quân từ dực đi tăng viện cho các đồn ở Thương-tín và Thanh-tri. Từ đây y vẫn thấp

(1) Có tài liệu chép là đô đốc Long

thôm lo. Sáng sớm ngày mồng năm Tết, y nghe thấy tiếng súng nổ liên hồi ở phía nam và tây nam Thăng-long, y vội đem quân ra trận. Lê Chiêu Thống đem bảy tòi tiến Tôn Sĩ Nghị lên đường. Quân Mãn Thanh chưa ra khỏi Thăng-long, thì Tôn Sĩ Nghị nhận được mấy cái tin sét đánh: Đồn Ngọc-hồi, đồn Nhân-mục, đồn Đại-áng, đồn Đống - đa đã bị phá, quân Tây-sơn có voi chiến đi đầu đang tiến nhanh về phía đồn Nam-đồng để đánh quân Mãn Thanh ở đấy. Sĩ Nghị sợ cuống quít, y chỉ còn đủ thì giờ quay lại rồi lao ra bờ sông Hồng theo cầu phao để qua sông. Thấy chủ soái hấp tấp qua cầu chạy trốn, quân Mãn Thanh không ai bảo ai cũng ủa nhau qua cầu để chạy sang bên kia sông. Cầu phao gãy, hàng trăm quân Mãn Thanh trong đó có một số tướng lĩnh bị ném xuống sông.

Chiều ngày mồng năm Tết, Nguyễn Huệ ngồi trên mình voi, áo chiến xám xịt vì khói thuốc súng, thân dẫn đại binh Tây-sơn tiến vào Thăng-long giữa sự hân hoan của nhân dân.

Khi còn ở dãy núi Tam-diệp, Nguyễn Huệ đã bảo bọn Ngô Thị Nhậm:

— Nay hãy tạm ăn Tết Nguyên đán trước, đợi đến sang xuân ngày mồng bảy vào Thăng-long, lại mở tiệc ăn mừng. Các người cứ nghe lấy lời của ta xem có đúng hay không?

Mọi việc đã xảy ra đúng như dự đoán của Nguyễn Huệ: Quân Mãn Thanh đã bị phá, quân Tây-sơn đã vào Thăng-long trước ngày mồng bảy tháng giêng năm Kỷ-dậu.

Giữ đúng lời hứa với năm quân, ngày mồng bảy tháng giêng, Nguyễn Huệ lại cho quân Tây-sơn ăn Tết ở Thăng-long một lần nữa. Cái Tết lần này thật là tung bừng, nhộn nhịp: Dân tộc vừa thanh toán xong hai mươi vạn chiến binh và sáu mươi vạn lương binh của Mãn Thanh xâm lược. Mọi người thường xuân trong cái không khí tung bừng của tự do, độc lập. Có thể nói năm Kỷ-dậu (1789) mãi đến mồng năm tháng giêng xuân mới về với dân tộc Việt-nam nói chung, với nhân dân Thăng-long nói riêng.

TẤN CÔNG CHỚP NHOÀNG, THẮNG LỢI SÉT ĐÁNH

Trong lịch sử dân tộc chúng ta, nhiều lần chúng ta đã đấu tranh chống ngoại xâm thắng lợi. Đáng đề ý là không lần thắng lợi nào giống lần thắng lợi nào. Thắng ba năm Tân - ty (1981) quân Tống do Hầu Nhân Bảo, Tôn Toàn Hưng và Trần Khâm Tộ chỉ huy xâm lược Việt-nam. Lê Hoàn chia quân ra đón đánh. Kể từ ngày xuất quân cho đến ngày thắng lợi hoàn toàn, Lê Hoàn phải vất vả đến gần một tháng trời mới tiêu diệt được quân xâm lược. Năm 1285 Trần Quốc Tuấn phải động viên quân đội chiến đấu luôn năm tháng trời mới phá được sáu mươi vạn quân xâm lược Mông-cổ. Trong cuộc kháng chiến lần thứ ba (1287 — 1288), quân và dân đời Trần phải đấu tranh liên tiếp đến hơn ba tháng mới quét sạch quân xâm lược ra khỏi đất nước. Cuộc kháng chiến chống quân Minh do Lê Lợi và Nguyễn Trãi lãnh đạo là cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ và bậc nhất trong lịch sử Việt-nam dưới thời phong kiến. Nghĩa quân Lam-sơn phải chiến đấu đến mười năm trời mới đi đến thắng lợi cuối cùng.

Chiến thắng Đống-đa năm 1789 đã diễn ra trong một thời gian rất ngắn. Chiều ngày 30 tháng chạp năm Mậu-thân, quân Tây-sơn mới vượt bến đò Gián-khẩu cách Thăng-long gần 80 ki-lô-mét. Trên con đường dài gần 80 ki-lô-mét này có "nghĩa binh" của Hoàng

Phùng Nghĩa ở Nam-định, có quân do thám Mãn Thanh ở huyện Thanh-liêm, có đồn Hà-hồi, đồn Ngọc-hồi, đồn Nhân-mục, đồn Đống-đa đồn Nam-đồng v.v... Đến buổi sáng ngày mồng năm-tháng giêng năm Kỷ-dậu, tất cả các đồn lũy của quân Mãn Thanh trên con đường dài gần 80 ki-lô-mét đó đã bị quét sạch, và chiều ngày hôm đó Nguyễn Huệ đã dẫn đầu đại binh vào Thăng-long đã hết bóng quân xâm lược. Trung bình mỗi ngày quân Tây-sơn tiến được trên 15 ki-lô-mét. Tiến được 15 ki-lô-mét trên một con đường đầy những đồn lũy và lực lượng của quân thù, là một việc ít có trong lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc Việt-nam dưới thời phong kiến.

Ngay từ cuối năm Mậu-thân, Tôn Sĩ Nghị đã cho bố trí phòng thủ nghiêm mật ở phía nam và tây nam Thăng-long. Y biết rằng nếu quân Tây-sơn có đánh y thì chỉ có thể đánh từ mặt đó mà thôi. Do đã bố trí phòng thủ nghiêm mật ở phía nam và tây nam Thăng-long, Tôn Sĩ Nghị tin rằng quân Tây-sơn không thể mở cuộc tiến công quân Thanh từ mặt ấy. Vì vậy Sĩ Nghị đã cho quân đội nghỉ ngơi ăn Tết để đến sau ngày mồng bảy tháng giêng sẽ mở cuộc tấn công vào nam đánh quân Tây-sơn. Sĩ Nghị không ngờ rằng cuộc tấn công đã xảy ra đúng vào những ngày mà y và toàn quân đội Mãn Thanh đang nghỉ ngơi ăn Tết. Tôn Sĩ

Nghị cũng lại không ngờ rằng quân Tây-sơn tiến nhanh và đánh nhanh, thắng nhanh đến nỗi khi Hà-hồi bị hạ rồi mà y vẫn không biết được một tí tin tức gì. Sau khi quân Tây-sơn đã chiếm đồn Hà-hồi và rầm rầm rộ rộ tiến về phía đồn Ngọc-hồi, thì từ đồn này bọn - đề đốc Hứa Thế Hanh mới báo tin cho Tôn Sĩ Nghị. Khi Sĩ Nghị nhận được báo cáo của Hứa Thế Hanh, thì đồn Ngọc-hồi đã thất thủ. Đồn Ngọc-hồi thất thủ có nghĩa là phòng tuyến của quân Mãn Thanh ở phía nam Thăng-long đã bị thủng một lỗ lớn đến nỗi không thể hàn gắn được nữa rồi. Ngay sau khi đồn Ngọc-hồi bị thất thủ, các đồn khác như đồn Đống-đa, Yên-quyết, Nam-dồng cũng bị thất thủ theo. Các biển cố bắt lợi cho quân Mãn Thanh xảy ra theo một nhịp điệu nhanh chóng và dồn dập đến nỗi Tôn Sĩ Nghị cuống quýt lên không còn biết xoay xở ra sao. Vì vậy sáng sớm ngày mồng năm, y vừa đem quân chạy ra khỏi Thăng-long để đón đánh quân Tây-sơn, thì các tin tức quân Mãn Thanh bại trận từ phía nam Thăng-long dồn dập đưa về khiến cho y hoảng

hốt đến nỗi phải lao ngay ra cầu phao để chạy trốn sang Kinh-bắc.

Cuộc hành quân của Nguyễn Huệ tấn công quân Mãn Thanh vào những ngày đầu xuân năm Kỷ-dậu quả là cuộc hành quân chớp nhoáng ít có trong lịch sử Việt-nam. Quân Tây-sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy đã tiến nhanh đến mức Tôn Sĩ Nghị không thể tưởng tượng được, và đã đánh cho quân Mãn Thanh những đòn sấm sét làm cho chúng kinh hồn bỏ vía.

Trước chiến thắng Đống-đa, một người cung nhân từ phủ Trường-yên về Thăng-long đã nói với Lê Thái hậu, mẹ Lê Chiêu Thống như sau: — Nguyễn Huệ là một tay anh hùng lão luyện, dũng mãnh và có tài cầm quân, xem hẳn ra Bắc vào Nam, ẩn hiện như quỷ thần, không ai có thể lường được.

Câu nói của người cung nhân về Nguyễn Huệ cũng hoàn toàn đúng với chiến dịch Đống-đa: Một chiến dịch diễn ra nhanh như chớp nhoáng làm cho ngày nay chúng ta vẫn ngạc nhiên và kinh phục.

TIÊU DIỆT ĐỊCH TỪ CĂN CỨ CHÍNH CỦA CHÚNG

Năm 981 khi mang quân ra đánh quân Tống của Hầu Nhân Bảo, Tôn Toàn Hưng, Trần Khâm Tộ, Lê Hoàn đã đánh chúng ở nhiều mặt trận: ở Chi-lăng, ở sông Bạch-đăng, ở Tây-kết trên sông Hồng. Ông đã thắng địch ở tất cả các nơi: Ở Chi-lăng ông đã giết được Hầu Nhân Bảo, ở sông Bạch-đăng ông đã buộc thủy quân Tống phải rút lui, trên sông Hồng ông đã đánh cho thủy quân của Trần Khâm Tộ thua to.

Năm 1076—1077, Lý Thường Kiệt chặn quân Tống trên sông Như-nguyệt. Quân Lý ở nam ngạn sông, quân Tống ở bắc ngạn, quân hai bên cầm cự với nhau mấy tháng trời. Quân Tống ngày đêm chờ thủy quân của Dương Tùng Tiên và Hòa Mân đến để qua sông, nhưng thủy quân của Tùng Tiên đã bị thủy quân Lý phá ở biển Đông. Vì vậy cuối cùng Quách Quỳ phải nhận điều kiện giảng hòa của Lý Thường Kiệt rồi rút quân về nước.

Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ hai (1285) và cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ ba (1287—1288), Trần Quốc Tuấn chỉ đánh địch, sau khi chúng đã dàn mỏng lực lượng ra. Quốc Tuấn đã khéo biết dùng đoản binh chống trường trận, ông phát động chiến tranh nhân dân — chiến tranh du kích để đánh địch, ông đánh địch chủ yếu bằng phục kích, bằng cách chặn đường

tiếp tế của địch, cướp lương thực của địch. Năm 1288 ông đã cho Trần Khánh Dư đánh phá đoàn thuyền lương của Trương Văn Hổ để buộc Thoát Hoan phải mang toàn bộ quân đội rút lui. Khi quân Nguyên đã rút lui, Quốc Tuấn mới tổ chức trận phục kích qui mô ở trên sông Bạch-đăng để tiêu diệt toàn bộ thủy quân địch. Suốt mấy lần kháng chiến chống quân Nguyên, chưa bao giờ Quốc Tuấn đem quân tấn công thẳng vào Thăng-long là căn cứ chính của quân xâm lược và là đại bản doanh của Thoát Hoan. Ông đánh quân Nguyên ở các nơi khác để buộc quân địch ở Thăng-long phải rút lui. Khi quân địch ở Thăng-long rút lui, ông mới tổ chức các trận phục kích để tiêu diệt chúng.

Trong cuộc kháng chiến chống quân Minh trong giai đoạn 1418 — 1428, chỉ có một lần nghĩa quân Lam-sơn tập trung lực lượng đánh thành Xương-giang, còn không hề thật sự đánh một thành nào khác. Nghĩa quân, khi lực lượng đã lớn mạnh, chỉ bao vây cầm chừng thành Đông-quan. Lối đánh sở trường và hay vận dụng nhất là phục kích, vây thành (vây cầm chừng), diệt viện. Công tác mà nghĩa quân chú trọng nhất là địch vận, dụ hàng. Công tác địch vận này đã mang lại kết quả vô cùng to lớn như chưa từng có trong lịch sử Việt-nam. Thành Đông-quan, căn cứ chính của quân

Minh, nơi đặt đại bản doanh của quân xâm lược, nghĩa quân Lam-sơn cũng giải phóng bằng địch vận.

Khi xâm lược nước Việt-nam năm 1788—1789, quân đội Mãn Thanh chia ra làm bốn đạo: Đạo thứ nhất do đề đốc Ô Đại Kính chỉ huy từ Vân-nam tiến vào Việt-nam rồi chiếm đóng miền đất ngày nay là tỉnh Vĩnh-phú; đạo thứ hai do tri phủ Điền-châu là Sầm Nghi Đống chỉ huy theo đường Cao-bằng tiến vào miền đất ngày nay là tỉnh Bắc-thái rồi vào thẳng Thăng-long; đạo quân thứ ba, đạo chủ lực do Tôn Sĩ Nghị và Hứa Thế Hanh chỉ huy theo đường Nam-quan vào Lạng-sơn rồi qua Bắc-giang tiến chiếm Thăng-long; đạo quân thứ tư từ Khâm-châu vượt biển qua núi Ô-lôi, vào miền Quảng-ninh rồi cuối cùng chiếm đóng miền đất là tỉnh Hải-phòng và tỉnh Hải-dương cũ. Như vậy là cho đến cuối năm 1788 đầu năm 1789, quân đội Mãn Thanh đã chiếm hầu hết những miền đất trọng yếu của Bắc-bộ.

Trong tất cả các miền đất kể trên thì nơi quan trọng nhất là Thăng-long. Thăng-long vừa là kinh đô của nhà Lê vừa là căn cứ chính của quân Mãn Thanh. Tôn Sĩ Nghị đã lập đại bản doanh ở Thăng-long. Tại đây Sĩ Nghị đã có chỉ ít là trên mười vạn quân: Mười vạn quân này là quân tinh nhuệ nhất của quân xâm lược.

Năm 1789 khi mang quân ra Bắc đánh quân Mãn Thanh, Nguyễn Huệ không chú ý nhiều đánh chúng ở miền Hải-dương—Hải-phòng, ông cũng không đánh chúng ở Bắc-giang, Bắc-thái, Vĩnh-phú, mà ông đánh chúng ở ngay căn cứ chính của chúng là Thăng-long. Nói khác đi Nguyễn Huệ đã đánh quân Mãn Thanh ở nơi chúng có những lực lượng lớn mạnh nhất và được phòng thủ nghiêm mật nhất. Sĩ Nghị tự đảm đương lấy nhiệm vụ bảo vệ thành Thăng-long. Trước thành Thăng-long về phía nam, một đồn lũy cực kỳ kiên cố là đồn Ngọc-hồi, y giao cho đề đốc Hứa Thế Hanh, phó tư lệnh đạo quân chủ lực. Giúp việc trực tiếp Hứa Thế Hanh có Trương Sĩ Long và Thượng Duy Thăng. Dưới con mắt của Tôn Sĩ Nghị, Ngọc-hồi là một đồn lũy mà quân Tây-sơn không thể phá nổi. Nếu như Ngọc-hồi là một đồn lũy không có sức nào có thể phá nổi, thì thành Thăng-long do Sĩ Nghị trực tiếp chỉ

huy công việc bảo vệ, lại càng không có sức nào có thể phá nổi.

Sĩ Nghị tin tưởng chắc chắn như thế, cho nên y mới dám cho quân Mãn Thanh ăn Tết dễ dãi sau ngày mồng bảy tháng Giêng sẽ tiến vào Nam đánh Nguyễn Huệ.

Cuối tháng Chạp năm Mậu-thân, khi các nơi xin Sĩ Nghị xuất quân tiến vào Nam đánh quân Tây-sơn, viên tổng chỉ huy quân viễn chinh Mãn Thanh cười và nói:

— Hết năm đến nơi rồi, việc gì mà phải hấp tấp như thế! Không cần phải đánh vội. Quân giặc đang gầy, ta đang nuôi cho chúng béo để cho chúng tự dâng thịt.

Sĩ Nghị nói như vậy là vì y tin rằng Nguyễn Huệ dù liêu lĩnh đến đâu cũng không dám mạo hiểm đánh thẳng vào Thăng-long là căn cứ chính của quân Mãn Thanh.

Như mọi người đều biết Nguyễn Huệ, đã đem chủ lực của ông đánh thẳng vào Thăng-long từ phía nam, và ông đã giành được thắng lợi chớp nhoáng. Quân Tây-sơn đã thắng lợi nhanh chóng, và không tổn thất gì nhiều cho lắm. Trận đánh quân của Hoàng Phùng Nghĩa, trận đánh quân do thám Mãn Thanh ở huyện Thanh-liêm, trận Hà-hồi là những trận quân Tây-sơn toàn thắng mà không mất một mũi tên nào. Chỉ ở trận Ngọc-hồi là trận mà quân Tây-sơn tổn thất đôi chút mà thôi. Trận tổn kém nhất đối với quân Tây-sơn là trận đánh vào đồn Điền-châu ở Đống-đa do Sầm Nghi Đống trấn giữ. Trận này kéo dài đến gần một ngày, và kết thúc bằng thắng lợi của quân Tây-sơn.

Sau khi Nguyễn Huệ phá xong quân đội chủ lực của Tôn Sĩ Nghị ở Thăng-long, thì đạo quân do đề đốc Ô Đại Kính chỉ huy phải bỏ miền Vĩnh-phú chạy về Trung-quốc cho nhanh để khỏi phải bị tiêu diệt, còn các cánh quân Mãn Thanh khác đóng ở các nơi chắc cũng bị quân của đề đốc Lộc và đề đốc Tuyết đánh cho tơi bời. Số còn lại chạy được về Trung-quốc có lẽ không được bao nhiêu.

Như vậy là những trận tấn công táo bạo và chớp nhoáng mà Nguyễn Huệ giáng vào Thăng-long những ngày đầu xuân năm Kỷ-dậu khác nào những đòn búa bổ giáng vào đầu não một người làm cho toàn bộ cơ thể của người đó phải rã rời, tê liệt.

QUYẾT TÂM CAO, TIN TƯỞNG VỮNG CHẮC

Muốn thắng quân địch, phải có chiến lược, chiến thuật đúng đắn, phải biết chỉ đạo việc

thực hiện chiến lược, chiến thuật. Muốn thắng quân địch, còn phải có quyết tâm đánh thắng

nó, và tin tưởng vững chắc rằng mình nhất định sẽ thắng nó.

Quân Tây-sơn là quân đội có tất cả các điều kiện như thế.

Ở đây, chúng ta không nói đến chiến lược, chiến thuật của quân Tây-sơn, chúng ta cũng không nói đến sự chỉ đạo việc thực hiện chiến lược, chiến thuật, chúng ta chỉ nói đến quyết tâm và tin tưởng của quân Tây-sơn mà thôi.

Nguyễn Huệ là vị thủ lĩnh có một tin tưởng rất vững chắc vào sự nghiệp đánh giặc cứu nước của ông. Ngày 24 tháng mười một năm Mậu-thân (1788) ngựa trạm của đô đốc Tuyết mang thư cáo cấp của Ngô Văn Sở về đến Phú-xuân. Trong thư Ngô Văn Sở đã báo cáo tường tận cho Nguyễn Huệ biết thanh thế mạnh của quân Mãn Thanh. Xem xong thư, Nguyễn Huệ cười rồi nói:—Quân Thanh là cái thá gì? Chúng đến đây chỉ là tự đưa mình đến chỗ chết. Việc gì phải vội vàng? Ta hãy làm lễ tấn tôn trọng thể đã (*Lễ qui kỳ sự*).

Khi các cựu thần nhà Lê xin Tôn Sĩ Nghị xuất quân tiến vào Nam đánh quân Tây-sơn, Sĩ Nghị cũng nói: «Việc gì phải hấp tấp như thế! Không cần phải đánh vội, quân giặc đang gầy, ta đang nuôi cho chúng béo để cho chúng tự dưng thịt».

Tôn Sĩ Nghị cho rằng không có «việc gì phải hấp tấp». Nguyễn Huệ cũng cho rằng không có «việc gì phải vội vàng».

Tôn Sĩ Nghị cho rằng quân Tây-sơn đến để «tự dưng thịt». Nguyễn Huệ cho rằng quân Mãn Thanh «tự đưa mình đến chỗ chết». Thái độ của hai người đối với kẻ thù của mình đại khái giống nhau. Nhưng những sự kiện xảy ra vào đầu năm Kỷ-dậu chứng minh rằng kẻ tự tin ở lực lượng của mình, biết rằng mình sẽ thắng là Nguyễn Huệ, còn Tôn Sĩ Nghị chỉ là một kẻ huênh hoang, tự đắc một cách vô căn cứ, không biết mình không biết người, cho nên đã thua một cách thảm hại.

Mang quân ra đến Nghệ-an, Nguyễn Huệ cho người mời La-sơn Phu-tử Nguyễn Thiếp xuống núi và hỏi:—Quân Thanh lại đây, ta muốn đem quân ra đánh, mọ đánh và giữ, cơ được hay thua, tiên sinh nghĩ xem ra làm sao?

Nguyễn Thiếp nói:

—Nay trong nước trống không, nhân tâm ly tán. Quân Thanh từ xa đến không biết tình hình quân ta mạnh hay yếu thế nào, không biết thế nên chiến hay thủ thế nào. Vả nó có bụng khinh địch, nếu đánh gấp thì không quá mười ngày sẽ phá tan; nếu trì hoãn một chút thì khó lòng mà được nó.

Nguyễn Huệ nói:

—Tiên sinh nói rất hợp với ý tôi.

Thế nghĩa là ý kiến của Nguyễn Thiếp chỉ làm tăng thêm tin tưởng của Nguyễn Huệ mà thôi. Thật ra trước khi gặp La-sơn Phu-tử, vị thủ lĩnh quân đội Tây-sơn đã biết rằng quân đội của ông nhất định sẽ phá tan quân xâm lược trong một thời gian ngắn.

Trong buổi làm lễ thệ sư ở Thọ-hạc (Thanh-hóa) ngồi trên mình voi, Nguyễn Huệ tuyên bố trước năm quân:

—Phàm chư quân, ai muốn đánh, phải vì ta mà giết cho hết quân giặc; ai không muốn đánh thì cũng xem ta đánh một trận giết mấy vạn người, đó không phải là chuyện hiếm lạ đâu.

Chưa đánh giặc mà đã biết trước rằng mình sẽ giết mấy vạn giặc. Nguyễn Huệ quả là nhân vật anh hùng đã nhìn thấy sự việc từ khi nó chưa xảy ra.

Bình pháp Tôn tử có nói: «Cho nên ta khéo đánh thì địch không biết đâu mà giữ. Ta khéo giữ thì địch không biết đâu mà đánh. Ta phải khôn khéo đến nỗi không hơi không tấc. Cho nên ta có thể cầm mạng địch trong tay ta. Ta tiến mà địch không thấy nổi, vì ta xông vào chỗ yếu của nó...»

Cho nên ta biết rõ chỗ đánh và lúc ta đánh thì dù xa nghìn dặm ta cũng có thể đánh thắng. Địch không biết chỗ ta đánh, không biết lúc ta đánh thì ta không cứu được hữu, hữu không cứu được tả, sau không cứu được trước, trước không cứu được sau».

Cuộc tấn công của quân Tây-sơn vào quân Mãn Thanh đầu năm Kỷ-dậu (1789) chứng minh rằng Nguyễn Huệ là một tướng lĩnh «khéo đánh», biết rõ chỗ đánh và lúc đánh, cho nên ngay từ lúc cuộc tấn công chưa bắt đầu, ông đã biết rằng quân đội của ông nhất định sẽ giành được thắng lợi. Nguyễn Huệ quả đã «cầm mạng địch ở trong tay» từ lúc ông chưa đánh địch như Tôn Vũ đã nói vậy.

Ra đến dãy núi Tam-diệp, Nguyễn Huệ bảo bọn Ngô Thì Nhậm, Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân:

—Nay ta đến đây, tự đốc việc quân, đánh hay giữ đã có kế hoạch cả rồi, chỉ trong mười ngày nữa, thế nào ta cũng quét sạch quân Thanh.

Khi ra lệnh mở tiệc khao quân, Nguyễn Huệ lại nói lên sự tin tưởng tất thắng của ông.

Ở Nghệ-an, Nguyễn Huệ tin rằng khi mở cuộc tấn công, chỉ mười ngày quân Tây-sơn sẽ toàn thắng. Đến dãy núi Tam-diệp niềm tin

tướng ở thắng lợi của ông đã biểu hiện rõ ràng hơn : Quân Tây-sơn sẽ thắng quân Mãn Thanh vào trước ngày mồng bảy để có thể mở tiệc ăn mừng thắng trận vào ngày mồng bảy ở Thăng-long.

Đến ngày mồng năm tháng Giêng năm Kỷ-dậu, quyết tâm diệt giặc của Nguyễn Huệ lại cao lên thêm một bậc. Khoảng năm giờ sáng ngày hôm đó, để biểu thị quyết tâm chiến đấu, ông sai dọn lương thực vào một chỗ rồi cho đốt sạch. Ông lại lấy khăn vàng tự buộc vào cổ (1) để biểu thị cho binh sĩ biết rằng trong trận đánh đồn Ngọc-hồi, quân Tây-sơn chỉ được thắng, chứ không được bại.

Trong trận đánh đồn Ngọc-hồi, quân đội Tây-sơn đã noi gương chủ tướng và đã chiến đấu với một quyết tâm diệt địch rất cao ; cuối cùng họ đã san phẳng đồn Ngọc-hồi ngay trong buổi sáng ngày mồng năm tháng Giêng năm Kỷ-dậu.

Đánh quân Mãn Thanh năm 1789, Nguyễn Huệ tỏ ra là một tướng lĩnh có một tin tưởng vững chắc và một quyết tâm chiến đấu cao. Ngay từ khi còn ngồi ở Phú-xuân, Nguyễn Huệ đã nhìn thấy quân đội của ông sẽ đánh bại quân xâm lược. Càng đến gần quân địch,

tin tưởng của ông lại càng vững chắc, quyết tâm chiến đấu của ông lại càng cao.

Điều quan trọng không phải chỉ ở chỗ Nguyễn Huệ tin tưởng và quyết tâm tiêu diệt địch, mà còn ở chỗ ông truyền được tin tưởng và quyết tâm chiến đấu của ông vào quân chúng binh sĩ khiến cho quân đội của ông cũng tin tưởng và quyết tâm chiến đấu như ông. Trong buổi lễ thệ sư ở Thọ-hạc, khi nghe Nguyễn Huệ tuyên bố : « Phàm chư quân ai muốn đánh phải vì ta mà giết cho hết quân giặc ; ai không muốn đánh thì cũng xem ta đánh một trận giết mấy vạn người », thì quân đội của ông « dạ ran như sấm, hang núi vang động, trời đất đổi màu » (Lê quý kỷ sự).

Ta có thể nói quân đội Tây-sơn đã thắng trận ngay khi còn ở Thọ-hạc rồi.

Tự mình tin tưởng và truyền được tin tưởng của mình vào quân chúng để quân chúng hành động theo chủ định của mình. Đó là bí quyết thành công của các bậc anh hùng. Nguyễn Huệ sở dĩ thành anh hùng của dân tộc, chủ yếu là vì ông có tin tưởng vững chắc, quyết tâm chiến đấu cao, và truyền được tin tưởng và quyết tâm chiến đấu của ông vào quân chúng.

BIẾT MINH, BIẾT NGƯỜI

Tôn Vũ nói : Biết mình, biết người trăm trận đánh, trăm trận được.

Ở một chỗ khác trong *Binh pháp Tôn Tử*, Tôn Vũ lại nói : Dùng binh là cách đánh lừa quân địch... Ta giỏi mà ta làm cho quân địch tưởng ta không giỏi ; ta toan dùng binh mà ta làm cho quân địch tưởng ta không dùng ; ta muốn đánh nơi xa mà ta làm cho địch tưởng ta muốn đánh nơi gần... ; ta làm cho địch gian giữ để làm rối óc địch ; ta làm ra bộ nhường nhịn để làm cho nó kiêu ngạo.

Trong chiến dịch Đồng-đa đi đến thắng lợi vĩ đại vào buổi sáng ngày mồng năm tháng Giêng năm Kỷ-dậu, Nguyễn Huệ tỏ ra là một tướng lĩnh rất biết mình, biết người, và rất biết cách đánh lừa địch.

Như La-sơn Phu tử Nguyễn Thiếp đã nói với Nguyễn Huệ ở Nghệ-an, từ khi tiến quân vào xâm lược Việt-nam, quân Mãn Thanh không biết tình hình quân Tây-sơn mạnh hay yếu thế nào. Trái lại, Nguyễn Huệ có ở trong tay những tin tức tình báo đầy đủ về tình hình quân đội Mãn Thanh tuy có đến hai mươi vạn (chiến binh), nhưng phải đóng rải rác ở miền đất ngày nay là tỉnh Vĩnh-phú, ở

Bắc-thái, ở Hải-dương, số quân đóng ở Thăng-long và miền phụ cận chỉ có độ trên mười vạn. Nguyễn Huệ biết rằng bọn cự thần nhà Lê nói chung đã chán ghét quân đội Mãn Thanh và càng ngày càng mâu thuẫn với Tôn Sĩ Nghị ; rằng nhân dân Việt-nam nói chung, nhân dân ở Thăng-long và chung quanh Thăng-long nói riêng đang khổ sở về quân đội Mãn Thanh, họ đang chờ đợi quân Tây-sơn ra bắc để cùng họ đánh quân xâm lược. Trong khi đó, Tôn Sĩ Nghị không hề biết quân đội Tây-sơn đang ở đâu, định làm gì. Nguyễn Huệ định mang quân Tây-sơn đánh dốc vào Thăng-long, Sĩ Nghị vẫn nghĩ rằng quân Tây-sơn không dám mạo hiểm làm như thế. Nguyễn Huệ đánh quân Mãn Thanh vào dịp Tết nguyên đán năm Kỷ-dậu, Sĩ Nghị vẫn cho rằng không cần phải xuất quân tiến vào Nam, và chờ đến sau ngày mồng bảy mới xuất quân.

Quân Tây-sơn đang ở thế mạnh, nhưng

(1) Trong các trận chiến đấu quyết liệt, quân Tây-sơn có tục buộc khăn vàng ở cổ để tỏ quyết tâm giết giặc đến thắng lợi.

Nguyễn Huệ lại làm cho Tôn Sĩ Nghị tưởng lầm rằng quân Tây-sơn yếu. Để làm kiêu lòng quân Mãn Thanh, Nguyễn Huệ đã cho người đưa đến cho Tôn Sĩ Nghị một bức thư trong đó có đoạn như sau : « Chưa biết Thiên triều có tha tội cho không, nên không dám sai sứ đến. Kẻ bầy tôi có tội này vốn là đồng đội vua nước Chiêm-thành ; khi nước Chiêm mất, tổ phụ nhà thần phải trốn tránh ẩn nấp, quả ăn bạc mà tiên triều đã ban cho, hiện nay vẫn còn. Trước đây vì có họ Trịnh hiếp chế vua Lê nên thần phải đem quân ra hồi tội. Khi đã thắng họ Trịnh rồi, thần liền đem nước trao lại cho vua Lê rồi trở về (Nam). Sau được tin Nguyễn Hữu Chỉnh lại đi vào vết xe cũ của họ Trịnh, nên thần lại phải mang quân ra một lần nữa. Vua Lê không rõ bản tâm của thần, bỏ nước trốn đi. Trong nước không có chủ, thần phải lưu các tướng ở lại giữ nước... »

« Nay Đại nhân vâng lệnh của Thiên hoàng đi đến hồi tội thần về tội đuổi chúa cướp nước. Thần bao xiết run sợ ! Chuyến này ra đây, thần sẽ tới tại chỗ gần gũi để chờ lệnh Đại nhân phân xử, chứ không phải là dám chống lại mệnh (của Thiên triều) ».

Nhận được thư trên, Tôn Sĩ Nghị tưởng là Nguyễn Huệ sợ hãi thật, và y đã ra lệnh cho vị thủ lĩnh quân đội Tây-sơn : « Hãy cứ rút quân về Thuận-hóa yên lặng để chờ phân xử, không nên làm bậy để càng sa vào tội lỗi ».

Sau đó, Nguyễn Huệ lại sai bọn Trần Danh Bính dẫn đầu một sứ đoàn gồm tám người đến Thăng-long đưa cho Tôn Sĩ Nghị ba đạo bầm văn : Một đạo nhân danh giám quốc Lê Duy Cẩn, một đạo nhân danh văn võ quân thần, một đạo nhân danh nhân dân xin Tôn Sĩ Nghị hãy cho đóng quân ở Nam-quan để tra xét nội tình nhà Lê và Tây-sơn từ trước đến giờ...

Nguyễn Huệ lại cho đem nộp Tôn Sĩ Nghị bốn tuần dương binh Hắc Thiên Tôn gồm bốn mươi người do Ngô Hồng Chấn (1) tướng Tây-sơn ở Thăng-long bắt được từ trước.

Xem mấy đạo bầm văn, Tôn Sĩ Nghị lại càng cho Nguyễn Huệ đang run sợ trước thế lực của y. Y xé mấy đạo bầm văn vắt xuống đất, rồi sai đem bọn Trần Danh Bính ra chém. Sau đó truyền hịch đi các nơi kể tội quân Tây-sơn, và bảo cho mọi người biết rằng : y sẽ mang quân vào tận Quảng-nam bắt sống Nguyễn Huệ.

Trong khi Sĩ Nghị đang ngông nghênh tự cao tự đại về lực lượng của mình, và coi quân Tây-sơn như cỏ rác, thì Nguyễn Huệ đang

dẫn quân Tây-sơn tiến ra bắc đánh quân xâm lược.

Khi quân Tây-sơn đã hạ đồn Hà-hồi mà không mất một mũi tên nào, và đang trên đường tiến đến đồn Ngọc-hồi, Tôn Sĩ Nghị mới biết rằng quân Tây-sơn đang đánh vào Thăng-long, y lo sợ cuống quýt.

Để làm rối trí quân địch, Nguyễn Huệ viết một bức thư cho Tôn Sĩ Nghị mắng y là một thằng điên. Nhận được bức thư này, Sĩ Nghị vốn đã bối rối, chắc lại bối rối hơn... Sáng ngày mồng năm tháng giêng năm Kỷ-dậu, khi mang quân Mãn Thanh định rời Thăng-long để đánh Nguyễn Huệ, Tôn Sĩ Nghị ra đi với một sự hoảng hốt đến cao độ, và một sự gượng gạo rất rõ rệt. Vì vậy vừa nghe tin thất thủ các đồn Ngọc-hồi, Đống-đa, Nhân-mục, y đã vội quay ngựa ra bờ sông Hồng để chạy sang Kinh-bắc.

Tóm lại, trong chiến dịch Đống-đa, Nguyễn Huệ tỏ ra đã biết mình biết người đến cao độ, và đã biết dùng nhiều cách để đưa quân địch vào bẫy. Do biết mình biết người một cách chính xác, ông đã biết ông thắng quân Mãn Thanh ngay khi ông còn ở Phú-xuân.

Chiến thắng Đống-đa vào đầu xuân năm Kỷ-dậu là một chiến thắng vĩ đại vào bậc nhất trong lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc Việt-nam dưới thời phong kiến. Toàn bộ chiến dịch diễn ra như chớp nhoáng trong một thời gian là năm ngày.

Chiến thắng Đống-đa chứng minh rằng dân tộc Việt-nam có nhiều khả năng đấu tranh chống ngoại xâm. Năm 981 chúng ta đã chia lực lượng ra để đánh quân Tống ở nhiều nơi, và đã quét sạch quân giặc trong vòng một tháng. Năm 1285 và năm 1287—1288, Trần Quốc Tuấn phá tan các cuộc xâm lược của quân Mông-cô bằng những chiến lược và chiến thuật khác hẳn chiến lược và chiến thuật mà Lê Hoàn và Lý Thường Kiệt đã vận dụng để phá quân Tống vào năm 981, năm 1075, và năm 1076—1077.

Trong cuộc kháng chiến chống quân Minh trong thời kỳ 1418—1428, Lê Lợi và Nguyễn Trãi lại đánh giặc theo một đường lối khác hẳn đường lối đánh giặc hồi thế kỷ X, thế kỷ XI và thế kỷ XIII.

Nếu như Lê Lợi — Nguyễn Trãi chủ trương đánh lâu dài để có thì giờ phát triển lực

(1) Ngô Hồng Chấn nói đây có lẽ là một tên khác của Ngô Văn Sở.

lượng, thì Nguyễn Huệ lại quyết ý đánh nhanh để thắng nhanh.

Như thế có nghĩa là nhân dân Việt-nam dưới thời Tây-sơn giỏi hơn nhân dân Việt-nam thời Lê Hoàn, thời Lý Thường Kiệt, thời Trần Quốc Tuấn, thời Lê Lợi — Nguyễn Trãi hay không? Không phải. Nhân dân Việt-nam thời nào cũng là những người nồng nàn yêu nước, cần cù lao động, khi Tổ quốc bị xâm lăng, họ sẵn sàng đứng lên đấu tranh ngoan cường, anh dũng chống ngoại xâm.

Thế thì tại Nguyễn Huệ giỏi hơn Lê Lợi, Nguyễn Trãi, giỏi hơn Trần Quốc Tuấn, giỏi hơn Lý Thường Kiệt, giỏi hơn Lê Hoàn chăng? Ngày nay Nguyễn Huệ, Lê Lợi — Nguyễn Trãi, Trần Quốc Tuấn, Lý Thường Kiệt, Lê Hoàn đều không còn nữa. Chúng ta không có một cái thước nào, dù cái thước đó là sự nghiệp các nhân vật lịch sử đó đã làm nên, để đo tài năng của họ rồi kết luận rằng nhân vật lịch sử này hơn nhân vật lịch sử kia. Chúng ta chỉ biết rằng các nhân vật mà chúng ta vừa kể đó đều là anh hùng của dân tộc, họ đã thành công trong sự nghiệp đánh giặc cứu nước, họ đã biết căn cứ vào *thế và lực* cụ thể giữa ta và địch trong từng thời kỳ lịch sử cụ thể để vạch ra chiến lược và chiến thuật.

Căn cứ vào *thế và lực* cụ thể giữa ta và địch hồi cuối năm 1788, Nguyễn Huệ thấy rằng, ông phải đánh nhanh để thắng nhanh (1), và có thể đánh nhanh thắng nhanh (2). Nguyễn Huệ đã đánh giá đúng tình hình của ta và tình hình của địch. Nhờ vậy ông đã vạch ra chiến lược, chiến thuật rất đúng đắn, và ông đã thắng quân địch rất nhanh.

Dân tộc ta hiện nay đang đấu tranh chống Mỹ, cứu nước.

Mỹ là một đế quốc lớn mạnh nhất trong thế giới tư bản. Trong thế giới tư bản, nhiều nước sợ Mỹ. Có nước đế quốc dân số đông gấp đôi dân số dân tộc ta, tiềm lực kinh tế cũng mạnh hơn tiềm lực kinh tế ta đến hàng chục lần, nhưng họ vẫn sợ Mỹ, đánh khuất phục Mỹ và chịu làm cái đuôi của Mỹ.

Trên thế giới, Việt-nam không phải là nước bé lắm, nhưng cũng không phải là một nước rộng lớn, dân số chỉ có trên ba chục triệu thôi. Kinh tế nước ta cho đến nay về căn bản vẫn là kinh tế nông nghiệp còn đang trong tình trạng lạc hậu. Vậy mà dân tộc ta dám ngang nhiên đứng lên đánh Mỹ xâm lược, và càng đánh càng thắng. Cuộc đấu tranh chống Mỹ

của dân tộc ta, và các thắng lợi mà ta giành được, làm cho cả loài người trong đó có nhân dân tiến bộ Mỹ phải ngạc nhiên và khâm phục.

Nguyên nhân gì khiến cho dân tộc ta càng đánh Mỹ càng thắng lợi như vậy?

Kể ra thì có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chủ yếu là dân tộc ta có Đảng của giai cấp công nhân, và đường lối đánh Mỹ cứu nước (bao gồm cả đường lối chính trị, đường lối quân sự, đường lối địch vận, đường lối ngoại giao) mà Đảng đã vạch ra.

Không những Đảng ta có đường lối đánh Mỹ cứu nước hết sức đúng đắn, mà Đảng ta còn biết thừa kế và phát huy đến cao độ truyền thống đánh giặc cứu nước của tổ tiên chúng ta qua các thời kỳ lịch sử, trong đó có truyền thống đánh giặc cứu nước của quân Tây-sơn trong chiến dịch Đống-đa, và trong chiến dịch Rạch-gầm — Xoài-mút.

Nếu như quân Tây-sơn năm 1789 với chiến lược, chiến thuật đúng đắn do Nguyễn Huệ vạch ra đã đánh bại hai mươi vạn chiến binh và sáu mươi vạn lương binh của Mãn Thanh, thì ngày nay Đảng ta với đường lối đánh giặc cứu nước hết sức tài tình, với các kinh nghiệm lịch sử trong các thời kỳ đánh giặc cứu nước, với sự tham gia tích cực của nhân dân cả nước, với các truyền thống phong phú đấu tranh chống ngoại xâm qua suốt quá trình hình thành và phát triển của dân tộc, nhất định sẽ đưa cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn.

Đó là sự thực mà cả thế giới đã nhìn thấy từ lâu.

Chúng ta bước vào một mùa xuân mới — Xuân Kỷ-dậu — với một tin tưởng vững chắc rằng dân tộc ta sẽ giành được những thắng lợi mới trên các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao trong cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu nước hiện nay.

Tháng Giêng năm 1969

(1) Năm 1788 vua Kiền-long nhà Thanh một mặt sai Tôn Sĩ Nghị mang hai mươi vạn chiến binh, và sáu mươi vạn lương binh sang xâm lược Việt-nam, một mặt khác lại định cho thủy quân Mãn Thanh vượt biển đổ bộ vào Thuận Quảng để đánh kẹp quân Tây-sơn vào giữa. Sự tình này khiến cho Nguyễn Huệ phải đánh nhanh để khỏi phải đối phó với hai mặt trận.

(2) Trước khi đánh quân Mãn Thanh, quân Tây-sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy đang trên đà đánh đầu thắng đấy và thắng rất nhanh.

VỀ HAI CUỘC HÀNH QUÂN CỦA NGUYỄN HUỆ RA THĂNG-LONG

VŨ TUẤN SÁN

NHƯ mọi người đều biết, phong trào nông dân khởi nghĩa Tây-sơn xuất phát từ ấp Tây-sơn, nay là xã An-khé thuộc tỉnh Kon-tum cách Hà-nội trên 1.000 ki-lô-mét. Nhưng chính tại Hà-nội — hồi đó là kinh đô Thăng-long — phong trào này dưới sự lãnh đạo của Quang-trung Nguyễn Huệ, đã thực hiện được những nhiệm vụ cách mạng chủ yếu của thời kỳ bấy giờ: Xóa bỏ ranh giới sông Gianh chia cắt Đàng Trong và Đàng Ngoài trên hai thế kỷ, thống nhất đất nước từ Hà-tiên đến Lạng-sơn; tiêu diệt những tập đoàn phong kiến bất lực và thối nát ở phương Bắc là nhà Lê và nhà Trịnh, tiếp theo việc lật đổ nhà Nguyễn ở phương Nam; đánh đuổi bọn xâm

lược Mãn Thanh đã giày xéo bờ cõi do sự yêu cầu của tên vua Lê Chiêu-thống.

Nguyễn Huệ đã 3 lần hành quân ra Bắc-hà, lần thứ nhất giữa năm 1786, diệt nhà Trịnh, lần thứ hai giữa năm 1788 trừng trị Vũ Văn Nhậm, lần thứ ba cuối năm 1788 đầu năm 1789 đánh tan 20 vạn quân Thanh xâm lược đồng thời dứt bỏ nhà Lê sau hành động bán nước của Lê Chiêu-thống. Ba cuộc hành quân trên được ghi lại khá đầy đủ trong sử cũ và trong các sách nghiên cứu về phong trào Tây-sơn. Bài viết sau đây nhằm xác định một số địa điểm của mấy cuộc hành quân này trong địa phận Hà-nội, góp thêm một số tài liệu về phong trào Tây-sơn tại kinh đô Thăng-long xưa.

I— CUỘC HÀNH QUÂN THỨ NHẤT

Trong cuộc hành quân lần đầu tiên, Nguyễn Huệ ở mặt trận gần Hà-nội, đã phá tan mấy cứ điểm của quân Trịnh: « Hoàng Phùng Cơ cùng 8 người con dẫn quân bản bộ đóng ở hồ Vạn-xuân, đội quân Tứ thị thủy (1) dàn thuyền ở sông Thủy-ái, Trịnh-khai đem hết quân bản bộ trong thành bày quân ở bến Tây-luong (long)» (*Việt sử thông giám cương mục chính biên* q. 46, tờ 20, bản dịch của Viện Sử học trang 1938). Việc xác minh những địa điểm hồ Vạn-xuân, sông Thủy-ái, bến Tây-long hiện vẫn còn vướng một số khúc mắc chưa được giải quyết ổn đáng. Sau đây là một số tài liệu thư tịch phối hợp với sự điều tra tại chỗ nhằm làm sáng tỏ thêm vấn đề trên.

Hồ Vạn-xuân sách *Việt sử thông giám cương mục* chủ thích « có tên nữa là đầm Vạn-phúc, ở địa phận xã Vạn-phúc, huyện Thanh-trị» (*Cương mục chính biên* q. 46, tờ 23). Sách *Quang-trung Nguyễn Huệ* của Hoa-băng xuất bản

năm 1951, t. 75, và sách *Tìm hiểu thiên tài quân sự Nguyễn Huệ* của Nguyễn Lương Bích và Phạm Ngọc Phụng xuất bản năm 1966, t. 150 cũng theo chủ thích trên (2).

Cuộc điều tra tại chỗ tại làng Vạn-phúc huyện Thanh-trị không phát hiện một tên hồ Vạn-xuân nào ở địa điểm này. Xét quá trình hành quân của Nguyễn Huệ và trình tự đánh phá quân Trịnh thì việc xác định địa điểm này như trên không hợp lý. Theo *Việt sử thông giám cương mục*, lúc ấy gió đông nam thổi

(1) « Tứ thị thủy quân » có lẽ phải dịch là *đội thủy quân Tứ thị*.

(2) *Việt-nam sử lược* của Trần Trọng Kim quyển 2 xuất bản 1929 t. 102, *Hoàng Lê nhất thống chí* bản dịch Nhà xuất bản Văn học 1964, t. 104 cũng chủ thích dựa theo *Việt sử thông giám cương mục*.

mạnh. Thuyền của giặc [chỉ nghĩa quân Tây-sơn] nhân chiều gió kéo ập đến. Về phía chúa Trịnh thì quân thủy tan vỡ trước. Hai viên tiểu tướng là Nguyễn Trọng Yên quân lãnh đội Tiền ưu, và Ngô Cảnh Hoàn quân lãnh đội Tiền trạch cầm ngang siêu đao đứng ở mũi thuyền, chống cự bị chết. Giặc bèn kéo lên bộ. Toàn quân Hoàng Phùng Cơ [tức là toàn quân đóng ở hồ Vạn-xuân không chịu dấn thành hàng ngũ, bỏ chạy tứ tung] (Cương mục, q. 46, t. 20. Bản dịch trang 1938).

Hoàng Lê nhất thống chí (bản dịch trang 104) tả đoạn này khá chi tiết:

“Khi quân địch [chỉ quân Tây-sơn] thỉnh linh kéo đến, thủy binh không kịp lên thuyền, bao nhiêu thuyền bè đều bị địch chiếm hết. Cả đội duy có viên tiểu tướng họ Ngô là dám vác đao đứng ở đầu thuyền, đánh nhau với địch. Được chừng một khắc, quân Tây-sơn dùng súng lớn bắn vào đầu thuyền, viên tiểu tướng ấy trúng đạn chết tại chỗ. Quân địch bèn kéo ủa lên bộ xông vào trận của quận Thạc.

Quân lính của quận Thạc khi ấy đang ăn cơm, chợt thấy địch ập tới, ai nấy bỏ cả khí giới mà chạy. Quân Tây-sơn từ hai phía tả hữu cùng đánh dồn lại, chém giết quân của quận Thạc tơi bời, thấy chết nằm ngổn ngang khắp bãi. Những kẻ nhảy xuống hồ Vạn-xuân mà chết, cũng không biết bao nhiêu mà kể” (Sách đã dẫn, trang 104, 105).

Như vậy rõ ràng là quân Tây-sơn sau khi đánh tan quân thủy của chúa Trịnh ở Thủy-ái đã kéo lên bộ đánh thẳng vào chỗ đóng quân của quận Thạc ở hồ Vạn-xuân. Địa điểm Thủy-ái vị trí rất rõ ràng, hiện nay là thôn Thủy-lĩnh thuộc xã Lĩnh-nam huyện Thanh-tri (xem đoạn sau). Xã Vạn-phúc ở phía Nam Thủy-lĩnh, cũng ở phía ngoài đê sông Hồng, nhưng cách xa 6 ki-lô-mét. Như vậy có hai điều vô lý: thứ nhất, không khi nào quân Tây-sơn sau khi diệt xong vị trí thủy quân họ Trịnh ở Thủy-ái lại không tiến thẳng tới Thăng-long mà lại quay lại phía Nam để đánh bại quân Hoàng Phùng Cơ. Thứ hai, quân Tây-sơn sau trận Thủy-ái còn phải đi một quãng dài 6 ki-lô-mét mới đến doanh trại Hoàng Phùng Cơ, trái với mấy đoạn sách trích dẫn ở trên, cho thấy hai trận đánh đã diễn ra nối tiếp rất nhanh chóng.

Theo đúng trình tự của tấn công thì hồ Vạn-xuân không thể ở phía nam Thủy-ái (thôn Thủy-lĩnh hiện nay) mà phải ở về phía bắc thôn này, trên con đường từ Thủy-ái đến bến Tây-long. Trong việc ‘tìm hiểu’ vấn đề này, chúng ta đã chú ý đến tên xã Vạn-xuân, một tên

xã trong hồi kháng chiến gồm các xã Thanh-tri và Vĩnh-tuy trước cách mạng. Cuộc điều tra tại chỗ cho biết ở địa phương này có hồ Vạn-xoan xưa kia là một hồ rất rộng hàng 40, 50 mẫu ở phía trong đê thuộc địa phận thôn Thanh-tri và thôn Sở-cầu xã Vĩnh-tuy cũ (1). Hiện nay ở phía dưới bốt Vĩnh-tuy, phía tây đê sông Hồng, ngang với Bến Than ở ngoài đê, còn có khu Hồ tức là Hồ Vạn-xoan, một phần của hồ Vạn-xoan cũ.

[Theo lời cụ Nguyễn Việt Thanh 63 tuổi và cụ Nguyễn Văn Hội 61 tuổi ở xóm 7 thôn Nam-dư thượng thì xưa kia nhà Lý “đóng đô ở đây, không rõ là nhà Lý nào. Vậy có thể điện Vạn-xuân của Lý Bí (2) cũng thuộc địa điểm này (Việt sử thông giám cương mục ghi chủ là có lẽ “thuộc thôn Vạn-phúc huyện Thanh-tri. Th. 4, 3). Tại địa phận thôn Trung lập xã Vĩnh-tuy năm 1962 đã phát hiện một tấm bia đá màu nâu khá lớn khắc dòng chữ “Lương quốc quốc trưởng công chúa Lê thị chi mộ chí”. Các phụ lão ở đây cho biết rằng tấm bia mộ chí này để ở mộ vị thánh Ba tức Nguyệt Thái công chúa, nhưng theo thần phả thì vị này sống cuối triều Hùng-vương. Dù sao thì tấm bia cho ta ngờ rằng khu vực Vĩnh-tuy có liên lạc với thời đô hộ nhà Lương, và với Lý Bí đã khởi nghĩa đánh đuổi Tiêu Tư thứ sử nhà Lương. Dù sao vùng Nam-dư (và Vĩnh-tuy) có 3 chiếc gò lớn, ngay từ năm 1912 đã được một nhà sử học Pháp là Madrolle chú ý và cho rằng có thể là địa điểm Long-biên cũ từ thế kỷ thứ 3. Xem Madrolle — Hà-nội. Ký hiệu TVKH 8° 38035 tr. 2) 1.

Như vậy có thể xác định hồ Vạn-xuân, chính

(1) Xã Vĩnh-tuy xưa gồm 5 thôn: Sở Đồi, Sở Cầu, Sở Đông, Đông-phủ, Thiên-tứ. Trong Hà-nội địa bạ làm năm 1866 (ký hiệu Thư viện khoa học A. 628) Vĩnh-tuy có tên là *Vĩnh-tuy* sở thuộc tổng Thanh-tri huyện Thanh-tri, nên thường gọi là làng Sở. Trước Cách mạng Vĩnh-tuy gồm 8 thôn: Vĩnh-tuy thượng, Vĩnh-tuy hạ, Tân-khai, Đồi-nhất, Đồi-nhi, Đông-phủ, Thiên-tứ, Trung-lập. Theo *Đồng Khánh địa dư* (Ký hiệu Thư viện khoa học A. 537) quyền Hà-nội, tổng Thanh-tri thuộc huyện Thanh-tri có 9 xã thôn và sở, trong đó có tên *Vĩnh-tuy sở*.

(2) Lý Bí thường được phiên âm là Lý Bôn. Nhưng theo các cổ lão của thôn Tình-quang xã Giang-biên, huyện Gia-lâm thì vị anh hùng này làm thành hoàng thì tại đây từ xưa không kiêng chữ Bôn “mà chỉ kiêng chữ Bí”: quả bí nói chạnh là quả bầu, lược bí nói chạnh là lược man.

là hồ Vạn-xoan, ở khoảng giữa thôn Thanh-trị và thôn Vĩnh-tuy dài, hiện nay vẫn còn một phần của hồ này ở phía trong đê.

Sông Thủy-ái, Việt sử thông giám cương mục chủ thích. «Bến đò Thủy-ái : ở địa phận bãi Thủy-ái; huyện Thanh-trị» sách đã dẫn Ch b 46, tờ 23). Vậy sông Thủy-ái chính là quãng sông Hồng thuộc địa phận thôn Thủy-ái. Các sách về Nguyễn Huệ dẫn ở trên đều theo chủ thích này. Sách Quang Trung Nguyễn Huệ của Hoa-bằng ghi : (bến Thủy-ái) ở địa phận bãi Thủy-ái, huyện Thanh-trị tỉnh Hà-đông. Hoàng Lê nhất thống chí chủ thích «cửa Thủy-ái nằm ở địa phận bãi Thủy-ái Thanh-trị Hà-đông nay thuộc ngoại thành Hà-nội». Tìm hiểu thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ «Bến Thủy-ái là một bến sông Hồng thuộc huyện Thanh-trị, phía nam ngoại thành Hà-nội ngày nay». (Câu chủ thích này không rõ và có thể hiểu lầm : Như sẽ trình bày ở sau, bến Thủy-ái không phải ở phía nam ngoại thành Hà-nội, và đúng ra là ở địa hạt huyện Thanh-trị ngoại thành Hà-nội, ở quãng giữa về phía đông, hầu như ở phía đông bắc huyện này).

Thủy-ái là tên thôn, nay là thôn Thủy-lĩnh thuộc xã Lĩnh-nam huyện Thanh-trị. Xã này gần thôn Nam-dư thượng và thôn Thủy-lĩnh. Tại thôn Thủy-lĩnh còn có đền của Phan Thị Thuần người vợ lẽ trẻ tuổi của tướng nhà Trịnh là Ngô, Cảnh Hoàn bị chết trong trận chống lại quân Tây-sơn, Phan Thị Thuần đã nhảy xuống sông tự tử ở chỗ Ngô Cảnh Hoàn chết, được khen là người tiết nghĩa, và sau đó được lập đền thờ, hiện còn bia ở đền; dựng dưới thời Tự-đức, như đã được ghi trong Việt sử thông giám cương mục.

Từ Thủy-ái đến hồ Vạn-xoan, khoảng cách độ hai ki-lô-mét. Thủy-ái mới đổi tên thành Thủy-lĩnh cách đây khoảng trên 40 năm. Đồng Khánh địa dư (sách đã dẫn) ghi trong tổng Thanh-trị, huyện Thanh-trị có xã Thủy-ái châu (xã Bến Thủy-ái). Sách Nomenclature des Communes du Tonkin. (Danh sách các xã Bắc-kỳ) của Ngô Vi Liễn in năm 1928 đã có tên Thủy-lĩnh.

Về cuộc tấn công của quân Tây-sơn ở bến Thủy-ái có một điểm này đáng chú ý. Theo Việt sử thông giám cương mục thì dựa vào gió đông nam thổi mạnh, chiến thuyền nghĩa quân Tây-sơn «nhân chiều gió đã kéo ập đến» đánh tan thủy quân của Nguyễn Trọng Yên và Ngô Cảnh Hoàn rồi kéo lên bộ đánh quân Hoàng Phùng Cơ. Theo Hoàng Lê nhất thống chí thì quân Tây-sơn «đến bến Nam-dư (1) tức thì bỏ thuyền nhảy lên bộ đánh ập toàn lính thủy ở

cửa Thủy-ái. Trước đó thủy binh ở đây nghe tin quân địch còn xa nên không phòng bị gì hết, cứ cột thuyền lại rồi lên bờ đi tản mát linh tinh ở các bãi sông. Khi quân địch kéo đến, thủy binh không kịp lên thuyền, bao nhiêu thuyền bè đều bị địch chiếm hết. Cả đội duy có viên tiểu tướng họ Ngô tức Ngô Cảnh Hoàn là dám vác đao đứng ở đầu thuyền, đánh nhau với địch. Được chừng một khắc, quân Tây-sơn dùng súng lớn bắn vào đầu thuyền, viên tiểu tướng ấy trúng đạn chết tại chỗ. Quân địch bèn kéo ủa lên bộ, xông vào trận của quân Thạc (sách đã dẫn trang 104).

Như vậy theo Việt sử thông giám cương mục thì nghĩa quân Tây-sơn đã theo đường thủy dùng chiến thuyền đánh tan thủy quân Trịnh ở Thủy-ái, còn theo Hoàng Lê nhất thống chí thì nghĩa quân Tây-sơn đã đổ bộ ở bến Nam-dư rồi đánh ập quân Trịnh đã bỏ thuyền lên chơi dong trên bờ.

Về trận Thủy-ái, sách Quang Trung của Hoa-bằng theo Hoàng Lê nhất thống chí. Sách Tìm hiểu thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ trình bày hơi khác, cho rằng quân Tây-sơn đến bến Nam-dư thì «Nguyễn Huệ cho một cánh quân đổ bộ lên bến Nam-dư vòng lên đánh ập thủy quân Trịnh ở bến Thủy-ái.

«... «tiêu diệt xong thủy quân Trịnh, cánh quân Tây-sơn này tiến ngay sang phía hồ Vạn-xuân, tập kích quân Hoàng Phùng Cơ»... «Trong khi cánh quân Tây-sơn chiến đấu thắng lợi ở bến Thủy-ái và hồ Vạn-xuân thì đại đội chiến thuyền Tây-sơn vẫn tiến lên phía trước thành Thăng-long đổ bộ lên bến Tây-long». (Sách đã dẫn trang 151, 153). Tiếc rằng các tác giả sách này không ghi rõ xuất xứ về sự kiện có một cánh quân chiến thuyền Tây-sơn tiến thẳng đến bến Tây-long, sau khi Nguyễn Huệ đã phân chia quân ra làm 2 ở bến Nam-

(1) Xã Nam-dư xưa gồm 2 thôn Nam-dư thượng (nay thuộc xã Lĩnh-nam huyện Thanh-trị) và Nam-dư hạ (nay thuộc xã Trần Phú huyện Thanh-trị). Xã Nam-dư có một rẻo đất ra bờ sông Hồng, phía dưới thôn Thủy-ái. Sách Tìm hiểu thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ tr. 151 chủ thích «Bến Nam-dư ở phía nam ngoại thành Hà-nội hiện nay, phía dưới Vĩnh-tuy». Đoạn câu «phía nam ngoại thành» không rõ nghĩa, có thể hiểu lầm, như trên đã trình bày. Còn Vĩnh-tuy thì có bến sông, nhưng ở trên cả bến thôn Thanh-trị và bến thôn Thủy-ái.

đur để một cánh đồ bộ đánh tan quân Trịnh ở bến Thủy-ái và hồ Vạn-xuân (1).

Bến Tây-long. Trận Bến Tây-long tiếp liền với trận hồ Vạn-xuân, là trận chiến thắng đánh dấu sự sụp đổ của cơ nghiệp chúa hơn hai trăm năm của họ Trịnh.

Theo *Việt sử thông giám cương mục*, cùng một lúc với việc phá Hoàng Phùng Cơ ra đóng ở hồ Vạn-xuân và đội thủy quân Tứ-thị ra đóng ở sông Thủy-ái, «Trịnh Khải đã đem hết quân bản bộ ở trong thành bày quân ở bến Tây-long». Sau khi quân Tây-sơn phá tan quân Hoàng Phùng Cơ ở hồ Vạn-xuân và tiến đến bến Tây-long, thì «Khải mặc nhung phục ngồi trên bành voi, cầm cờ lệnh chỉ huy, nhưng quân sĩ nhìn nhau, không ai chịu tiến lên» (sách đã dẫn Chb 46 từ 20, 21). Như vậy là Trịnh Khải đã đóng quân chờ nghía quân Tây-sơn ở bến Tây-long từ trước, và chiến trận đã xảy ra ở đây.

Hoàng Lê nhất thống chí không nói việc Trịnh Khải tự mình dẫn quân bố trí việc phòng ngự từ trước và chép: «Thủy binh của Tây-sơn tiến thẳng đến bến Tây-long. Chúa thân hành ra ngự trên lầu Ngũ-long bày trận [...]. Quân Tây-sơn từ bãi sông tiến vào, chúa ở trên lầu sai nổ hiệu trống trận, hiệu Tiền-bộ liền nổ súng bắn ra. Bắn được một hồi lâu, quân địch khom mình vừa tránh đạn vừa xông vào. Chúa bèn mặc đồ trận xuống lầu, treo lên mình voi, cầm cờ đỏ chỉ ba cái, rồi sai thúc trống làm hiệu cho quân lính tiến về phía trước. Quân lính nghe trống giục, trông theo lá cờ liều mạng tiến lên. Bên địch [tức quân Tây-sơn] dùng «hỏa hổ» phun lửa bừa vào, quân lính nhà chúa đều sợ mất mật, bỏ cả khí giới ở bờ sông mà chạy thục mạng.

Như vậy có thể nói rằng cho dù Trịnh Khải đóng quân ở lầu Ngũ-long, (*Việt sử thông giám cương mục* chỉ ghi «Khải đem hết quân trong thành, bày trận ở bến Tây-long»), chiến trận cũng diễn ra ở bờ sông tức là ngay bến Tây-long hay sát bến này («Bến sông» có thể là một khu vực khá dài rêu theo dòng sông).

Ở đây, có hai địa điểm đáng chú ý: bến Tây-long và lầu Ngũ-long.

Về hai địa điểm này Sách *Đại Nam nhất thống chí* (Ký hiệu Thư viện Khoa học A69) về mục Hà-nội ở đoạn nói về chùa Liên-tri, có thể cung cấp cho ta một số tài liệu:

«Chùa Liên-tri ở thôn Cựu-lâu, địa điểm cũ của lầu Ngũ-long. Trong địa giới của thôn này từ cửa Tuyên-võ của đô thành có đường lát đá dẫn thông ra, cắt ngang hồ Thủy quân (2). Bến Tây-long, xưởng làm và chứa súng (súng

trường), xưởng thuyền đều ở tại đây. Khu này là nơi tập trung đông đảo những người qua lại buôn bán. Đến thời Tây-sơn thì bị hủy bỏ. Có ba cổ thần súng, nằm ở trên đường thôn Cựu-lâu, hai cổ dài hai trượng năm thước (khoảng trên 8 mét) một cái nhỏ hơn đôi chút, tên gọi là «Điện tượng quân», không ai dám đụng chạm tới. Dân làng lập đền thờ. Khoảng năm Minh-mạng, dân cư thưa thớt, bèn sáp nhập vào thôn Hậu-lâu, đổi tên là Cựu-lâu. Năm Thiệu-trị thứ 6 (1846) tổng đốc Hà-Ninh là Nguyễn Đăng Giai làm chùa lớn nhỏ 36 tòa chạy liền nhau 188 gian, cảnh chùa to đẹp, tám mặt đều đào ngồi trồng sen, gọi là chùa Liên-tri» (tr 55a : 55b).

Theo tài liệu trên cả lầu Ngũ-long và bến Tây-long đều nằm trong khu vực thôn Cựu-lâu cũ. Bản đồ Hà-nội trong Địa dư Đồng-khánh (ký hiệu TVKH A 537), còn ghi tên thôn Cựu-lâu ở khoảng phía bắc phố Tràng-tiền và phía tây phố Lý Thái-tổ hiện nay. Lầu Ngũ-long xưa nằm ở khu vực trên, và chùa Liên-tri do Nguyễn Đăng Giai đứng lên xây dựng năm 1846 chiếm một phần của khu cung điện này, trên khoảng nhà Bưu điện hiện nay. Bản đồ Minh-mạng 1831 (in lại trong *Lịch sử thủ đô Hà-nội*) có ghi tên Ô Tây-luong (tức Tây-long). Bản đồ Hà-nội năm 1873 do Phạm Đình Bách vẽ, cũng như bản đồ Đồng-khánh, còn ghi tên Cửa Cựu-lâu (Cựu-lâu môn) ở khoảng ngã năm giữa các phố Lý Thái tổ, Lê Thánh tông, Phan Châu Trinh, Tràng-tiền (bị cắt ở giữa)

(1) *Hoàng Lê nhất thống chí* (tr. 105) sau khi nói quân Tây-sơn đánh tan quân Quận Thạc có câu «thủy binh của Tây-sơn tiến thẳng đến bến Tây-long» khiến người đọc có thể cho rằng «thủy binh» này khác với đội quân đã đánh tan quân Trịnh ở hồ Vạn-xuân. Nhưng trước đó sách này đã ghi rõ ràng sau trận Thủy-ái, quân Tây-sơn «kéo ủa lên bộ xông vào trận quận Thạc» (tr. 104). Như vậy, có thể cho rằng hai quân Tây-sơn sau khi chiến thắng ở hồ Vạn-xuân đã tiến thẳng đến bến Tây-long như đã ghi ở *Việt sử thông giám cương mục*.

(2) Tức hồ Hoàn-kiểm, xưa kia rất rộng gồm hồ Tả-vọng và một phần còn lại là hồ Hoàn-kiểm ngày nay và hồ Hữu-vọng ở phía nam, ăn xuống tận Hàng-chuối. Đường lát đá nói trên chia hồ 2 làm hai, hồ Tả-vọng và hồ Hữu-vọng coi như châu vào phủ chúa Trịnh nên thành tên. (Xem *Lược sử tên phố Hà-nội* mục 271 Hồ Hoàn-kiểm).

và Cổ-tân (1). Trong sách *Hanoi pendant la période héroïque* (Hà-nội thời kỳ đầu chống (Pháp) của A. Masson có nói tới cửa Cựu-lâu (mà bọn Pháp đổi tên là Cửa nước Pháp) (1) (Porte de France) được tả như có một « kiến trúc đơn giản nhưng qui mô vĩ đại hai bên là hai cột « có tượng 2 sư tử » (tr. 155). Cuối sách có in ảnh cửa này ở phụ bản, số XXX.

Bến Tây-long : *Việt sử thông giám cương mục* chú thích là ở địa phận thôn Hậu-lâu huyện Thọ-xương. Bản dịch của Viện Sử học (tr. 1941) phiên âm là *Bến Tây luống*, và chú thích : « Nay ở phố Nguyễn Trung Trực có đình Tây-luống ». Nhưng ta biết rằng thôn Hậu-lâu tức là thôn Cựu-lâu trên bản đồ và ở vào khu vực phía bắc phố Tràng-tiền hiện nay. Như vậy bến Tây-long không thể ở phía Nguyễn Trung Trực. Tài liệu địa chí cũ cũng như sự diễn biến của cuộc hành quân của Nguyễn Huệ tiến đánh vào Thăng-long cho phép khẳng định như vậy. Chúng tôi tán đồng ý kiến các tác giả sách *Tìm hiểu thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ* cho rằng « bến Tây-long là một bến gần lâu Ngũ-long nhất » (sách đã dẫn chú thích trang 153).

Trong *Phương-dinh địa chí* (q. II tờ 24) có ghi danh sách 27 thôn phường của tổng Tả-túc, trong đó có « Trung-liệt bến đá », và « Tây-long đồn bến đá ». *Trung-liệt bến đá* chắc là tên một thôn ở đó có đền Trung-liệt, đã được ghi trong *Hoàng Việt địa dư chí* (q. I trang 24b) là « ở thôn Bến Đá huyện Thọ-xương lập khoảng niên hiệu Chính-hòa đời Lê (1680 — 1705) » thờ Quan Vũ và Lê Lai. Bản đồ Hà-nội 1873 của Phạm Đình Bách có vẽ « Tây-long từ » (đền Tây-long) ở bờ sông giữa khoảng ngang với cửa Cựu-lâu (khu vực Bảo tàng lịch sử hiện nay) và khoảng ngang với ở Trưng-thanh (đầu phố Lò Sũ hiện nay). Đền có ghi 3 chữ Hán « Tây-long từ » trên bản đồ và đánh số chú thích 61 ở phụ bản chú thích dưới số 61 có ghi « thờ Quang-đế » (Quan đế). Như vậy chắc đền Trung-liệt và đền Tây-long chỉ là một. Đền này cùng đền Phan Thị Thuần ở Thủy-ái đã được nhắc tới trong bài thơ Trần Danh An khi từ phương bắc về, đi thuyền trên sông Nhị ở quãng này (trích 4 câu đầu).

« Nhất điệp cô chu Nhị thủy mi
Du du kim cổ thuyết hưng suy
Lục đà văn thụ Văn trường miếu
Bích yếm tàn hoa Thủy ái tư » (2)
(Thuyền một lá men theo dòng Nhị
Chuyến cô kim chi kẻ hưng suy
Văn trường cây miếu xanh rì
Kia đền Thủy ái biếc che hoa tàn).

Sách *Toàn Việt thi lục* (sách chép tay ký hiệu TVKH A 393) có ghi về miếu Quan-công (tức

Quan Vũ hay Quan Vân trường) ở « cách cửa thành chính đông 2 dặm, trên bờ phía nam sông Nhị, tại bến Tây-long, thôn Cổ-tân huyện Thọ-xương. Tương truyền do Đô hộ Giao-châu đời Đường xây dựng đầu tiên, chúa Trịnh thời Lê Trung-hưng chữa lại, mặt trước có đề 4 chữ « Thiên cổ vĩ nhân » (tr. 36a).

Như vậy có thể kết luận rằng bến Tây-long ở vào khoảng phía bắc Viện Bảo tàng lịch sử hiện nay, trên đoạn bờ sông ở giữa khoảng ngang với Cửa Cựu-lâu cũ (quảng đầu phố Tràng-tiền) phía Nam và với cửa Trưng-thanh (quảng đầu phố Lò Sũ) về phía bắc. Tại khu vực trên trong thời kỳ đầu nhà Nguyễn còn có đền Tây-long, và hai thôn Trung-liệt Bến đá, và Tây-long đồn Bến đá.

Có điều đáng chú ý là bến Tây-long như vậy ở về phía đông bắc lâu Ngũ-long. Nếu Trịnh Khải đem quân từ lâu Ngũ-long ra bày trận để đón đánh nghĩa quân Tây-sơn từ hồ Vạn-xuân lên, thì đáng lý phải dàn quân ở bến sông lùi xuống về phía nam hơn là về phía bắc. Và nếu quân Tây-sơn theo chiến thuyền ngược dòng sông Nhị để đánh vào Thăng-long thì đáng lý sẽ đổ ở mé dưới tiến vào, hơn là vượt ngang qua lâu Ngũ-long là nơi có quân Trịnh đóng rồi mới đổ bộ ở mé trên. Chúng ta cho rằng có lẽ Trịnh Khải đã chọn bến Tây-long là một bến gần lâu Ngũ-long và có điều kiện thuận tiện để đồn binh và dàn quân chuẩn bị chống lại quân Nguyễn Huệ. Như vậy thuyết ghi trong *Việt sử thông giám cương mục* hợp lý hơn thuyết khác cho rằng Trịnh Khải đóng quân ở lâu Ngũ-long, khi thấy quân Tây-sơn từ phía hồ Vạn-xuân tiến lên mới đem quân ra bến Tây-long chặn lại, hoặc cho rằng quân Tây-sơn đã đi theo chiến thuyền rồi lên bờ đánh Trịnh Khải ở bến Tây-long.

Dựa vào những điều trình bày ở trên, có thể tóm tắt cuộc hành quân năm 1786 của

(1) *Cổ-tân* là tên phố mới đặt năm 1964 để thay cho phố Trương Định, vì phố Trương Định được lấy tên đặt cho một đường phố khác, xứng đáng hơn. *Cổ-tân* lấy tên một làng cũ ở giáp sông Hồng nằm gần nơi này (xem *Lược sử tên phố Hà-nội* mục 190 *Cổ-tân*). Bản đồ Hà-nội 1873 của Phạm Đình Bách cũng ghi cả đồn « Tam cổ pháo từ » (đền « ba cổ pháo ») ở phố Tràng-tiền hiện nay.

(2) Chép trong Quốc triều danh nhân thi thái TVKH ký hiệu VIIH 3, tờ 47—48. Trần Danh An đỗ hoàng giáp năm 1787, tôn phủ nhà Lê, đã từng khởi binh chống Tây-sơn. Năm 1788, An được Lê Chiêu-thống sai mang thư sang nhà Thanh cầu cứu.

Nguyễn Huệ ra Bắc diệt họ Trịnh, ở khu vực Hà-nội như sau:

Sau khi đánh tan quân Đình Tích Nhưỡng và Đỗ Thế Dân ở Cửa Luộc ngày 19-7-1786 chiến thuyền Tây-sơn tiến thẳng lên Thăng-long, tiêu diệt thủy quân Tứ thị của họ Trịnh ở bến Thủy-ái tức Thủy-lĩnh, thuộc xã Lĩnh-nam huyện Thanh-tri hiện nay. Có thuyết cho rằng khi tới bến Nam-dư (ở phía dưới bến Thủy-ái) Nguyễn Huệ chia một cánh quân lên bộ vòng lên phía sau đánh úp thủy quân Tứ-thị (hoặc chặn đường rút lui về mặt bộ của toàn quân này) còn chiến thuyền thì vẫn thuận theo chiều gió tiến lên bến Thủy-ái. Đoàn thuyền và toàn thủy quân của họ Trịnh hoàn toàn bị tan rã (21-7-1786). Sau chiến thắng

này, nghĩa quân Tây-sơn đã đồ bộ tiến đánh quân Hoàng Phùng Cơ đóng ở ven hồ Vạn-xuân nằm phía trong đê sông Hồng, và hiện nay còn một phần hồ giữ tên là hồ Vạn-xoán, ở phía trên thôn Thanh-tri. Quân Hoàng Phùng Cơ bị đánh bại rất nhanh chóng. Nguyễn Huệ và đoàn quân chiến thắng theo bờ sông tiến thẳng đến bến Tây-long (ở phía trên Viện bảo tàng lịch sử hiện nay) là nơi mà Trịnh Khải đã dàn quân để chống lại. Nhưng quân Trịnh đã mất hết tinh thần không đương lại nổi thế tiến công như vũ bão của quân Tây-sơn. Trong chớp lát, quân Trịnh đại bại, và ngay ngày 21-7-1786, Nguyễn Huệ và đại quân đã tiến vào Thăng-long, kết thúc một cuộc hành quân chớp nhoáng ở Bắc-hà trong 10 ngày, lật đổ nền thống trị hơn 200 năm của họ Trịnh (1).

II. CUỘC HÀNH QUÂN THỨ BA

Cuộc hành quân lần thứ hai của Nguyễn Huệ ra Bắc vào tháng 4 năm Mậu thân (1788) để trị tội Vũ Văn Nhậm cũng diễn ra rất nhanh chóng: từ Phú-xuân đi gấp mười ngày đến Thăng-long, ngay đêm hôm tới, giết Vũ Văn Nhậm, và tháng 5 lại về ngay Phú-xuân sau khi sắp đặt lại công việc ở Bắc-hà. Cuộc hành quân này không có những trận đánh; sử sách ghi sơ lược; không có những địa điểm nào cần xác minh tại khu vực Hà-nội, nên bài này không đề cập tới.

Cuộc hành quân thứ 3 vào cuối năm Mậu-thân (1788) và đầu năm Kỷ-dậu (1789) nhằm đánh đuổi 20 vạn quân Mãn Thanh xâm lược. Chiến dịch chủ yếu nằm trong địa bàn Hà-nội, hoặc sát với địa bàn Hà-nội hiện nay (2). Việc tiến hành chiến dịch thần tốc nổi tiếng bậc nhất trong lịch sử này đã được các sách báo nói đến rất nhiều. Đoạn sau đây nhằm góp thêm một số tài liệu về mấy địa điểm xét cần xác định rõ thêm, chung quanh các trận Ngọc-hồi, Đàm Mực và Đống-đa.

Về trận Ngọc-hồi—Đàm Mực. *Viết sử thông giám cương mục* (chb 47, tờ 41, bản dịch tr 1983—1984) viết về trận này rất lộn xộn, trộn lẫn trận Ngọc-hồi với trận Đống-đa, và không nói tới Đàm Mực. Những sách viết về Quang Trung khi nói tới trận này, đã dựa thêm vào các tài liệu khác như *Hoàng Lê nhất thống chí*, *Ba Nam chinh biên liệt truyện*, *Quân doanh kỷ lược* và chủ yếu là *Hoàng Lê nhất thống chí*. Diễn biến của trận này đại khái như sau: (Về chi tiết xin xem *Tìm hiểu thiên tài quân sự Nguyễn Huệ*, tr. 246—249).

Mở sáng ngày 5 tháng giêng Kỷ-dậu (30-1-1789) Quang Trung đích thân chỉ huy cuộc tấn công đồn Ngọc-hồi, một đồn kiên cố nhất ở phía nam Thăng-long, chung quanh có đặt địa lôi và cắm chông sắt. Sau mấy đợt tấn công ác liệt, đồn này bị hạ. Quân Thanh bỏ đồn trốn chạy. « Trước đó vua Quang Trung đã sai một toán quân theo bờ đê Yên-duyên kéo lên, mở cờ gióng trống để làm nghi binh ở phía đông. Đến lúc ấy, quân Thanh chạy về trông thấy, càng thêm hoảng sợ, bèn tìm lối tắt theo đường Vĩnh-kiều mà trốn. Chợt lại thấy quân voi từ Đại-áng tới, quân Thanh đều hết hồn hết vía, vội trốn xuống Đàm Mực làng Quỳnh-đô, quân Tây-sơn lừa voi cho giày đạp, chết đến hàng vạn người». (*Hoàng Lê nhất thống chí* bản dịch trang 364).

(1) Thời điểm theo dương lịch trong đoạn này lấy ở sách *Tìm hiểu thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ* của Nguyễn Lương Bích và Phạm Ngọc Phụng.

(2) Địa điểm chiến thắng Nhật-tảo, Phú-xuân, Hà-hồi vẫn thuộc tỉnh Hà-nội từ ngày tỉnh này được thành lập năm 1831 cho đến thời kỳ Pháp thống trị, tỉnh Hà-nội bị cắt xén thu hẹp dần lại, chỉ còn thành phố Hà-nội nhượng địa của Pháp, còn các phần khác bị sáp nhập vào mấy tỉnh lân cận như Nam-định, Hà-nam (thành lập năm 1890) Cầu Đor, sau là Hà-đông (thành lập năm 1902) X. Vũ Văn Tỉnh. *Một chút tài liệu về lịch sử đất đai Hà-nội. Nghiên cứu lịch sử số 111* tháng 6-1968.

Ở đây trừ tên "Đại-ang" là tên một thôn mà nhiều người biết, nay thuộc xã Thanh-hưng huyện Thường-tín. Hà-tây, có mấy địa điểm cần được nói rõ thêm: đồn Ngọc-hồi, đê Yên-duyên, Vĩnh - kiều và Đầm Mực làng Quỳnh-đô.

Đồn Ngọc-hồi ở địa phận thôn Ngọc-hồi. Thôn này hiện thuộc huyện Thường-tín tỉnh Hà-tây và giáp giới ngay phía nam địa phận thôn Lưu-phách và thôn Tư-khoát thuộc xã Ngũ-hiệp huyện Thanh-trị. Ngọc-hồi xưa là một thôn của xã Vĩnh-trung, tổng Cổ-diên, huyện Thanh-trị (xem *Đồng Khánh địa dư*) và trước cách mạng là một xã cùng với xã Lưu-phách vẫn nằm trong tổng Cổ-diên của huyện này.

Theo cuộc điều tra tại thôn Ngọc-hồi thì đồn quân đóng ở một cánh đồng cao của thôn này về phía nam, cách chỗ cư dân chừng 700 mét. Cánh đồng này rộng chừng 7, 8 mẫu nay vẫn còn tên gọi là *cánh đồng Đồn*. Sở chỉ huy được đặt trên một khu cao gần một mét so với chung quanh nay còn có tên là "*Nền Đồn*" ở cạnh đường quốc lộ số 1 về phía đông. Một số phụ lão địa phương cho biết rằng theo các cụ truyền lại thì dân làng đã mang cơm rượu tiễn đưa đón đường khao đoàn quân chiến thắng tiến về Thăng-long sau khi đồn Ngọc-hồi bị hạ.

Đê Yên-duyên. Sách "Quang Trung" của Hoa-bằng xuất bản 1951 tr. 195 ghi "đê Yên-diên (nay là Yên-kien)". Nhưng Yên-kien là một thôn ở phía tây Ngọc-hồi, mà theo tài liệu thì quân Tây-sơn theo bờ đê Yên-duyên kéo lên, làm nghi binh về phía đông. Đê Yên-duyên đây chắc chỉ đoạn đê sông Hồng thuộc địa phận thôn Sở-hạ (nay thuộc xã Ninh-sở, huyện Thường-tín, nhưng xưa kia thuộc xã Yên-duyên tổng Thanh-trị huyện Thanh-trị). Xã Yên-duyên (tức thôn Yên-duyên xã Yên-sở huyện Thanh-trị ngày nay) xưa cùng với xã Khuyến-lương (nay thuộc xã Trần Phú huyện Thanh-trị) là xã Cổ-mai, tên nôm là làng Mui: Khuyến-lương là Mui-chợ, còn Yên-duyên là Mui-chùa. Về sau tách ra làm hai xã Yên-duyên và Khuyến-lương. Xã Yên-duyên đất rộng sau bị cắt một phần cho thôn Sở-thượng (nay cùng Yên-duyên thuộc xã Yên-sở) và có cả một khoảng đất ở phía Nam cắt cho làng Sở-hạ. Hai thôn Sở-thượng và Sở-hạ, xưa đều mang tên *Yên-duyên Sở-thượng thôn*, *Yên-duyên Sở-hạ thôn*, còn chính Yên-duyên thì là Yên-duyên xã, cả ba đơn vị hành chính này đều thuộc tổng Thanh-trị huyện Thanh-trị, mặc dầu thôn Yên-duyên Sở-hạ cách Yên-duyên Sở-thượng trên 8km theo đường đê, và giữa hai thôn này phải qua ~~thôn~~ thôn khác thuộc 3 tổng khác: Cổ-diên, ~~Vạn-phúc~~, Nam Phù-liệt (theo *Đồng*

Khánh địa dư). Mãi đến thời kỳ Pháp thống trị, Yên-duyên Sở-hạ mới được đổi hẳn là xã Sở-hạ, và ghép vào tổng Xâm-thị, còn Yên-duyên Sở-thượng vẫn giữ tên như cũ, và cùng Yên-duyên vẫn nằm trong tổng Thanh-trị, cả hai tổng Xâm-thị và Thanh-trị đều thuộc huyện Thanh-trị xưa kia (1). Vì thế chúng tôi đồng ý với các tác giả sách *Tìm hiểu thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ* gạt bỏ cách giải thích Yên-duyên là Yên-kien, và cho "đê Yên-duyên là khúc đê sông Hồng ở phía đông Ngọc-hồi" (tr. 248. (c.1 t. 3)). Chắc chắn đây là đê ở địa phận thôn Yên-duyên Sở-hạ, và rất có thể xưa kia xã Yên-duyên có một phạm vi đất đai khá rộng ăn rải rác từ xã Yên-duyên, đến thôn Yên-duyên Sở-thượng, thôn Yên-duyên Sở-hạ, và kéo dài hàng 8, 9 cây số dọc theo bờ đê sông Hồng.

Vĩnh Kiều: Sách "Tìm hiểu thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ" ở trang 249 chú thích: "Vĩnh Kiều: chưa rõ ở đâu. Có thể là mấy thôn Vĩnh-trung, Vĩnh-thịnh, Vĩnh-ninh ngày nay trên con đường từ Đại-ang lên Quỳnh-đô". Nhưng xét vị trí những thôn này có thể có một số nghi vấn: Vĩnh-trung thì ở về phía tây nam so với Ngọc-hồi, không ở trên đường quân Thanh đang muốn hướng về Thăng-long, riêng Vĩnh-ninh ở về phía Tây-bắc, nhưng lại quá về phía tây so với vị trí Đầm Mực và Quỳnh-đô. Cuộc điều tra tại chỗ cho biết Vĩnh Kiều (Cầu Vĩnh) chính là làng Ích-vĩnh, có tên nôm là làng Viêng, và làng này có chiếc cầu bắc qua sông Tô-lich chảy ở phía đông. Quân Thanh bại trận ở Ngọc-hồi đã chạy qua địa phận các thôn Yên-kien, Lạc-thị ở phía hữu ngạn sông Tô-lich, đến địa phận Cầu Viêng (Vĩnh Kiều) tức Ích-vĩnh thì vừa lúc tượng binh của đô đốc Bảo từ Đại-ang tiến lên, khiến quân Thanh hoảng hốt chạy trốn vào Đầm Mực ở làng Quỳnh-đô, và bị quân voi giẫm chết hàng vạn.

Thôn Ích-vĩnh còn có tên là làng Viêng hay Già Viêng xưa kia là một thôn thuộc xã Vĩnh-trung tổng Cổ-diên huyện Thanh-trị (theo *Đồng Khánh địa dư*). Dưới thời Pháp thống trị Ích-vĩnh trở thành một xã thuộc tổng Cổ-diên. Hiện nay Ích-vĩnh cùng với Quỳnh-đô và Vĩnh-ninh hợp lại thành xã Vĩnh-quỳnh huyện Thanh-trị.

Đầm Mực thuộc thôn Quỳnh-đô, đây là một khu đầm khá lớn, rộng đến 70 mẫu Bắc-bộ, nằm về phía tây thôn Quỳnh-đô hiện nay sát liền với di chỉ khảo cổ Chùa Thông nổi tiếng

(1) Ngô VI Liễn — *Nomenclature des communes annamites du Tonkin* (Danh sách các xã Bắc-kỳ) Hà-nội 1928.

(đi chỉ ở về phía Tây-nam Đầm Mực). Đầm Mực là một khu đầm nổi tiếng gắn liền với sự tích thần Lân đằm trong *Lĩnh-nam chí quải* (1) thần này được thờ làm thành hoàng ở khá nhiều làng trong huyện Thanh-trị phần lớn tập trung ở ven bờ đầm Linh-đường(hay Linh-đầm), cũng có tên là đầm Đại-từ hiện nay. Tương truyền vị thần này vốn là một thủy thần, vì mộ đạo học của Chu Văn An nên hóa thành người lên học. Năm ấy trời làm đại hạn Chu Văn An yêu cầu học trò ai có cách gì cố gắng làm mưa cứu dân. Thần đã vâng lời thầy tuy biết rằng làm như vậy là trái với lệnh thiên đình và sẽ bị trị tội. Thần ra giữa sân mài mực vào nghiên, lấy bút nhúng mực vẩy lên trời, rồi tung nghiên và bút mỗi thứ đi một phía. Mực vẩy thành mây đen đổ xuống một trận mưa lớn cứu dân khỏi mất mùa. Bút rơi xuống làng Tả Thanh-oai khiến làng về sau có rất nhiều nhà văn học nổi tiếng. Nghiên rơi xuống cánh đồng làng Quỳnh-đô và biến thành khu đầm nước màu đen nên gọi là Đầm Mực. Ở giữa Đầm Mực có một chỗ khá sâu gọi là Lòng Đầm ngập nước quanh năm, còn chung quanh là cánh đồng trũng gọi là Đồng Mực ở phía bắc. Đồng Bạc ở phía nam. Các phụ lão địa phương cho biết xưa kia ở giữa đầm có cái nấm gọi là gò Đầm là nơi chôn hài cốt quân Mãn Thanh bị chết trận tại đây. Gò này đã bị lở mất sau nạn lụt năm Quý-tị (1893). Cách đây vài chục năm, khi cây bừa ở khu vực này người ta vẫn còn thấy những đầu lâu và xương người, là những di vật của hàng vạn quân Thanh đã bị tượng binh của đô đốc Bảo giày xéo chết trong trận ngày 5 tháng giêng năm Kỷ-dậu (1789).

Về trận Đống-đá.

Theo *Hoàng Lê nhất thống chí* thì ngày 30 tháng chạp năm Mậu-thân [25-1-1789] Quang Trung mở tiệc khao quân cho quân sĩ ăn Tết trước đề đến tối lập tức lên đường, chia quân ra làm 5 đạo trong đó có đạo quân của đô đốc Long, gồm quân voi và kỵ mã đi xuyên qua huyện Chương-đức [tức Chương-mỹ ngày nay] đến thẳng làng Nhân-mục huyện Thanh-trị để đánh ngang vào đồn quân Diên-châu» (bản dịch, tr. 362) và sáng hôm mùng 5 tháng giêng năm Kỷ-dậu (30-1-1789) (2) «lúc vua Quang Trung đang đánh với quân Thanh ở Ngọc-hồi, thì... Long đã đánh tên thái thú Diên-châu ở trại Khương-thượng thuộc huyện Quảng-đức. Quân Thanh tan vỡ bỏ chạy; Long bèn tiến trước vào thành (tr.364).

Theo *Việt sử thông giám cương mục* (Chb) 47, 41 bản dịch tr. 1984) «Sầm Nghi Đống đóng đồn ở Loa-sơn (tục gọi Đống-đá) bị một tướng khác của giặc [chỉ nghĩa quân Tây-

son. t.g.l đánh. Quân cứu không có, Nghi Đống phải tự thắt cổ chết. Toàn thân binh của Nghi Đống cũng tự ải chết theo đến vài trăm người».

Ở đây có mấy địa điểm xét cần nói rõ thêm: Làng Nhân-mục, trại Khương-thượng và Loa-sơn.

Làng Nhân-mục là một tên làng cũ không còn thấy ghi trong danh sách các đơn vị hành chính và bản đồ ngày nay. Tên làng này đúng ra bao gồm những làng có tên nôm chung là làng Mọc, hồi cuối Lê đầu Nguyễn gồm 2 xã: Xã Nhân-mục cựu có 2 thôn Thượng-dinh và Hạ-dinh đều ở phía tay trái con đường từ Hà-nội đi Hà-đông, và xã Nhân-mục môn ở phía tay phải con đường này và gồm 4 thôn: Giáp-nhất, Quan-nhân, Cự-lộc, Minh-kinh. Tên xã không còn nhưng tên các thôn nói chung còn tồn tại cho đến ngày nay, trừ thôn Minh-kinh thì đầu thời Nguyễn đổi thành Chính-kinh và hiện hợp nhất với thôn Cự-lộc thành thôn Cự-chính.

Trên bản đồ hiện nay, làng Nhân-mục xưa bị chia cắt làm 2, ở giữa là con đường Hà-nội—Hà-đông, 2 thôn Thượng-dinh, Hạ-dinh thuộc xã Nhân-mục cựu trước thì nay ở trong xã Khương-dinh, thuộc huyện Thanh-trị, còn mấy thôn Quan-nhân, Cự-chính, Giáp-nhất ở bên kia đường thì hợp lại thành xã Nhân-chính thuộc huyện Từ-liêm. Cả hai xã Nhân-mục cựu và Nhân-mục môn cũ đều nằm về phía hữu ngạn sông Tô-lich. Xét về vị trí, xã Nhân-mục môn có khả năng là nằm trên đường hành quân và trú quân của đô đốc Long vì ở giáp với Khương-thượng và trên đường từ Chương-mỹ đi tới. Tại xã này ở thôn Giáp-nhất lại có chiếc cầu bắc qua sông Tô-lich, trong sử gọi là cầu Nhân-mục là nơi đã diễn ra hai trận chiến thắng của nghĩa quân Lê Lợi đánh bại quân Minh vào tháng 9 và tháng 10 âm lịch năm 1426 (3). Rất có thể quân Tây-sơn đã dùng cầu này để qua sông sang Khương-thượng.

(1) *Lĩnh Nam chí quải*, bản dịch XB Văn hóa 1960, tr.111.

(2) Các tác giả sách «*Tìm hiểu thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ*» đã dựa vào cuốn *Thành vũ ký* của Ngụy Nguyên, sửa lại thời gian cuộc tấn công của đô đốc Lộc vào quá nửa đêm ngày mùng 4 tháng giêng Kỷ-dậu «trong đêm tối dày đặc» (Sách đã dẫn, tr. 241).

(3) *Đại Việt sử ký toàn thư* bản dịch của Cao Huy Giu, Đào Duy Anh q. III tr. 24 — 25. Xem thêm bài: «Di tích một trận chiến thắng quân Minh tại Hà-nội» báo *Thủ đô Hà-nội*, số ra ngày 19-3-1963.

Trại *Khương-thượng* hồi cuối Lê đầu Nguyễn thuộc tổng Hạ huyện Vĩnh-thuận (trước năm 1805, huyện này có tên là Quảng-đức), nay thuộc khu phố Đồng-đa, nội thành Hà-nội, là một làng giáp giới đường Đại-la bao vây nội thành Thăng-long xưa. Phía bắc làng xưa kia là một cánh đồng rộng. Theo lời một số cổ lão thì tại đây dưới triều Lê là nơi luyện tập và thi cử võ nghệ, dấu còn lại ở một số địa điểm có những tên gọi khá tiêu biểu: *Núi Cây Cờ* hay *Núi Cờ*, tương truyền là nơi cắm cờ trong những buổi thi võ hay thao diễn quân sự. Núi này là núi Loa-sơn, sẽ nói rõ ở sau. Ao Voi ở phía trước chùa Bộc hiện nay, tương truyền là nơi tắm voi, hoặc là nơi để voi uống nước. *Giếng Tiên-dực*, hiện nay đã bị lấp, vị trí ở phía bắc trên đường Ngã tư sở Cống Vọng, trong khối 77 khu Đồng-đa tương truyền là nơi xưa kia có xóm Tiên-dực, đánh dấu vị trí đóng quân cũ. *Nền Điện-thi*: nơi thi võ, đặc biệt là thi môn vật dưới triều Lê, là một khu đồng vuông rộng khoảng 3 sào Bắc-hộ, cao 1m50 so với chung quanh, trông thẳng ra núi Cây Cờ. Nay là nền nhà giữa 4 tầng của Học viện thủy lợi.

Loa-sơn tức *Núi Cây Cờ* vừa nói ở trên, nơi Sầm Nghi Đống bại trận tự tử. Vị trí núi này (đứng ra là một cái gò lớn) ở góc đông nam trường Công đoàn hiện nay. Gò đã bị bặt đi nhiều, sau hòa bình lập lại, đã bị phá để phục vụ công trường xây dựng trường cán bộ Công đoàn, trường Ngân hàng, Học viện thủy lợi. Ngày nay trên con đường ở giữa trường cán bộ Công đoàn và Học viện thủy lợi đi vào chùa Bộc, gần hết địa phận trường cán bộ Công đoàn, có một chỗ đường nhỏ cao lên đôi chút đó là dấu vết *Núi Cây Cờ* hay *Núi Cờ* (hay Loa-sơn trong sử). Chính ở đây xưa đã có miếu Sầm Nghi Đống, mà một số cụ bà địa phương gọi là miếu « Chu Thái thú », nói sai tên thật: Miếu Điền-châu thái thú (chỉ Sầm Nghi Đống). Hồ Xuân Hương đã đi qua đây và đã đề bài thơ nổi tiếng « Liếc mắt trông lên thấy băng treo » (1).

Việt sử thông giám cương mục chép « Loa-sơn (tục gọi Đồng-đa) ». Thực ra, nên nói rõ rằng tên *Đồng-đa* không phải có từ năm Kỷ-dậu (1789), mà mãi sau này mới xuất hiện. Sau chiến thắng lấy lưng tiêu diệt đồn Khương-thượng thấy giặc Mãn Thanh chết chông chết lên nhau ở đồng nội. Để bảo đảm sự chôn cất nhanh chóng, và cũng theo cách làm cổ truyền, người ta đã thu nhặt xác binh lính chết trận chông chết lại từng đồng rồi đắp đất lên, chữ Hán gọi là *Kinh quán* hay *Kinh nghệ kinh quán* (2) (gò chôn những quân lính hung dữ như kinh nghệ, loại cá lớn hung dữ

ở biển). Xác chết rất nhiều, phải đắp tới mười hai gò lớn. Con số này đã được ghi lại trong câu thơ nổi tiếng của nhà thi sĩ đương thời Ngô Ngọc Du trong bài « Loa-sơn điều cổ »:

« *Thành nam thập nhị kinh nghệ quán*
Chiếu diêu anh hùng đại võ công » (3).
(Phía nam thành, mười hai gò xác giặc,
Sáng ngời võ công lớn vị anh hùng)

Mười hai gò này còn y nguyên cho tới năm 1856, như tấm bia dựng năm này của tiến sĩ Lê Duy Trung tại đền Đồng-quang còn ghi lại. Những gò lớn tập trung xác chết nhiều như vậy nhưng chắc chắn vẫn còn nhiều xác khác được chôn lẻ tẻ rải rác nhiều chỗ. Chứng có rõ ràng là năm 1851 khi Kinh lược Nguyễn Đăng Giai cho mở chợ làm đường ở khu vực này thì lại đào được nhiều thi hài, nên đã đem tập trung lại đắp thành cái gò thứ 13, tức là gò có đền Trung-liệt hiện nay (xem bia nói trên).

Thời gian này có nhiều nạn lụt sau khi nước rút đi có giống cây đa mọc lên mọi chỗ. Ở đồng ruộng những cây này bị nhổ chặt đi, riêng ở các gò thì chúng lớn nhanh chóng, nên chẳng bao lâu những gò đồng này đều có cây đa mọc um tùm, thành tên *khu Đồng-đa*. Tên này dần dà đã được dùng phổ biến để chỉ chiến thắng lưng lầy của nghĩa quân Tây-sơn tại vùng Khương-thượng, còn để lại dấu vết ở những gò « Đồng-đa », những gò đồng không lồ chôn xác quân giặc.

Mười ba gò Đồng-đa nói trong bia Lê Duy Trung, trải qua năm tháng đã bị phá hủy đi một số. Bản đồ Hà-nội 1873 của Phạm Đình Bách ghi chữ Hán « Đồng-đa xứ » và có vẽ một số gò, nhưng đếm chỉ được sáu cái ở khu vực này (trái rác có một số gò nữa nhưng ở vùng khác). Hiện nay chỉ còn 2 cái gò là tương đối còn nguyên hình là gò Trung-liệt vừa nói ở trên, là gò thứ 13 đắp năm 1851, và gò « Đồng-thiên » ở trong khu lăng mộ Hoàng Cao Khải. Gò Đồng-thiên (cũng có người gọi là núi Thiên-hộ, có lẽ tên này xuất hiện sau khi Hoàng Cao Khải cướp đất xây lăng mộ) xưa kia có cái chùa nhỏ của làng Thịnh-quang, gọi là chùa thiên. Khải đã phá dỡ chùa này

(1) Có người (cụ Trần Văn Thưởng ở Thịnh-quang, 77 tuổi) cho rằng *Núi Cờ* có từ triều Lý.

(2) *Doãn Kế Thiện—Cổ tích và thắng cảnh Hà-nội*. Nhà xuất bản Văn hóa 1959 tr. 164. Về nghĩa chữ « *Kinh quán* » xem *Từ hải* tr. 69.

(3) *Doãn Kế Thiện*. Sách dẫn ở trên tr. 164.

và thay bằng một ngôi nhà gạch ngói một gian kiêu nhà hống mát.

Ngoài hai gò Đồng-thiên và gò Trung-liệt' còn một gò nữa mà nhân dân còn nhớ được là gò Đầu-lâu ở phía sau chùa Bộc giáp chùa Đồng-quang. Gò này bị phá từ lâu ngay từ đầu thế kỷ này.

Như vậy là tại nơi chiến thắng lịch sử của nghĩa quân Tây-sơn vào nửa đêm về sáng ngày mùng 5 tháng giêng Kỷ-dậu (1789) đánh bại toàn quân Điền-châu Triều-châu trong đoàn hai mươi vạn quân Mãn Thanh xâm lược, hiện nay chỉ còn lại hai trong 13 chiếc gò Đồng-đa chôn xác giặc bị giết. Ngoài ra còn có một số di tích khác đáng chú ý: Đầu tiên là « nghĩa địa Khâm tử » bị phá khoảng năm 1963—64 để lấy chỗ xây dựng trường cán bộ Công đoàn. Nghĩa địa này được lập cách đây trên 60 năm để chôn những xác quân Thanh được phát hiện khi làm con đường Hà-nội—Hà-đồng. Và đặc biệt có « chùa Bộc » một ngôi chùa cổ bị phá hủy trong trận Đồng-đa, đến năm 1792 được làm lại hoàn toàn và có pho tượng Đức ông đằng sau bệ có khắc mấy chữ Hán « Bình ngô tạo Quang Trung tượng » chứng tỏ rằng nhân dân địa phương, bất chấp chính sách trả thù man rợ của bọn vua đầu triều Nguyễn đối với nhà Tây-sơn, đã gan dạ tố sự sùng bái của mình đối với vị anh hùng dân tộc bằng cách tạc tượng thờ dưới dạng một pho tượng Long thần thường thấy ở mọi ngôi chùa (1).

Về trận Đồng-đa, có một bài thơ chữ Hán của nhà thơ Ngô Ngọc Du, tả cảnh giải phóng kinh thành Thăng-long khỏi quân xâm lược Mãn Thanh năm 1789. Bài thơ nhan đề « Long thành quang phục kỷ thực » (ghi lại sự thực về việc thu hồi về vang thành Thăng-long):

*« Hà vật nghịch tặc lai xưng cuồng
Vương sư nhất nộ, uy vũ dương
Trường khu trục yết chân thần tốc
Như tòng thiên giáng nan đề đương.*

*Hỏa long nhất trận tặc phi mị
Khí thành sang độ tranh đào sinh
Tam quân ngư quán chính đột tiến
Bách tính dừng được giả lộ nghênh.*

*Vân vụ bát khai kiến thiên phật
Mãn thành lão thiếu câu hoan nhan
Ma Kiên bả tì quần tương ngữ
Cổ đô hoàn thị ngã hà san » (2).*

(Giặc đầu tàn bạo sang điên cuồng,
Quân vua một giận, oai bốn phương
Thần tốc ruổi dài xông thẳng tới
Như trên trời xuống, ai dám đương.
Một trận rồng lửa giặc tan tành
Bỏ thành cướp đồ trốn cho nhanh
Ba quân đội ngũ chỉnh tề tiến
Trăm họ chật đường vui tiếp nghênh
Mây tạnh mù tan trời lại sáng
Đầy thành già trẻ mặt như hoa
Chen vai khoác cánh cùng nhau nói
Kinh đô vẫn thuộc núi sông ta)

Kèm bài thơ trên có câu: « Tây-sơn quân tiến công Thăng-long thành, thành ngoài cửa xã cư dân dừng được dựng cỏ biên thành long hình, tầm du nhiên hỏa, vi hỏa long trận » (3) (Quân Tây-sơn tiến công thành Thăng-long, nhân dân chín xã ở ngoại thành sỏi nổi dựng rơm rạ bên thành hình rồng, tầm dầu đốt lửa, thành trận rồng lửa).

Đoạn này có thể coi như chú thích câu 5 của bài thơ trường thiên trên kia. Tả không được biết chín xã ở ngoại thành cụ thể là những xã nào, nhưng con số cũng nói lên được sự tham gia hăng hái của nhân dân sát liền mặt trận, trong việc bện rơm bện thành những con rồng lửa đốt cháy quân thù. Cách đây 180 năm nhưng con rồng lửa bằng rơm bện lại có tầm đầu đã tiêu diệt hàng vạn quân Mãn Thanh xâm lược. Ngày nay những con rồng lửa — tên lửa bay lượn trên không, những con rồng lửa — ngựa trời tung hoành mặt đất, tiêu diệt hàng loạt máy bay và xe bọc thép của giặc Mỹ. Tiếp tục truyền thống anh hùng ngàn đời của đất nước, ngọn lửa chiến tranh nhân dân vĩ đại của dân tộc ta đang thiêu hủy những mảng cuối cùng của bọn cướp nước và bán nước trong con giấy gựa gần lúc lâm chung. Chúng ta quyết quét sạch ra khỏi bờ cõi toàn bộ bọn xâm lăng, để « ở những nơi hẻo lánh nhất cũng không còn bụi nhơ, non sông rộng lớn vững vàng rường cột » (4).

Tháng 1-1969

(1) Xem bài của Trần Huy Liệu: « Tượng lạ chùa Bộc hay là lòng dân yêu quý anh hùng » Báo Nhân dân, số ra ngày 6-5-1962.

(2), (3) Tài liệu của cụ Đoàn Kế Thiện.

(4) Dịch ý câu đối thờ bên cạnh tượng Đức ông — Quang Trung ở chùa Bộc trên trận địa Đồng-đa « Đồng lý vô trần, đại địa sơn hà lưu đồng vũ ».

XÃ HỘI VÀ VĂN HÓA THÀNH THỊ MIỀN NAM VIỆT-NAM DƯỚI SỰ THỐNG TRỊ CỦA CHỦ NGHĨA THỰC DÂN MỚI HOA-KỲ

LÊ VĂN HẢO

Chúng tôi nhận được bài này của ông Lê Văn Hảo, tiến sĩ dân tộc học, nguyên giáo sư Đại học văn khoa Huế, Sài-gòn, Chủ tịch Liên minh dân tộc dân chủ và hòa bình Huế viết cho Tạp chí Nghiên cứu lịch sử. Chúng tôi đăng nguyên văn để bạn đọc có thêm tài liệu nghiên cứu về tội ác do đế quốc Mỹ gây ra cho đồng bào của chúng ta ở các thành thị miền Nam.

Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ

Từ gần 20 năm nay Hoa-kỳ đã can thiệp vào nội-bộ Việt-nam, và từ giữa 1965 đến nay hơn một nửa triệu quân Mỹ và lính đánh thuê khác đã xâm chiếm, gây ra chiến tranh tàn khốc trên đất nước Việt-nam từ Nam đến Bắc, cả ở nông thôn lẫn thành thị. Mỹ khoe đã trút hàng triệu tấn bom đạn và chất hóa học "làm rụng lá" (défoliants), đã chi phí mỗi năm hàng chục tỷ đô-la để tiến hành chiến tranh chống "lật đổ"; Mỹ cũng khoe đã viện trợ cho Nam Việt-nam hàng tỷ đô-la hàng hóa kể cả gạo Mỹ. Mỹ đã nhắc đi nhắc lại sự "cam kết" bảo vệ tự do cho Nam Việt-nam chống cộng sản xâm lược, và qua Nam Việt-nam, bảo vệ cho an ninh của Mỹ và thế giới tự do, v.v... và v.v...

Cho đến nay, kết quả hiển nhiên của mọi cố gắng và hành động của Mỹ là: tuyệt đại đa số nhân dân Nam Việt-nam chán ngán, thù ghét Mỹ đến tận xương tủy. Bởi vì Mỹ hung bạo quá, gây ra đồ nát chết chóc tang tóc nhiều quá. Mỹ coi quá rẻ mạng sống của người Việt, khinh miệt người Việt ra mặt. Đất nước này là của ai mà ngày ngày Mỹ dùng pháo đài bay khổng lồ ném bom đến sát cả vùng phụ cận Sài-gòn? Đai phát thanh Mỹ và đài Sài-gòn ngày ngày khoe là đã giết hàng chục, hàng trăm "Việt cộng", nhưng Việt cộng là ai, người thường dân tự hỏi và cảm thấy đau nhói trong tim và tràn đầy căm phẫn khi thấy hàng chục, hàng trăm nông dân, già có trẻ có, phần lớn

là phụ nữ và trẻ em màu me hấp hối được đưa về các bệnh viện ở đô thị.

Tội ác của xâm lược Mỹ và tay sai đã hiển nhiên, đã chồng chất quá nhiều. Người ta thường xuyên nguyện rửa chúng, cầu khẩn cho trời tru đất diệt chúng đi. Nhưng không phải chỉ có thế. Người ta đã đánh lính Mỹ trên đường phố, đã nổi dậy đánh cảnh sát, diệt ác ôn. Một số báo chí đã can đảm tố cáo Mỹ và tay sai là ngoan cố, hiếu chiến, phá hoại hòa bình, thủ tiêu chủ quyền dân tộc.

Không những nông dân và dân nghèo thành thị căm thù Mỹ, nổi dậy đánh Mỹ, mà cả nhà tu hành, người trí thức cũng tham gia, bằng hình thức này hay hình thức khác, vào cao trào đấu tranh của toàn dân. Đó là những lời kêu gọi kiên quyết của Thượng tọa Thích Đôn Hậu (1) khẳng định rằng thời kỳ đấu tranh bất bạo động đã qua rồi, phải nhường chỗ cho những cuộc tiến công quân sự và nổi dậy chính trị. Đó là những lời tố cáo đánh thép của giáo sư Lý Chánh Trung thuộc Đại học Sài-gòn: « Là người Việt-nam, tôi không còn chịu nổi cảnh người ngoại quốc ngang nhiên tàn phá đất nước tôi bằng những phương tiện tối tân nhất, khủng khiếp nhất

(1) Một nhà lãnh đạo có tiếng của Phật giáo ở miền Nam, hiện nay là Phó Chủ tịch Liên minh các LLDTC và HIB Việt-nam.

và với danh nghĩa « bảo vệ tự do », một thứ tự do mà nhân dân miền Nam Việt-nam đã ói lên mưa xuống từ mấy năm nay mà nuốt vẫn chưa trôi. Tiếc thay nhân dân miền Nam chưa bao giờ được hưởng tự do, chưa bao giờ làm chủ vận mạng của mình chính vì người Mỹ với danh nghĩa « bảo vệ tự do » nhưng thực ra họ đã bảo vệ những chế độ chà đạp tự do. Và khi những chế độ này sụp đổ hoặc thất bại chính vì sự thối nát bất lực của chúng thì người Mỹ chỉ còn biết « bảo vệ tự do » bằng hàng triệu tấn bom tàn phá mảnh đất Việt-nam, bằng dòng suối đô-la không lở tràn ngập xã hội miền Nam, nghĩa là bằng cách tàn phá đến tận gốc những nền móng vật chất và tinh thần của đất nước này. Là người Việt-nam, tôi không thể chấp nhận điều ấy » (1).

Từ mấy năm gần đây, nhân dân thành thị ngày càng ý thức về thực chất của đế quốc Mỹ; những từ ngữ như « sự thống trị của ngoại bang », « sự thống trị của chủ nghĩa thực dân mới » đã xuất hiện trên sách báo xuất bản hợp pháp ở Sài-gòn. Giáo sư Nguyễn Văn Trung thuộc Đại học Sài-gòn, trong một tác phẩm nhận định về các vấn đề « Chiến tranh, cách mạng, hòa bình » đã cố gắng phân tích chủ nghĩa thực dân mới và đã minh họa nó bằng những hình ảnh cụ thể như: «... Trong một vài căn cứ của quân đội Mỹ (ở Nam V.N.), một hình ảnh còn đau buồn hơn nữa là cảnh các dây phở biến thành « bar » dành riêng cho quân nhân Mỹ, có bày trẻ em Việt đứng ngơ ngác tò mò tranh nhau nhìn ngó bên trong quang cảnh nó giống giữa những người đàn bà có thể là mẹ, là chị chúng với những người lính ngoại quốc. Những em bé đó nghĩ gì về Việt cộng, về lý tưởng bảo vệ tự do, nhân

phẩm giữa tiếng nhạc giạt gân, khói thuốc lá, rượu Whisky, bắp đùi để hở và những cái hôn thô bỉ » (2).

Những lập trường và ý kiến trên đây của nhà tu hành, của người trí thức xác nhận và giải thích một phần vì sao nhân dân Nam Việt-nam thù ghét Mỹ, nhưng ta còn phải phân tích rõ ràng kỹ càng hơn nữa chủ nghĩa thực dân mới của Hoa-kỳ ở Việt-nam thì mới thấy nó đã gây nên một mối căm thù sâu sắc, phổ biến và toàn diện đối với bọn người âm mưu uy hiếp và tàn phá toàn bộ đời sống vật chất và tinh thần của cả một dân tộc

Người ta có thể bước đầu đánh giá chủ nghĩa thực dân mới, từ khía cạnh thô bạo nhất — chiến tranh xâm lược và hủy diệt trực tiếp — đến những khía cạnh thâm độc tinh vi nhất của nó, qua một số sự việc chủ yếu là :

- viện trợ kinh tế và những hậu quả của nó trên đời sống xã hội,
- thực chất của chính quyền bù nhìn tay sai,
- hành vi của quân viễn chinh đối với nhân dân thành thị,
- thực chất chính sách giáo dục và văn hóa,
- những khuynh hướng của « văn nghệ hôm nay » ở Sài-gòn,
- tính chất những sản phẩm « văn hóa » của Mỹ và của « thế giới tự do » nhập khẩu vào miền Nam,
- ảnh hưởng của nếp sống Mỹ và ý thức hệ Mỹ,
- và sau hết, phản ứng của nhân dân thành thị miền Nam trước sức ép của chủ nghĩa thực dân mới Mỹ.

ÂM MƯU BÀN CÙNG HÓA CON NGƯỜI VÀ LÀM THỐI NÁT XÃ HỘI BẰNG NHỮNG THỦ ĐOẠN KINH TẾ

Viện trợ Mỹ đưa kinh tế miền Nam Việt-nam đến đâu ?

Cũng như chủ nghĩa thực dân cũ, thực chất của chủ nghĩa thực dân mới là thống trị bằng bạo lực, bằng chiến tranh xâm lược nếu cần, nhưng tinh vi thâm độc hơn thực dân cũ, nó không chủ trương thống trị trực tiếp bằng bộ máy cai trị đưa từ « mẫu quốc » sang. Ý đồ chính của nó là lũng đoạn về kinh tế, chính trị, là làm cho xã hội rối loạn thối

nát, là đầu độc tinh thần con người và làm cho văn hóa đồi trụy.

(1) Phát biểu trong một cuộc hội thảo tại Tổng hội Sinh viên Sài-gòn vào đầu tháng 9-1968.

(2) *Nhận Định*, tập IV, Nam sơn Xb, Sài-gòn 1966.

Trước hết, bằng một loạt thủ đoạn kinh tế, chủ nghĩa thực dân mới đã âm mưu bần cùng hóa quần chúng nhân dân thành thị Nam Việt-nam. Thủ đoạn chính là «viện trợ», biến kinh tế Nam Việt-nam thành kinh tế tiêu thụ mà không sản xuất, làm cho nó ngày càng kiệt quệ, bế tắc. Đứng như báo chí Sài-gòn mới đây đã tố cáo: «Viện trợ kinh tế Mỹ chỉ là một lối tìm thị trường cho các hàng hóa Mỹ sản xuất thặng dư (...). Từ 15 năm qua người Việt-nam sống nhờ viện trợ và chỉ ỷ lại vào đó. Hai năm gần đây người Mỹ lại còn đặt các kho hàng dự trữ của họ tại Việt-nam rồi tung ra thị trường, làm cho kinh tế Việt-nam chỉ còn là chợ trời của Mỹ. Hàng trong phố cũng của Mỹ, hàng bán ngoài hè phố cũng của Mỹ. Mức sản xuất trong nước cứ thế kém dần, và cách đây 2 năm lúa gạo bỗng nhiên biến mất và phải nhờ Mỹ viện trợ cho gạo Thái-lan, gạo Mỹ, gạo Đài-loan để sống. Thật là một thảm cảnh kinh tế khi chỉ còn biết nương nhờ ngoại bang để có bát cơm bát cháo mà sống» (Công luận, 12-8-68).

Bằng thủ đoạn viện trợ, Mỹ nhập khẩu ồ ạt hàng triệu tấn hàng hóa để tiêu thụ hàng ngày cùng với vô số xa xỉ phẩm, chứ không nhập khẩu những phẩm vật dùng để sản xuất, là cố ý nhằm đánh vào sức sản xuất của kinh tế trong nước. Sức sản xuất này trong mọi lãnh vực nông nghiệp, công nghiệp và thủ công nghiệp ngày càng sút kém. Gạo ngày càng khan hiếm, cao-su xuất khẩu ngày càng ít, các ngành công nghiệp dệt, đường, giấy... ngày càng khốn đốn trước hiện tượng hàng hóa Mỹ tràn ngập thị trường. Một khi động cơ chủ yếu của đời sống kinh tế là sức sản xuất đã xuống dốc và ngày càng bế tắc thì các hoạt động kinh tế, tài chính khác đều rối loạn nặng nề. Thêm vào đó đô-la Mỹ tràn vào miền Nam và sự tiêu pha ồ ạt của hơn nửa triệu lính Mỹ và chư hầu đã gây nên nạn lạm phát tiền tệ trầm trọng mà người ta gọi là lạm phát phi mã: đồng bạc Việt-nam mất giá đến nỗi ngân hàng quốc gia Sài-gòn phải in thêm mỗi năm hàng chục tỷ bạc mà vẫn không đủ, ngân quỹ của chính quyền Thiệu Kỳ Hương mỗi năm cũng thiếu hụt hàng chục tỷ. Báo chí Sài-gòn mới đây (tháng 11-1968) cho biết là ngân quyền thú nhận ngân quỹ năm 1969 sẽ thiếu hụt 50 tỷ nên chúng đã phải dùng những biện pháp «cắt cổ» là tăng 10% thuế và tăng giá gạo, và chúng đã vấp phải sự phản ứng chống đối mạnh mẽ của quần chúng như những lần trước.

Từ mấy năm nay lạm phát là một yếu tố chính gây rối loạn cho đời sống kinh tế của quần chúng mà cũng là một mối nguy cơ chính trị báo hiệu sự sụp đổ của ngụy quyền. Chính

ngoại trưởng Mỹ Rusk đã nói trước Thượng nghị viện Hoa-kỳ rằng: «Nạn lạm phát là một mối đe dọa có tính chất liên tục đối với chính phủ (ngụy quyền), và cũng là mối đe dọa cho sự thành công của chiến dịch bình định» (USIS 29-1-66). Báo chí Mỹ cũng đã nhận xét theo kiểu của nó: «Có lẽ kẻ địch ngoan cố nhất ở Nam Việt-nam không phải là Việt cộng mà là nạn lạm phát» (New York Times 4-5-66).

Lạm phát đã đưa đến nạn vật giá tăng vọt, đời sống ngày càng đắt đỏ. Chỉ tính từ giữa 1965 đến nay, giá cả của tất cả các mặt hàng cần thiết cho đời sống của quần chúng nhân dân như gạo, muối, nước mắm, than, củi, dầu, cá, thịt, rau, trứng... đều tăng gấp 2, 3 lần, thậm chí có thứ gấp 5, 6 lần. Vợ các công chức giáo sư bực tức, tủi nhục thấy mình bị me Mỹ và lớp người làm thuê cho Mỹ lấn át mua tranh hàng hóa, dù là cá thịt, áo quần hay nhà cửa đất đai. Đối với giai cấp trung lưu mà còn như thế huống chi đối với dân nghèo lao động thì đời sống đã trở nên khó khăn, ngột ngạt, bấp bênh đến ngàn nào.

Lạm phát do viện trợ Mỹ, do chiến tranh xâm lược, do sự có mặt của lính viễn chinh, đã khuyến khích nạn đầu cơ tích trữ, buôn lậu chợ đen hoành hành, mà nạn nhân chính bao giờ cũng là quần chúng nhân dân. Từ gạo, sữa, thuốc men, cho đến đô-la, đồng phơ-răng đều có giá chính thức và giá chợ đen. Hàng hóa của viện trợ Mỹ tràn ngập thị trường chợ đen. Hàng chục triệu đô-la được chuyển lậu ra nước ngoài. Vàng, thuốc phiện, hột xoàn và nhiều thứ khác ra vào tấp nập bằng con đường buôn lậu, dân chúng đều biết và nhiều khi tố cáo công khai rằng bọn sừng sỏ về đầu cơ tích trữ buôn lậu chính là những tên chóp bu của ngụy quyền, vợ con, bà con chúng nó và những tên tư sản mại bản ăn cánh với chúng nó chứ không ai khác.

Nói tóm lại, kinh tế Nam Việt-nam hiện nay — với sức sản xuất ngày càng sút kém, với sự nhập khẩu bừa bãi của hàng hóa Mỹ, với nạn lạm phát phi mã kèm theo nạn vật giá tăng vọt, đời sống đắt đỏ vượt mức và sự hoành hành của nạn đầu cơ tích trữ buôn lậu chợ đen diễn ra hầu như công khai do chính bọn ngụy quyền dung túng và lợi dụng — là những hậu quả tất yếu của thủ đoạn viện trợ Mỹ, phù hợp với âm mưu cơ bản của chủ nghĩa thực dân mới là bần cùng hóa con người và làm cho xã hội rối loạn, thối nát.

..

Con người bị bần cùng hóa và xã hội đã trở nên thối nát đến mức nào?

Những tệ nạn xã hội do âm mưu thủ đoạn của

Mỹ gây ra trong các thành thị Nam Việt-nam xuất hiện hàng ngày dưới nhiều hình thức, bằng nhiều cảnh tượng làm nản lòng, đau lòng nhà xã hội học, làm phẫn nộ những người Việt-nam yêu nước thương nòi và tất cả những ai còn có chút lương tri và tinh cảm nhân đạo.

Nhiều nhà văn, nhà báo nước ngoài đã thấy và đã làm chứng một cách cương quyết, rạch ròi, như Mary Mac Carthy (tác giả quyền *Việt-nam* xuất bản ở Mỹ năm 1967), như J. Bertolino (tác giả quyền *Việt-nam sanglant* xuất bản ở Pháp năm 1968), nhưng họ cũng chỉ nói lên một phần nhỏ cái tình cảnh bi đát lớn của thành thị Nam Việt-Nam

Trước hết là nạn thất nghiệp tràn lan và rất trầm trọng mà không một tài liệu thống kê nào của ngụy quyền cho ta một con số dù chỉ là ước lượng, vì chế độ ngụy không dám mà thật ra cũng không có khả năng tiến hành những cuộc điều tra dân số và xã hội nghiêm túc, vì đó cũng sẽ là những bản cáo trạng vạch trần thực chất xấu xa của chế độ. Người ta ước đoán hiện nay có đến hàng chục vạn người thất nghiệp và nửa thất nghiệp do nạn chiến tranh và khủng hoảng kinh tế. Đội quân nghèo khổ này sống lây lất để rồi có khi phải chọn lấy một con đường bi đát: đi lính ngụy để kiếm sống, hay phục dịch cho bọn lính viễn chinh, đó là chưa nói đến một số phần tử đã dần dần đi từ bản cùng hóa đến lưu manh hóa.

Thành thị miền Nam đầy rẫy linh trùng, ban đêm được soi sáng bằng ánh đèn nê-ông của phòng trà, tiệm rượu, tiệm nhậu, hộp đêm, nhưng ban ngày thì ồn ào, bụi bặm với vô số những đồng rác, đồng vỏ chai, vỏ đồ hộp, dây thép gai. Đúng là những thành phố bị xâm lược và chiếm đóng: "Sài-gòn, một thành phố nổi tiếng là đẹp, nay đã bị ngọn triều chiến tranh vụn vụn, lãng nhục. Đó là một điều thật tàn ác. Những đại lộ trước kia yên tĩnh có những hàng cây bóng mát và rất sạch sẽ, ngày nay đầy rác rưởi, vỏ chai và những trạm gác bằng bao cát có những lính Mỹ đứng gác nhìn chăm chăm vào người qua lại". Đó là Sài-gòn dưới mắt một nhà báo nước ngoài (AP, 7-8-66). Những nơi có cơ quan của Mỹ và bọn chư hầu chiếm đóng đã trở thành những vùng "tô giới" nơi đó chúng có quyền đuổi người di bộ ra xa và chúng đã nhiều lần nổ súng vào xe cộ và người mà chúng nghi là có mưu toan đặt chất nổ.

Bên cạnh những dãy phố giàu có xa hoa, những khu cư trú sang trọng với những tư dinh, biệt thự, vườn hoa, thành thị miền Nam cũng đã hình thành một thế giới riêng của

lâm than bản cùng, thế giới đầu đường xó chợ, gầm cầu, vỉa hè của vô số người hành khất, tàn tật, ma cà bông đủ lứa tuổi, thế giới của những xóm nghèo lao động mà nhà cửa được gọi là "ổ chuột": những túp lều lợp tôn hay lợp bằng giấy báo, bìa cứng chen chúc nhau nổi lều bều trên những bãi sinh lầy, bên cạnh những đồng rác, những ao tù hay những con rạch đọng nước thối hoắc. Mùa nắng mùa mưa đều nồng nặc hay ngập ngụa. Đó là Xóm Chiếu, Xóm Mả, Bàn cờ, Khánh-hội, ngoại ô Chợ-lớn, Đà-nẵng... những vùng bóng tối khổng lồ của lâm than nơi đó hàng triệu người quần quai cố vật lộn với nghèo đói bệnh tật để bám lấy sự sống. Thế nhưng ở những nơi này, ngụy quyền cũng không để yên cho dân nghèo và hạng người cùng khổ. Chúng đã nhiều lần thực hiện âm mưu tội ác là đốt cháy những xóm nghèo này để lấy cớ "giải tỏa đô thị", thật ra là xua đuổi nhân dân lao động ra xa thành phố, lấy đất xây "binh dinh", cư xá cho quân Mỹ, và cũng là để ngăn ngừa mọi cuộc đấu tranh nổi dậy ngay sát những cơ quan đầu não của chúng.

Nổi bật giữa những tệ đoan xã hội là nạn dĩ điểm, kỹ nghệ lấy Mỹ và khai thác Mỹ mà nhân dân thành thị khinh bỉ gọi là *Mèo*. Thượng nghị sĩ Mỹ Fulbright đã nói rằng Mỹ biến Sài-gòn thành một nhà chứa khổng lồ, nhà báo Pháp Bertolino gọi Sài-gòn là nhà chứa của châu Á. Quân Mỹ và chư hầu đóng ở đầu thị nghề mãi dâm lan tràn tới đó. Snack-bar, hộp đêm mọc lên như nấm. Lương tháng của một công chức bậc trung cũng chỉ bằng huê lợi trong hai ba ngày của một chiều dài viên snack-bar hay trong một đêm của một me Mỹ hành nghề trên cái mà làng báo làng văn Nam Việt-nam gọi là "chiến trường nhục thể". Bên cạnh gái điểm chuyên nghiệp còn có cả những người vốn có chút ít học hành, chút ít lương tâm nhưng vì thất nghiệp cùng đường, đời sống đắt đỏ quá mức, không có cách gì nuôi cha mẹ, nuôi con, nuôi bản thân nên đành phải sa cơ lỡ bước. Trên báo hàng ngày thấy nhan nhản những đồng đảng tin tìm người thân, mẹ năn nỉ con, chồng mong mỗi vợ làm đường lạc lối hãy trở về. Bản thân Nguyễn Cao Kỳ hồi còn giữ chức thủ tướng ngụy đã có sáng kiến tập trung gái điểm gọi là để dễ bề "kiểm soát", nhưng quần chúng thì cho rằng thật ra Cao Kỳ và bè lũ của hắn muốn bao thầu kiểm soát thêm cái nghề ô nhục này. Bộ trưởng xã hội của Cao Kỳ là Trần Ngọc Liêng cũng đã từng khoe khoang là "nghề bán dâm đã phát triển đến mức trở thành một trong những nghề có tổ chức nhất".

Cùng với sự xuất hiện của ngành chiếu dài viên là sự ra đời và phát triển của kỹ nghệ lấy Mèo, khai thác Mèo, một ngành rất phổ biến bao gồm cả một đội quân ma cô, tú bà, thâu khoán, chủ cho thuê nhà, và có cả những binh chủng « văn hóa » và « pháp lý » nữa : có những lớp học tiếng Mỹ cấp tốc, có những tên bồi bút sản xuất từ vựng, sách đàm thoại thông dụng, từ điển « yêu » để gái điếm giao thiệp, mặc cả với Mỹ, có những tên « luật gia » sống phè phỡn bằng nghề làm hôn thú Việt - Mỹ. Bọn Mỹ bỏ tiền ra mua phụ nữ Việt-nam gọi là cưới, kỳ thật là làm như mua bán dùng suốt thời gian chúng ở Việt-nam rồi giao lại cho một tên Mỹ khác khi chúng về Mỹ. Đã có hàng ngàn cuộc « tình duyên » kiểu đó. Làm me Mèo trở thành một nghề khá thu hút và rất phát đạt. Nhiều bậc cha anh chồng rất lo sợ cho vợ con em mình, nhiều người cấm con cháu đi dạo trên những đường Tự do, Nguyễn Huệ, nhiều người dọn nhà đi không dám ở gần các cư xá Mỹ.

Một tệ đoan xã hội khác không kém phần trầm trọng là nạn lưu manh, du đảng côn đồ, trong đó có nạn thiếu niên phạm pháp. Trong những năm từ 1965 lại đây số lượng du đảng côn đồ gia tăng rất nhanh. Hàng vạn thiếu niên phạm pháp đã ra tòa. Nhiều tổ chức bí mật của du đảng xuất hiện như : « ó đen, hồ xám, sợ người, áo rằn, bàn tay máu, hội Bụi đời, hội CTY (cướp tình yêu) » v.v... có ít nhiều liên lạc, gần bó với bọn cảnh sát công an mật vụ. Đây đường phố là những thanh thiếu niên chuyên móc túi hay buôn lậu, chợ đen, tót tai bôm xôm, ăn mặc lố lăng hôi hám, có những tên phóng xe bạt mạng, trêu chọc nữ sinh, phụ nữ, gây sự hành hung khách đi đường. Nạn du đảng trước thịnh hành ở Sài-gòn, Đà-nẵng nay đã lan đến Huế, Quảng-trị.

Báo chí hàng ngày trong các mục « tin ngắn » đăng nhan nhản những hành vi tội phạm xảy ra trên đường phố ban ngày cũng như ban đêm, ở nội thành và ở ngoại ô : nào là cướp giật, nào là ăn trộm ăn cắp có tổ chức quí mô theo lối gangster, nào là lường gạt, bội tín, hãm hiếp, giết người, tự tử... phản ánh rõ ràng thế giới tội ác và tuyệt vọng của xã hội thành thị thối nát đến cùng cực.

Nạn mại dâm và du đảng đi kèm với những nạn cờ bạc, rượu chè, hút xách, dùng ma túy. Sòng bạc lớn nhỏ hoạt động hầu như công khai, đôi khi là do chính vợ con bọn tướng tá nguy tử chức với sự tham gia của bọn sĩ quan Mỹ và chư hầu, và những bọn đánh bạc quốc tế. Thuốc phiện lậu được nhập khẩu đều đều là một nguồn lợi lớn cho bọn phi công,

bọn chính khách ngoại giao nguy đi đi về về Lào, Hồng-kông, Đài-loan, Singapor... Đều đầu độc nhân dân Việt-nam, Mỹ cũng nhập khẩu rất nhiều loại rượu mạnh và nhiều loại ma túy để phổ biến trong giới chơi bời trụy lạc. Từ nhiều năm nay báo chí Sài-gòn đã đăng những loạt phóng sự nói về sự sa đọa hư hỏng đặc biệt là thanh thiếu niên thành thị : « Không thiếu gì những cảnh thiếu niên con nhà khá giả chưa hề tự lập hãy còn ăn bám gia đình mà đã cả gan hút đến 5, 7 điếu thuốc phiện và chơi bời nhẩy nhót, thậm chí có cả một số em học sinh mới 14, 15 tuổi mà đầu đã biết chích morphine vào người cho đã cơn nghiện. Thật là ghê sợ kinh người » (Chính luận, 7-8-65).

Thực chất của những chính quyền tay sai từ trước đến nay.

Nằm trong âm mưu của chủ nghĩa thực dân mới, sự có mặt của những chính quyền bù nhìn tay sai của Mỹ cũng là một yếu tố làm cho xã hội rối loạn thối nát. Thực chất của bọn này, từ Diệm Nhu đến Thiệu Kỳ Hương hiện nay đều giống nhau dưới mắt nhân dân thành thị : đó là bọn người gian ác, phản bội, tham quyền cố vị bằng gian lận bịp bợm về chính trị, bằng bạo lực của đàn áp khủng bố.

Tham nhũng, thối nát, bất lực là những hiện tượng thường xuyên và phổ biến ở tất cả các ngành các cấp trong nguy quyền, nguy quân : từ những tên Việt gian chớp bu cho đến bọn phi công, hạ sĩ quan, cảnh sát, công chức và những thư ký quên các công sở, chúng đều đua nhau hối mại quyền thế, lãng phí của công, ăn cắp của công, ăn cắp hàng viện trợ, cứu trợ, làm tiền quần chúng bằng đủ mọi cách, mọi kiểu. Báo chí Sài-gòn đã chưa chât vạch ra rằng chính những tên đầu sỏ về tham nhũng, ăn cắp của công lại bày trò thành lập những « ủy ban bài trừ tham nhũng », kêu rao về những « chiến dịch bài trừ tham nhũng », thật ra là tranh ăn và thanh toán lẫn nhau ; rồi cuộc đấu vẫn vào đấy, bọn chớp bu đầu sỏ này vẫn tiếp tục làm ăn và bao che dung túng cho vây cánh của chúng hoành hành. Mới đây chính thủ tướng nguy Trần Văn Hương đã phải thú nhận : « Nếu hoàn toàn nhờ bất mại tham nhũng thì chúng ta sẽ gạt bỏ nhiều người và không còn ai ở lại làm việc nữa » (UPI, 8-10-68).

Gian lận bịp bợm trong các cuộc bầu cử cũng là một thủ đoạn quen dùng của nguy quyền. Trước những mảnh khõe, hành vi gian lận trắng trợn lặp đi lặp lại của chúng,

nhân dân thành thị chán ngán, khinh bỉ ra mặt, và nhiều khi đã phản ứng khá mạnh. Sau mỗi cuộc bầu cử như bầu quốc hội lập hiến bù nhìn (1966), bầu tổng thống, thượng nghị viện, hạ nghị viện bù nhìn đều có hội thảo, biểu tình, tuyên bố phản đối là gian lận của thanh niên, sinh viên, công nhân..., của các ứng cử viên thất bại, và lần nào cũng có đàn áp, khủng bố, bắt bớ.

Những hành vi thủ đoạn đàn áp khủng bố đã man của ngụy quyền nhiều không kể xiết: trong suốt 14 năm qua, ngụy quyền luôn tìm cách uy hiếp tinh thần quần chúng bằng cách gây nên một bầu không khí sợ hãi, nghi kỵ, dò la, đe dọa và khủng bố thật sự bằng hàng loạt những hoạt động công khai hay bí mật của một bộ máy đàn áp đồng đảo bao gồm đủ loại công an, cảnh sát, an ninh quân đội, mật vụ, gián điệp, tình báo, chỉ điểm. Chúng đàn áp đẫm máu các cuộc biểu tình, lùng ráp bắt bớ thanh niên trốn quân dịch, soát nhà, vây xóm, ám sát, bắt bớ, giam cầm vô hạn định, đánh đập, tra tấn, thủ tiêu, bắt chấp những luật pháp, hiến pháp do chính chúng đặt ra.

Trước sự vùng lên mạnh mẽ của quần chúng nhân dân, bọn chúng gia tăng khủng bố bằng cách thiết lập những tòa án quân sự lưu động không luật sư, không kháng án, những pháp trường cát (một sáng kiến của tên phát-xít Cao Kỳ, đồ đệ trung thành của Hitler), chúng công bố những luật phát-xít như luật 10-59, 10-68, thiết quân luật, giới nghiêm, ban hành tình trạng chiến tranh, ra lệnh tổng động viên, v.v... làm cho tình hình đời sống thành thị luôn căng thẳng. Người dân sống trong bầu không khí khủng bố phát-xít, trong chính thể vô pháp luật như vậy, luôn luôn bị căng thẳng thần kinh, thường xuyên có cảm tưởng bất an và lo âu sợ hãi cho số phận của mình trước sự hoành hành của bạo lực.

Một trong những sản phẩm tiêu biểu nhất cho thực chất vô nhân đạo của chính quyền bù nhìn tay sai, đó là bọn ác ôn. Ác ôn là những tay sai đã man tàn bạo nhất, nguy hiểm nhất và đặc lực nhất mà Mỹ — ngụy dùng để trực tiếp bách hại nhân dân, không chừa cách mạng. Những tên mặt người dạ thú này chia ra mấy loại. Có loại lính biệt kích chuyên môn đi càn quét cướp bóc, hãm hiếp, chặt đầu mổ bụng, ăn gan uống máu người, lấy răng, tai hay mật người phơi khô đeo lủng lẳng trước ngực làm đồ « trang sức », bọn chúng cũng ngang nhiên đánh người cướp của trong các thành phố mà cảnh sát, quân

cảnh không dám can thiệp. Nhân dân Huế, Đà-nẵng, Qui-nhơn, Nha-trang... đã nhiều lần là nạn nhân những vụ hành hung cướp bóc của bọn này, điển hình là những vụ xảy ra sau mùa hè 66 và sau mùa xuân 68. Có loại ác ôn khác được Mỹ huấn luyện để trở thành những tên chuyên làm nghề hôi cung, tra tấn ở các ty cảnh sát, ty thẩm vấn... nhân dân gọi chúng là những « thợ tợn », có tên đã từng phục vụ cho thực dân Pháp, rồi cho Mỹ — ngụy trong hàng chục năm. Có loại là cai tù, nhân viên các trại giam chuyên nghề hành hạ ngược đãi làm chết dần chết mòn những người yêu nước bị chúng giam giữ trong một chế độ lao tù có lẽ là man rợ không nơi nào sánh được trên thế giới. Bọn Mỹ — ngụy chiêu mộ và đào tạo lũ ác ôn khát máu này từ trong đám những du đảng, côn đồ thành thị; những tên ác quỷ này là đối tượng căm thù ghê gớm nhất của quần chúng, cho nên mỗi khi có tên nào bị các lực lượng yêu nước và cách mạng trừ khử thì quần chúng rất hả hê.

Những hành vi phân biệt chủng tộc, còn đồ, cường bạo và hiếp sát của bọn Mỹ đối với nhân dân thành thị.

Xã hội thành thị ngày càng thêm rối loạn rách nát bởi sự xâm nhập ô ạt của hàng chục vạn tên lính viễn chinh. Bọn chúng công nhiên xử sự với quần chúng nhân dân ta như những tên xâm lược chiếm đóng. Bằng vô số hành vi phân biệt chủng tộc, lấp ép, khinh miệt, còn đồ, cường bạo và hiếp sát, chúng ngang nhiên chà đạp lên mọi thứ luật lệ thông thường, ngang nhiên xâm phạm tài sản và tính mạng của người Việt-nam.

Lính Mỹ và chư hầu ngày càng lộng hành trong các thành thị: chúng ăn quịt, đi xe quịt, cướp giật hàng hóa, tiền bạc của nhân dân, có những vụ cướp tập thể và có kế hoạch như đã xảy ra ở Cam-ranh vào giữa năm 1968. Chúng phóng xe bạt mạng trên đường phố, gây ra hàng trăm tai nạn đẫm máu, chúng chửi bới hành hung những người đi đường hay những người làm công cho chúng, chúng đánh cảnh sát và binh lính ngụy, đánh cả đồ trưởng ngụy ở Sài-gòn và tên này chỉ biết nuốt hận. Chúng vô cơ giết người Việt bằng dao, súng, bằng « bắn lăm », « thả bom lăm »... mỗi năm có hàng ngàn người chết trong những vụ sát nhân vô tội vạ ấy. Khi bị bắt quả tang và có biên bản điều tra thì chúng bồi thường bằng vài trăm đô-la, vài vạn bạc thế là xong. « Pháp

luật» nguy cũng không hề dám động đến chúng khi xảy ra trường hợp chúng bắt cóc đàn bà con gái hãm hiếp đều chết rồi đem vứt xác ở bãi trống hay trong những đồng rác, hay trường hợp chúng cưỡng bức vợ công chức, vợ binh lính nguy, cưỡng bức chiêu đãi viên ngay trong tiệm rượu, tiệm nhảy. Báo chí Sài-gòn đăng nhan nhản tin tức về những tội ác bạo dân này và tố cáo nguy quyền làm ngơ dung túng cho lính Mỹ chà đạp nhân phẩm và thể thống Việt-nam.

Sự oán ghét căm phẫn của nhân dân thành thị đã lan rộng từ dân nghèo lao động đến giới công chức, thượng lưu, giàu có trước những hành động côn đồ hiếp sát ngày càng chồng chất của bọn xâm lược Mỹ lúc nhúc trong thành thị. Đúng như báo chí phương Tây đã phản ánh: «Người Mỹ có mặt (ở miền Nam Việt-nam) rất đông, đông đến mức có thể đi hàng dặm đường mà chỉ gặp xe cộ của Mỹ và không thấy cái gì ngoài trại lính Mỹ»; «ở Sài-gòn điều lộ liễu gay gắt hơn cả là cái khối 3 vạn người Mỹ giành hết các ngôi nhà và chỗ ở đẹp, tung tiền thuê các chuyến taxi làm cho giá thuê xe tăng vọt, chiếm hết các hiệu ăn ngon, thậm chí tranh hết các cô gái đẹp» (Reuter, 9-6 và 21-6-67). «Sự đồ ỏi giữa hai bạn đồng minh đã quá nặng, bên

nọ khinh bên kia quá đỗi, bên kia uất ức và căm thấy nhục nhã vì thái độ của bên nọ. Ở tất cả các giới dân sự hay quân sự Nam Việt-nam không ngớt nổi lên những lời khiêu nại than vãn rằng: «Họ không tôn trọng độc lập của chúng ta», «họ coi đây như đất chiếm đóng của họ», «Nam Việt-nam đang trở thành bang thứ 52 của nước Mỹ» v.v... Đúng là người Mỹ đã quyết định xử sự với tư cách ông chủ ở miền Nam Việt-nam, chính họ là người đang phải chết, là người trả tiền, vì vậy để đền bù lại, họ có quyền làm chủ» (Le Figaro 15-2-67).

Lâu nay người Việt-nam nghe nói người Mỹ khinh rẻ dân da đen da đỏ bên xứ họ, nghe nói đến phân biệt chủng tộc ở Mỹ. Bây giờ thì người dân thành thị mới trực tiếp chứng kiến cái óc khinh miệt và phân biệt chủng tộc qua hành vi của bọn lính và sĩ quan Mỹ. Và sở dĩ bọn chúng lộ hàng hành và xử sự với nhân dân ta như thế là vì chúng khinh thường bọn nguy quân nguy quyền tay sai mà chúng xem như một bầy tôi tớ nô lệ như chính tên phó tổng thống nguy Cao Kỳ đã từng thủ nhận, và chúng xem miền Nam Việt-nam như đã thực sự trở thành một căn cứ quân sự khổng lồ và một thuộc địa kiểu mới của chúng.

NHỮNG THỦ ĐOẠN VÀ ÂM MƯU VỀ VĂN HÓA CỦA CHỦ NGHĨA THỰC DÂN MỚI

Bằng viện trợ kinh tế, bằng cách duy trì những tệ nạn xã hội, bằng cách nuôi dưỡng những nguy quyền gian ác, bằng hành vi xấu xa tàn bạo của bọn lính viễn chinh, chủ nghĩa cực dân Hoa-kỳ đã đưa xã hội Việt-nam đến thối tình trạng thối nát cùng cực; thêm vào đó, bằng một loạt thủ đoạn về văn hóa, Mỹ và tay sai còn nuôi âm mưu đầu độc tinh thần nhân dân Nam Việt-nam trong nhiều lãnh vực: giáo dục, văn nghệ...

Những thủ đoạn và âm mưu muôn hình muôn vẻ này rất nguy hiểm đối với thể hệ thanh thiếu niên và nhằm gây nên những hậu quả có tác dụng lâu dài về sau.

Thế nào là giáo dục quốc gia, là văn hóa truyền thống dưới chế độ Mỹ—ngụy.

Khi nói đến giáo dục ở miền Nam, dư luận báo chí, dư luận cha anh học sinh sinh viên từ nhiều năm nay đã dùng những từ ngữ bi quan như: «tình trạng khủng hoảng, thối trạng giáo dục, thực trạng giáo dục bệnh hoạn,

chính phủ không có đường lối chính sách giáo dục», v.v... Mà quả thật, đằng sau nhãn hiệu «giáo dục quốc gia» được tô vẽ bằng những công thức rất kêu như «dân tộc, nhân bản, khai phóng», thực chất đó chỉ là một nền học chính—hoàn toàn không xứng đáng với tên gọi «nền giáo dục», vì nó phiếm diện, lạc hậu, chấp vạ, lai căng, không tôn trọng nhân cách của thanh thiếu niên và hoàn toàn xa lạ với những truyền thống nhân bản của Việt-nam.

Trước hết đó là một nền học chính phần dân chủ vì nó phục vụ cho con cái giai cấp trung lưu, thượng lưu thành thị nhiều hơn là cho đông đảo con em các gia đình lao động nghèo ở thành thị và các gia đình nông dân. Đó cũng là một nền học chính phần dân tộc vì tính chất vọng ngoại và nô dịch nặng nề của nó, với những phương pháp sư phạm cũ rích kế thừa của chế độ thực dân Pháp, với những sách giáo khoa cóp nhặt và hỗn tạp, chứa đầy những mâu thuẫn và sai lạc, những chương trình mang nội dung vừa lai Pháp vừa lai Mỹ, nặng về lý thuyết, không phù hợp

với nhu cầu thực tế xây dựng nước nhà, không phản ánh được tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc và sự phong phú lâu đời của nền văn hóa dân tộc; lịch sử và văn học của dân tộc bị cắt xén, bóp méo, xuyên tạc, những khía cạnh phản động được đề cao (vd. sự nghiệp của Gia Long, Phạm Quỳnh...).

Nền học chính lạc hậu này đã kìm hãm, đè nén tinh thần, sáng kiến của nhiều thế hệ giáo viên và học sinh, cho nên từ nhiều năm nay một phong trào đấu tranh sôi nổi và liên tục đã dấy lên trong khắp các trường trung học và đại học, đòi hỏi quyền phải chấm dứt những tệ nạn giáo dục và thực hiện những cải cách căn bản: dùng tiếng Việt là chuyên ngữ duy nhất ở đại học, sửa đổi tận gốc chương trình, sách giáo khoa và phương pháp sư phạm cho phù hợp với nhu cầu thực tế và tinh thần độc lập dân tộc; xóa bỏ nạn thiếu trường, thiếu lớp, thiếu thầy, thiếu phương tiện giáo dục; nâng cao trình độ sinh hoạt của giáo viên và học sinh nghèo, chấm dứt nạn gian lận trong thi cử, nạn buôn bán chữ nghĩa, thương mại hóa giáo dục gây ra bởi những hệ thống giáo dục song song (trường công—trường tư; trường Việt—trường Pháp, Mỹ), chấm dứt những thủ đoạn như cố ý đánh hỏng học sinh và sinh viên với một tỷ lệ cao để dễ bề bắt lính, đe dọa đàn áp khủng bố cấm sinh viên làm chính trị, đưa những tên gián điệp Mỹ hay những tên mật vụ tay sai vào các trường đội lốt giáo sư, giám đốc, cố vấn để kềm kẹp khống chế học sinh và thầy giáo.

Một loạt thủ đoạn nhằm Mỹ hóa dần dần nền giáo dục Nam Việt-nam cũng bị chống đối quyết liệt: chống chuyên viên cố vấn Mỹ can thiệp vào việc soạn chương trình, soạn sách và in sách giáo khoa, đưa những phương pháp giáo dục máy móc của Mỹ vào nhà trường như phương pháp trắc nghiệm dùng trong khoa học tự nhiên và cả trong khoa học xã hội; việc Mỹ ồ ạt đưa sinh viên đi du học, đưa học sinh đi tham quan ở Mỹ, đưa giáo sư, hiệu trưởng, khoa trưởng, viện trưởng đi thăm hay tu nghiệp ở Mỹ; sự đề cao quá đáng việc dạy tiếng Anh, lịch sử và văn học Mỹ trong các trường dưới sự hướng dẫn chặt chẽ của giáo sư, cố vấn Mỹ.

Phong trào đấu tranh của học sinh và thầy giáo là nhằm đập tan âm mưu chủ yếu của Mỹ—ngụy dùng giáo dục làm một phương tiện nô dịch tinh thần, bằng cách duy trì tình trạng khủng hoảng trong giáo dục, duy trì những cách dạy máy móc học thuộc lòng, nhồi nhét vào đầu óc học sinh những lý thuyết, kiến thức khô khan nặng nề mà làm khi họ không hiểu hết, để đào tạo nên những đầu óc

thụ động, phục tùng, những con người thiếu nhân cách, thiếu tinh thần tự quyết, óc độc lập suy nghĩ, dễ dàng chấp nhận cuộc sống phụ thuộc, làm thuê, làm tay sai phục vụ cho chế độ.

Nền văn hóa văn nghệ cũng chịu chung số phận khủng hoảng bế tắc như giáo dục. Bằng mọi cách, Mỹ—ngụy hạ thấp văn hóa truyền thống của dân tộc, vùi dập nó trong lãng quên, mặt khác chúng hạn chế và bóp nghẹt mọi cố gắng phát triển của văn hóa văn nghệ lành mạnh tiến bộ.

Báo chí Sài-gòn và dư luận quần chúng đã nhiều lần tố cáo cái «thảm trạng văn hóa ở miền Nam» và cũng đã có can đảm đưa ra những so sánh đầy ý nghĩa giữa Nam và Bắc trong lãnh vực này. Nào là «văn hóa miền Nam kém quá, các chính quyền kế tiếp nhau ở Sài-gòn không cần biết đến văn hóa, không nhận thấy tầm quan trọng của văn hóa... coi văn hóa là đồ bỏ», nào là về mặt văn hóa «miền Nam chưa xây dựng được gì hết, chưa có một cố gắng nào hết...không có những công trình nghiên cứu cho ra hồn... Ngay cơ mật gốc trăm trọng», v.v... trong khi đó ở miền Bắc «có chính sách văn hóa rõ rệt, có những cố gắng ghê gớm của Nhà nước để xây dựng một mặt trận văn hóa... tiếng nói và chữ viết đã được điền chế; văn học, sử học, địa lý được nghiên cứu có kế hoạch, nhiều công trình văn hóa đã được giới thiệu ra nước ngoài» (Chinh luận, 12-8-68).

Hạ thấp văn hóa truyền thống của dân tộc: đó là một thủ đoạn nằm trong kế hoạch nô dịch văn hóa của chủ nghĩa thực dân mới, nhằm xóa nhòa tinh thần yêu nước, tinh thần dân tộc, lòng tự hào dân tộc, tạo nên những mặc cảm tự ti văn hóa, tâm lý dân tộc nhược tiểu, tinh thần vọng ngoại. Đó là lý do vì sao mặc dù chế độ bù nhìn tay sai đã đặt ra nào là nha văn hóa, bộ văn hóa, nào là viện nghiên cứu, hội văn hóa này nọ nhưng rốt cuộc những công trình được xuất bản, công bố chẳng có là bao, nghèo nàn về số lượng lẫn chất lượng. Lịch sử, văn học, các ngành nghệ thuật cổ truyền không được sưu tầm đầy đủ, nghiên cứu đứng đần và giảng dạy dang hoàng trong các trường cao đẳng và đại học; các nhà nghiên cứu khoa học xã hội, các nhà nghệ sĩ cổ truyền thường phải sống khá chật vật, cô đơn, bị lãng quên, không được chính quyền giúp đỡ phương tiện để làm việc, phát huy sáng kiến và tài năng của mình. Có những nhà nghiên cứu có giá trị phải nhờ đến cơ quan văn hóa nước ngoài bảo trợ và xuất bản những công trình biên khảo của mình.

Chính sách kiểm duyệt phản động và tàn bạo của chính quyền tay sai đã thường xuyên bóp nghẹt mọi tự do báo chí, tự do ngôn luận và tự do sáng tác. Hàng trăm tác phẩm có giá trị hiện thực phê phán của một số nhà văn tiến bộ, có tinh thần yêu nước và ý thức dân tộc đã bị cấm hay bị cắt xén. Hàng chục tờ báo, tạp chí bị đóng cửa hay đưa ra tòa chỉ vì dám tố cáo những thực tế xấu xa do chế độ gây nên hay đòi hỏi Mỹ và tay sai phải thỏa mãn những quyền lợi bức thiết về dân sinh dân chủ, chủ quyền dân tộc, hòa bình. Hàng trăm nhà báo và văn nghệ sĩ chân chính, cương trực đã bị đe dọa, khống chế, đàn áp, khủng bố, điển hình là đợt khủng bố các văn nghệ sĩ và trí thức yêu nước tiến bộ thuộc « Lực lượng bảo vệ văn hóa dân tộc » vào giữa năm 1967 : người thì bị chúng thủ tiêu, ám sát, người thì đang bị giam cầm tra tấn.

Đánh giá tình hình văn hóa văn nghệ và tình cảnh của văn nghệ sĩ dưới chế độ Mỹ - ngụy, nhà văn Tuệ Mai, trong một buổi lễ trao giải thưởng văn nghệ do ngụy quyền tổ chức vào cuối năm 1966, đã nói lên cảm tưởng như sau : « Nhìn lại quá trình sinh hoạt của học thuật tư tưởng miền Nam trong 10 năm qua, những người quan tâm đến văn đề không khỏi bi quan về nguồn hứng hầu như bị khô cạn, niềm tin tưởng bị vụn mòn, giá trị nhân bản bị chà đạp, thế hệ thanh niên và nhi đồng không được bảo vệ trước những ảnh hưởng tác hại thui chột bản năng; quyền phát biểu tư tưởng cũng như đời sống cá nhân của văn nghệ sĩ không được bảo đảm. Người ta vẫn phải chứng kiến những hạn chế gắt gao, những xâm phạm thô bạo vào tinh cảm, thể xác và cơ sở hành nghề của văn nghệ sĩ ».

Chính quyền tay sai nuôi dưỡng, khuyến khích văn hóa phản động và đồi trụy.

Từ 1954 đến nay, ý thức hệ căn bản của thực dân mới và bù nhìn tay sai là chủ nghĩa chống cộng. Nhiều chiêu bài rỗng tuếch được đưa ra để rồi tan đi như bọt xà-phòng : nào là nhân vị duy linh, cộng đồng, đồng tiến, nào là lý tưởng quốc gia, bảo vệ tự do, v.v... và v.v... Sách vở vu khống bôi nhọ chủ nghĩa cộng sản và chế độ xã hội chủ nghĩa in ra từng đồng và cho không hồng lửa mị nhân dân, đánh lộn trắng đen, biến chính nghĩa thành phi nghĩa và ngược lại. Bằng những thủ đoạn ấy, bọn cướp nước và bán nước mong che đậy bộ mặt vô nhân đạo của chúng trong âm mưu tổ cộng, diệt cộng, chống lật đổ, thật ra là nhằm tiêu diệt những người yêu nước,

những người kháng chiến cũ ở miền Nam, những người chống lại chủ nghĩa thực dân mới, chính sách xâm lược của Mỹ và những chế độ độc tài kế tiếp nhau của bù nhìn tay sai.

Một bọn bồi bút đồng đảo được nuôi dưỡng lập hợp trong bộ máy tâm lý chiến, thông tin, tuyên truyền, chiêu hồi, chuyên môn xuyên tạc Cách mạng tháng Tám, kháng chiến chống Pháp và sự nghiệp vĩ đại chống Mỹ, cứu nước của toàn dân hiện nay. Chúng truyền đi ra rả những luận điệu phản động dối trá, những bản tin láo khoét qua một loạt đài phát thanh và đài truyền hình : đài Sài-gòn, Quân đội, Tự do, Gương thiêng ái quốc, Tiếng nói Hoa-kỳ. Chúng treo giải thưởng, cho in bừa bãi những tác phẩm văn nghệ chống cộng một cách trơ trẽn, quá khích của những Kỳ Văn Nguyên, Võ Phiến, Chu Tử, Đoàn Quốc Sỹ, Nguyễn Mạnh Côn...

Đi đôi với văn nghệ chống cộng hỗ trợ cho những chiến dịch tổ cộng diệt cộng đầm máu, chính quyền tay sai còn khai thác rộng rãi một khía cạnh khác của văn nghệ tâm lý chiến là văn nghệ bán nước, phản bội, đề cao tăng bốc chủ Mỹ, ca ngợi cái gọi là tinh thần vô tư, vô vị lợi, hào hiệp, tinh thần nhân đạo cao cả của Hoa-kỳ đem vũ khí và tiền bạc giúp nhân dân Việt-nam bảo vệ tự do chủ quyền, v.v... Đó là những bài thơ, bài văn ca tụng tình hữu nghị Việt-Mỹ, những cuộc tình duyên Việt-Mỹ, hay thương vay khóc mướn những tên giặc Mỹ bỏ xác trên chiến trường, ca ngợi những tên cơ vãn chuyên viên trong các đoàn từ thiện, y tế, « đội quân hòa bình » Mỹ là « ân nhân » của dân Việt-nam, đề cao sức mạnh, sự phồn vinh của Hoa-kỳ, v.v...

Từ giữa năm 1965, sau khi đế quốc Mỹ lộ rõ bộ mặt xâm lược tàn bạo và bọn tay sai phơi bày bộ mặt bán nước bỉ ổi của chúng, văn nghệ tâm lý chiến không còn nệu ra được một chiêu bài nào gọi là sạch sẽ một chút đề đề cao nữa mà chỉ tập trung cố gắng đề biện hộ cho hành động cướp nước và bán nước mà thôi. Bọn bồi bút đi bút lúc này cố giải thích rằng lính Mỹ vào miền Nam là để cứu nhân dân miền Nam khỏi bị cộng sản xâm lược và thống trị, rằng bom đạn Mỹ chỉ giết Việt cộng, chỉ hủy diệt những vùng của Việt cộng, v.v... Tình vi xảo quyết hơn nữa, văn nghệ bán nước và phản bội tìm cách chia rẽ miền Nam với miền Bắc, xuyên tạc sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, xuyên tạc việc cả hai miền kề vai sát cánh chống Mỹ diệt ngụy.

Văn nghệ tâm lý chiến còn nhằm trấn an tinh thần bọn tay sai trước những thất bại quân sự và chính trị ngày càng nặng nề dồn

dập, bằng cách tô son trát phấn cho nguy quyền nguy quân, gây ra lạc quan giả tạo trong hàng ngũ lính nguy qua hình ảnh những thắng lợi bịa đặt của chúng và những thất bại tưởng tượng của các lực lượng cách mạng, còn bọn nguy quyền thì được đề cao qua các trò hề bầu cử gian lận được quảng cáo rùm beng, làm như bù nhìn tay sai cũng có chủ quyền, cũng biết chú trọng đến dân chủ, luật pháp, hiến pháp.

Một loạt tác phẩm tâm lý chiến dày cộm và rẻ tiền được tung ra bừa bãi nhằm đề cao và thi vị hóa đời cầm súng đánh thuê, dựng nên những huyền thoại, những thần tượng về người «chiến sĩ cộng hòa», tiêu biểu nhất là trong những tác phẩm của Văn Quang. Đề quyền rũ mời mọc lớp thanh niên mới lớn lên chưa biết thực tế xấu xa nhục nhã của đời lính đánh thuê, những tiểu thuyết này trang trí cao ngạo cái vẻ yêng hùng, anh chị của bọn biệt kích, lính dù, gọi chúng là những «thiên thần mũ đỏ», những «tráng sĩ rắn rì», «chiến đấu rất hăng, chém giết không biết gờm tay, sẵn sàng lao tới hứng đạn kẻ thù, coi như một chuyện ân tình con con hay một trò đùa» (*Người yêu của lính*). Sau những mô tả khoác lác giả dối về cảnh đi trận mang tính chất yêng hùng man rợ ấy, là những buổi về thành phố lao vào cuộc truy hoan, với những lời níu non tơ trên «em, gái hậu phương, anh, trai tiền tuyến», trong cái không khí thanh bình giả tạo của cảnh bọn sĩ quan nguy vui đầu ăn chơi trong nhạc Mỹ, rượu Mỹ, với những ca sĩ, ca-ve (gái nhảy), gái điếm và những hội viên của cái gọi là «hội người yêu của lính»: những con gái gia đình khá giả, biết lái ô-tô, nhảy đầm, mê nhạc kích động, thường xuyên lui tới các phòng trà, sòng bạc, tiệm ăn sang trọng ở Sài-gòn, Chợ-lớn, những đàn bà mà lý tưởng sống không vượt quá những kiểu áo hở hang, những mỹ phẩm đắt tiền, những cuộc trác táng thâu đêm trong ánh đèn màu và điệu nhạc dâm dặt. Nói tóm lại, tiền, gái, rượu, đó là sức hấp dẫn chính của đời sống bọn đánh thuê chém mướn mệnh danh là chiến sĩ và sĩ quan cộng hòa.

Một khía cạnh lừa bịp khác của âm mưu dùng văn nghệ phục vụ chiến tranh tâm lý, đó là «văn nghệ tình thương» chứa đựng những văn điệu lãng mạn, ủy mị nhằm reo rắc trong quần chúng tâm lý sợ bom đạn, sợ đấu tranh gian khổ, tuyên truyền tư tưởng cầu an, cầu hòa tiêu cực, bằng bất cứ giá nào; mặt khác loại văn nghệ này tung ra những luận điệu mập mờ xảo quyệt che đậy bộ mặt cướp nước và bán nước của Mỹ — nguy, làm lẫn lộn phi

nghĩa và chính nghĩa, kẻ xâm lược và người bị xâm lược. Bọn bồi bút cầm đầu là Phạm Duy giả vờ khóc chiến tranh, nguyên rủa chiến tranh, cổ vũ văn nghệ phản chiến, kêu gọi hòa bình chung chung (thật ra là hòa bình nô lệ kiểu Mỹ) và đồ ngơ cho miền Bắc là hiếu chiến, là thủ phạm gây ra chiến tranh. Bọn chúng cũng xảo trá hồ hào nên đem tình thương xóa hận thù và tự nguyện không phục vụ một chủ nghĩa nào («không theo quốc gia mà cũng chẳng theo Việt cộng»), chỉ phục vụ cho làm than, đau khổ, cho nguyện vọng bác ái, hòa bình của con người; chúng kêu to rằng nguyên nhân của đau khổ, chiến tranh là cuồng tín, là hận thù ở phía Việt cộng. Đó là nội dung của *Tám ca* của Phạm Duy được bọn tâm lý chiến đưa ra Cồn-tiên hát sang cho bên bờ bắc sông Bến Hải nghe; đó là sách báo của Hồ Hữu Tường chứng minh rằng «ngươn (kỷ nguyên) thanh bình» đã ra đời thay thế cho «ngươn đấu tranh», mà bản tính đấu tranh, theo Tường, là thủ tính. Cái «tình thương» mà Tường muốn đem thay vào đấu tranh đã biểu hiện qua việc Tường tự xưng là ông ngoại của hàng vạn đứa con rơi lai Mỹ do bọn lính viễn chinh để lại trên miền Nam, và trang trí vô sỉ kêu gọi những «ông nội, bà nội Mỹ» mỗi người hãy cho một đô-la để Tường lấy đó chi phí vào việc chăm sóc những đứa con rơi ấy (*Thư trang giang gởi Steinbeck*, 1966). Rõ ràng là văn nghệ tình thương đã ra đời hòa nhịp với những lời tuyên bố hòa bình bịp bợm của Johnson.

Bên cạnh văn nghệ phản động bán nước do các cơ quan tâm lý chiến Mỹ — nguy trực tiếp chỉ huy và phổ biến, có loại văn nghệ đồi trụy cũng được chúng dung túng khuyến khích rộng rãi trong các lãnh vực báo chí, thơ ca, tiểu thuyết, vũ, nhạc, kịch, là những liều thuốc độc, những điều thuốc phiện rất nguy hiểm. Văn nghệ đồi trụy là một mê hồn trận đưa con người thoát ly khỏi thực trạng xã hội để đi vào lãng quên và ảo tưởng.

Trước hết là những ảo ảnh của lãng mạn diễm tình. Thơ ca thì đầy rẫy những «uề oải, an nhàn, trụy lạc, đau khổ, buồn lầy của tâm hồn, gai góc của tuyệt vọng, một ít sức nóng của hơi thở người yêu và rất nhiều mơ mộng của cuộc sống bất lực». Đó là lời một nhà phê bình đánh giá thơ ca. Âm nhạc thì hoàn toàn thiếu khí thế cương nghị hùng tráng mà chỉ rất những bài, những điệu bi ai sầu thảm u hoài, kêu rên, ủy mị, ướt át, say đắm, nói lên những tâm tình yếu đuối, vẩn vơ, bệnh hoạn, bế tắc, từ những bài tình ca cũ rích phổ biến trong vùng tạm bị chiếm của thời kháng chiến I

cho đến những nhạc phẩm lãng mạn «tân thời» nhưng không kém phần nhạt nhẽo ủy mị, ca ngợi những mối tình vụn vặt, nhằm nhĩ phục vụ đặc lực cho phòng trà, tiệm nhẩy, ký tên Y Vân, Phạm Duy, Phạm Mạnh Cương, Nguyễn Văn Đông... được truyền đi ra rả suốt ngày suốt tháng qua các đài phát thanh ngụy. Kịch nói và sân khấu cải lương cũng nhai đi nhai lại những truyện ái tình ngang trái, dang dở, dở dở, hay gay cấn, đắm đuối làm lý ly bị đất xoay quanh đề tài đời là bể khổ, tình là dây oan, con người bất lực và luôn đau khổ trong cuộc mưu cầu hạnh phúc.

Báo chí hàng ngày trên trang 2, trang 3 và một loạt tạp chí nhằm nhĩ hạ cấp loại *Văn nghệ tiền phong* cũng đăng nhan nhản những «truyện dài xã hội», «truyện dài tình cảm» khai thác những chủ đề tình ái rẻ tiền, lãng mạn vu vơ, «không đau mà rên».

Nguy hiểm hơn nữa, văn nghệ đồi trụy không những chỉ đưa con người thoát ly thực tế để lạc vào những ảo mộng của lãng mạn tiêu cực, yếu đuối nhằm nhĩ, nó còn đi xa hơn nữa trên con đường đầu độc tình cảm và tinh thần người đọc. Nó lấy cớ tả thực và mượn màu hiện sinh để trình bày một nhân sinh quan vô luân lý, hoàn toàn trái ngược với những giá trị đạo đức cổ truyền, nó khuyến khích dâm ô, cổ vũ tội lỗi, đề cao vật chất, đồng tiền và bạo động.

Văn nghệ hiện sinh là triệu lưu rầm rộ nhất đang tác oai tác quái trong cái thế giới «văn nghệ hôm nay» của Sài-gòn. Nó cố gắng minh họa cụ thể những quan niệm phản động và bi quan của chủ nghĩa hiện sinh đã một thời chi phối đời sống tinh thần các xã hội phương Tây sau chiến tranh thế giới lần thứ 2. Nó muốn làm cho người ta tin rằng thế giới và cuộc đời là phi lý, không có nguồn gốc, cơ sở, qui luật; con người khó mà tìm thấy trong cuộc sống một ý nghĩa, một cứu cánh hay một ánh sáng nào. Thế giới và cuộc đời đã phi lý thì con người có quyền hành động không cần mục đích, lý lẽ, không cần đạo đức nhân phẩm nữa. Lễ sống của con người là ở những hành vi phá phách, nổi loạn, con người sẵn sàng làm bất cứ gì để thỏa mãn những ham muốn xấu xa phi lý nhất của mình, bởi vì cuộc sống đối với họ chẳng có gì gọi là tình nghĩa cao cả, chẳng có gì là cứu cánh, là chân trời. Sống theo phong cách hiện sinh chủ nghĩa là sống vô trách nhiệm, không lý tưởng, sống gấp, sống vội, thả mình cho mọi ham muốn xấu xa hoặc thờ ơ lạnh nhạt đối với mọi sự ở đời. Đó là nội dung tư tưởng chủ yếu của những

tác phẩm của Lê Xuyên, Thanh Nam, Chu Tử, Văn Quang, Nguyễn Thị Hoàng...

Tiêu biểu cho khuynh hướng đồi trụy nhất của văn nghệ hiện sinh, Văn Quang đã sản xuất một loạt tiểu thuyết ái tình lãng mạn hạ cấp đầy cộm, in bìa opset lờ lợt và kêu gọi, với những nhan đề giật gân như: «Nét môi cuồng vọng», «Những bước đi hoang», «Đường về bến mê»... khi thì tô hồng cuộc đời, vẽ nên những cảnh vàng son giả tạo, khi thì bi đát hóa tình yêu và lòng nó vào trong những cảnh trụy lạc sa đọa nhầy nhụa, nhưng ý đồ chính của tác giả là luôn luôn khai thác triệt để những thủ tính bản năng của con người, đề cao những hưởng thụ của nhục dục, nâng nó lên thành một thứ triết lý sống khuyến khích con người hãy sống buông thả tùy tiện theo sở thích: «Buồn thì đi nhẩy, đói thì đi ăn, thêm ái tình thì đi làm ái tình», nó thúc dục con người sống gấp, hưởng thụ gấp, chối bỏ tất cả trách nhiệm của mình trước đồng bào đồng loại, nó đề cao chủ nghĩa xác thịt, đề cao uy lực của đồng tiền: vì hai thứ này con người có thể nhuộm đen lương tâm để làm những việc hèn hạ nhất.

Văn Quang cũng như các tác giả hiện sinh khác đã khôn khéo làm thỏa mãn thị hiếu người đọc bằng mảnh khóc chiều chuộng vuốt ve, đánh vào tâm lý họ, bằng cách dẫn dắt câu chuyện đi ven rìa vực thẳm để cuối cùng đi đến chỗ sa đọa. Nhân vật Liễu trong *Người yêu của linh* của Văn Quang là một người đàn bà «tươi mắt rực rỡ kêu gọi vô cùng», với những hành động và ý nghĩ rất «đằm», một con người vừa sợ sa ngã vừa thích sa ngã, một hiện thân của thèm muốn và của dâm dăng, một hình ảnh chớp nháy của những tài tử Hollywood, bước hết sa ngã này sang sa ngã khác, vừa sống dâm dật cuồng loạn vừa tâm niệm «thà một phút huy hoàng rồi chợt tắt...». Lối hành văn của tác giả khi thì kêu gọi bóng bầy khi thì trắng trợn tào bạo xen vào đó là những câu triết lý tâm lý rẻ tiền kiểu: «Đời đã thế thì ta phải thế».

Qua tác phẩm hiện sinh, xã hội chỉ là một vòm trời dục vọng, một thế giới thác loạn trong đó đồng tiền và xác thịt là hai thần tượng được tuyệt đối tôn thờ, người đàn bà trở thành một món hàng, một trò chơi. Cái lệ dụ dăng kín đáo nhuần nhĩ là bản sắc của phụ nữ Việt-nam đã mất hết, chỉ còn lại những nhân vật phụ nữ kịch cớm, liều lĩnh, thô lỗ, lỗ bịch. Cái mà nhà văn hiện sinh gọi là phương pháp tả thực chỉ là một lối văn tự nhiên chủ nghĩa, phơi bày một cách trắng trợn những cái mà từ xưa đến nay, từ Đông

sang Tây, ai cũng chọn lời tao nhã khi đề cập đến nó. Nấp dưới những lập luận vô trách nhiệm và phản động như « văn chương không phải là chính trị », « văn chương không phải là đạo đức », tác giả hiện sinh mô tả những cảnh truy lạc dâm ô, những mối tình bất chính, loạn luân, những cảnh giết người ghê rợn, những hành động đều đặn và thú vật của bọn lính Mỹ, v.v... mà không hề lên án những cái đó, họ chỉ phản ánh một cách bàng quan, như đồng tình trước những hành động đã trở thành nếp sống tự nhiên của xã hội thành thị lúc nhúc lính viễn chinh và đủ mọi hạng người sa đọa. Họ không hề cảm thấy có trách nhiệm tìm ra nguồn gốc, nguyên nhân của vấn đề và phải tố cáo cái xã hội thối nát tội lỗi ấy. Như vậy là vô tình hay cố ý họ đã lấy cớ tả thực, mượn màu hiện sinh bản thủ và đều đặn để gieo rắc trong tâm hồn người đọc, tâm hồn thanh thiếu niên, một nhân sinh quan chán chường, tuyệt vọng, một lối sống vô luân đồi trụy dựa trên thế lực đen tối của đồng tiền, sự lộng hành của bạo lực và sự kích thích bản năng nhục dục thú tính.

Trắng trợn, đều giả hơn cả trong đám văn nghệ sĩ đồi trụy ở Sài-gòn chắc chắn là Chu Tử, một tên bồi bút tâm lý chiến lợi hại mà cũng là tác giả của những tiểu thuyết dâm ô đã từng được một thời bán chạy nhất ở miền Nam: *Yêu, Sống, Ghen, Loạn, Tiền!*... trong đó Chu Tử công khai ca ngợi lòng ích kỷ, tham lam vị lợi, sự gian dối, lừa đảo, cái gọi là « bản chất tội lỗi » của con người mà Chu Tử cho là khía cạnh hấp dẫn nhất của cuộc đời. Chu Tử đã không ngần ngại viết ra những lời đều đặn như: « Cho nên bi đát là cái lẽ sống ở đời. Đời không có bi đát, không có bờ ngõ bất ngờ thì đời không còn là đời nữa... Tiền sư lũ đàn ông hèn nhát, tiền sư bọn đàn bà đứng đắn lương thiện, tiền sư tất cả, tiền sư anh, tiền sư tôi... Sống ở đời ai mà không sát nhân, ai mà không mắc bẫy? » (*Yêu*)

Bên cạnh những nhà văn đã nêu gương xấu từ nhiều năm nay như thế, mới đây trên văn đàn lại xuất hiện những nhà văn « đột sòng mới », trên dưới 30 tuổi, những « cây bút phụ nữ »: Nguyễn Thị Hoàng, Thụy Vũ, Túy Hồng, Trùng Dương. Họ cũng dùng lối văn tự nhiên chủ nghĩa để phân tích những cảm xúc của cô giáo yêu học trò, của thiếu nữ, phụ nữ theo trai, ngoại tình, làm đi, lấy Mỹ; họ cũng đua nhau mô tả một cách tỉ mỉ và táo bạo đến trắng trợn cuộc sống dâm ô sa đọa, bất chấp qui tắc đạo đức xã hội, không cần biết công luận ra sao. Tác giả là phụ nữ, nhân vật trong truyện là phụ nữ, nhiều nhân vật

lại tự thuật ở ngôi thứ nhất làm cho truyện càng có sức hấp dẫn kêu gọi rất tai hại đối với lứa trẻ không được phòng bị. Nguy hiểm hơn cả là các nhà văn trẻ này cũng bắt chước những đàn anh đời truy nguy trang cho những hành động xấu xa vô luân mà họ mô tả bằng thứ triết lý hiện sinh rẻ tiền, như Nguyễn Thị Hoàng, trong « *Vòng tay học trò* », quyền tiểu thuyết mô tả những bản khoán ray rứt của « mối tình » giữa cô giáo đã lớn tuổi với cậu học trò còn ở tuổi thiếu niên, đã trình bày một nhân sinh quan kiểu Francoise Sagan khẳng định rằng ở đời không có điều gì là thiện là ác, không có gì là tốt là xấu cả, cuộc sống chẳng có gì là quan trọng, chỉ có phớt và phớt tất cả: « Làm sao biết ai nghĩa lý và giá trị hơn ai, ai cũng chỉ là con cá tuyệt vọng trong tấm lưới đời khe khắt. Họ đánh liều tất cả đời mình vào một canh bạc lớn » nghĩa là dấn thân vào con đường sa ngã, lấy sự thỏa mãn bản năng làm lẽ sống.

Các nhà văn trẻ đua nhau sản xuất ngày càng nhiều những tác phẩm trình bày rất một kiểu nhân sinh quan bi quan tuyệt vọng chán chường: cuộc sống ngày nay đi đâu cũng gặp đồ vỡ hoang tàn, điên cuồng hỗn loạn, đầu đầu trên thế giới, ở quê hương, trong xã hội, ta chỉ gặp những tranh giành xâu xé vì những lý do mơ hồ, kết cuộc lại người thì mất vợ, kẻ mất con, người thì linh hồn lạc lõng, kẻ phải giết người vô cớ. Hầu như công lý, hòa bình, tin tưởng đều vắng mặt hẳn ở trần gian. Đời là phi lý, quê hương Tổ quốc chỉ là quán trọ, con người chỉ là những hải đảo cô đơn.

Đối với số thanh niên lớn lên trong xã hội thành thị bị mê hoặc đầu độc bởi văn hóa ngoại lai đang ồ ạt xâm nhập miền Nam, loại văn nghệ đồi trụy đem màu hiện sinh là những liều thuốc độc làm tiêu ma nghị lực chí khí của họ, thúc đẩy sự sa ngã của họ là lứa tuổi dễ chạy theo những thị hiếu thấp hèn vì đã không tiếp nhận được một nền giáo dục lành mạnh, chưa tìm ra cho mình một hướng đi, một lý tưởng sống và đang hoang mang trước những biến động lớn lao của đất nước.

Một khuynh hướng khác mang tính chất bệnh hoạn và cũng có tác dụng đầu độc tinh thần thanh thiếu niên đó là khuynh hướng siêu hình, bí hiểm, thần bí trong văn nghệ và tác phẩm biên khảo, mà tiêu biểu là những sách báo của Hồ Hữu Tường, Phạm Công Thiện. Đó là thứ văn chương đầy dẫy những danh từ to lớn, khó hiểu với một nội dung mù mịt lảm nhảm nói về hồ thẳm của tư tưởng, uyên tư, Minh Đạo, hòa đồng, trời đầu xuất, hội long hoa v.v... Đó là những thứ triết

học duy tâm phản động những lập luận lộn xộn tối tăm, những luận cứ tuyên truyền khéo léo cho tôn giáo, mê tín dị đoan, số mạng, sấm ký, chủ nghĩa tiền định, v.v... Ý đồ của loại văn học triết học siêu hình thần bí này rõ ràng cũng là nhằm lôi kéo người đọc thoát ly khỏi thực tế làm thân xã hội và thực tế đấu tranh cách mạng để lạc vào những ảo ảnh ru ngủ của tư tưởng mê hoặc.

Văn hóa đồi trụy của thế giới tự do được nhập khẩu bừa bãi; nếp sống Mỹ và ý thức Mỹ được đề cao.

Văn hóa đồi trụy có sẵn trong nước được văn nghệ đồi trụy du nhập từ nước ngoài, chủ yếu là từ Mỹ, tiếp sức và phát huy tác dụng đầu độc tinh thần của quần chúng nhân dân Nam Việt-nam.

Kể từ sau 1954 và nhất là từ giữa 1965 thị trường văn hóa văn nghệ bị tràn ngập bởi làn sóng nhập khẩu ồ ạt của sách báo, phim ảnh, nhạc vũ của Mỹ, cùng với ảnh hưởng lối sống Mỹ của hàng chục vạn lính viễn chinh.

Hai chủ đề phổ biến của văn hóa Mỹ và thế giới tự do là bạo động và nhục dục, được khai thác ở mức độ cao nhất mà văn hóa đồi trụy trong nước không theo đuổi kịp — có lẽ trừ ra lãnh vực văn chương. Phim ảnh là sản phẩm rẻ tiền nhất mà cũng là tiêu biểu nhất trong những căn bã của văn hóa đồi trụy: phim Mỹ, phim Đài-loan, Nhật-bản, Phi-luật-tân chiếu hơn 90% trong các rạp chiếu bóng và đài truyền hình, phổ trương trên màn ảnh sự kết hợp tập trung của bạo động và của nhục dục. Nào là phim chiến tranh, phim cao bồi, kẻ cướp, trinh thám, gián điệp, phim kiếm hiệp phiêu lưu, phim ái tình trình bày nhan nhản những truyện sông bạc, hộp đêm, chuyện gái đẹp lừa lỏ, chuyện ngoại tình dâm loạn, chuyện cướp giết giết người, những pha đuổi bắt bằng ô-tô, ám sát, đâm chém, nổ súng. Đó là những «Điệp viên muôn mặt, Giai nhân căng bẫy gián điệp, Tranh hùng tại Beyrouth, Ám mạng tại Chicago, Hiệp sĩ mù đại chiến trừ gian»... tạo nên bầu khí bạo động cuồng loạn, kích thích bản năng hiếu sát và dâm ô, đánh vào thị hiếu của thanh thiếu niên, rất phù hợp với âm mưu của Mỹ ngay là đề cao bạo động, nuôi dưỡng chiến tranh và kéo dài chiến tranh, khuyến khích đồi phong bại tục.

Nhạc và vũ thi chủ yếu những bài ca gào thét găm rú, những nhịp điệu ồn ào, hỗn loạn quái gở man rợ gọi là nhạc giết gán, nhạc kích động, nhạc Jazz, nhạc Twist, những điệu múa lố bịch kịch cỡm Mambo, Yanbo,

Tcha-cha-cha, Houlahop, Rock and roll, Taboo-taboo, múa thoát y, múa lửa thê, đều là nhạc vũ khiêu dâm, khuyến khích bản năng mạnh động, kêu gọi cổ vũ nếp sống cuồng ngồng thác loạn bắt đầu từ phòng trà tiệm nhảy hộp đêm để rồi lan tràn ra ngoài xã hội.

Sách báo dâm ô đồi trụy của Mỹ và chư hầu cũng tràn ngập từ tiệm sách đến vỉa hè: nào là tạp chí chuyên đăng ảnh lửa thê như loại Play-boy mà những người tiêu thụ gọi là sách báo «chịu chơi», nào là tiểu thuyết phiêu lưu mạo hiểm trình thám gián điệp ma quái rừng rợn, tiểu thuyết dâm ô tả thực tự nhiên chủ nghĩa của Mỹ, Nhật. Chiếm kỷ lục về ấn hành và phổ biến là truyện kiếm hiệp kỳ tình, nhất là truyện chưởng của Đài-loan: đó là những cô gái Đồ long, Kiếm cốt u hồn, Lệnh xé xác, có đến hàng trăm truyện mà truyện nào cũng có những trận đấu kiếm, đấu chưởng rợn tóc gáy, những cảnh nàng tỏa ra một đạo hào quang, chàng tung mình phi thân lên mây xanh, những hào kiệt xóc bàn tay dùng môn võ đặc biệt làm địch thủ lặn đùng, những sư hổ mang với những pha bắt cóc, yêu đương gây cấn. Tất cả loại văn chương rẻ tiền này đều đưa con người thoát ly vào cõi huyền hoặc của trí tưởng tượng bệnh hoạn phóng túng.

Cùng với loại văn nghệ cao bồi, găngxtơ, khiêu dâm, huyền hoặc được lưu hành bừa bãi tràn ngập phố phường, nguy quyền cũng cho tổ chức những cuộc gặp gỡ để uống rượu và nhảy nhót gọi là surprise-party, và những đại hội sexy nghĩa là những đại hội trai gái với cái nghĩa dĩ thõa của chữ ấy. Sự phổ biến các sản phẩm văn nghệ rác rưởi căn bã và nếp sinh hoạt đồi trụy đã đưa đến hậu quả trực tiếp là nạn cao bồi, du dương, đàng điếm. Noi gương những cao bồi, găngxtơ, những vamp, pin-up trong phim trong truyện, thanh thiếu niên học đòi thích những kiểu ăn mặc hở hang, những cách đi đứng đủ dõn ưỡn ẹo. Mức sa đọa ngày càng tăng, dẫn đến việc cướp của ban ngày, giết nhau vì tình, học trò bỏ học đi ăn hút nháy nhót, con gái bỏ nhà theo trai, trẻ con phạm tội, thanh thiếu niên chia phe đánh nhau náo động cả khu phố. Sự công phá của văn hóa đồi trụy sẽ đạt được mục đích của nó khi lớp người hư hỏng sa đọa đó cảm thấy không còn có lối thoát nào khác ngoài con đường mà Mỹ—ngụy đã vạch sẵn cho họ: trai thì đi lính, trở thành tinh bảo, biệt kích ác ôn, gái thì vào lầu xanh, snack-bar, để chiêu đãi bọn lính viễn chinh.

Ngoài những thủ đoạn đầu độc trực tiếp bằng văn hóa đồi trụy, Mỹ còn dùng cả một loạt thủ đoạn tinh vi để mua chuộc ve vãn

phình phờ một số người Việt, tạo nên tâm lý sợ Mỹ, thích Mỹ, phục Mỹ.

Bằng mọi phương tiện, Mỹ cố gắng tuyên truyền quảng cáo cho lối sống Mỹ, cho ý thức hệ Mỹ. Những phong trào du học, tham quan, tu nghiệp ở Mỹ, phong trào học tiếng Mỹ, làm sở Mỹ, phong trào từ thiện, cứu trợ, truyền giáo do Mỹ bảo trợ, phong trào thanh niên Mỹ «tình nguyện» hoạt động xã hội, phục vụ hòa bình (đội quân Hòa bình Kennedy, International Voluntary Service IVS v.v...) tạo cơ hội cho một số người Việt ngày càng đông giao thiệp tiếp xúc với Mỹ, làm quen với nếp sống Mỹ, sống gần bó với Mỹ, phục vụ cho Mỹ, tin tưởng ở Mỹ. Về mặt ý thức hệ, mọi học thuyết, chủ nghĩa lưu hành ở Mỹ đều được quảng cáo, đề cao và phổ biến ở Nam Việt-nam: từ chủ nghĩa tư bản, tự do kinh doanh, chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa vật chất cực đoan, đến chủ nghĩa phục tùng xã hội, chủ nghĩa cá nhân, đều là những chủ nghĩa phản động đi ngược lại tính cách dân tộc Việt-nam, trái với những truyền thống đạo đức và tinh thần của Việt-nam, làm cho người Việt mất gốc rễ, mất bản sắc của mình.

Trong khi các cơ quan tình báo dân sự, quân sự CIA, DIA khống chế đời sống chính trị thì Liên cơ quan Công cộng sự vụ Mỹ JUSPAO (Joint U.S. Public Affairs Office) là cơ quan tâm lý chiến chớp bu chi phối chặt chẽ

SỰ PHẢN ỨNG CỦA NHÂN DÂN THÀNH THỊ MIỀN NAM TRƯỚC NHỮNG SỨC ÉP CỦA CHỦ NGHĨA THỰC DÂN MỚI HOA-KỲ

Sau 14 năm hoành hành trên đất nước miền Nam, chủ nghĩa thực dân mới Hoa-kỳ, với những âm mưu và thủ đoạn đen tối thâm hiểm như đã nói trên, đã không đạt được mục đích của nó. Nhân dân thành thị ngày càng thấy rõ những ý đồ ác độc của Mỹ và đã phản ứng mãnh liệt. Đó là nguyên nhân bầu khí đấu tranh sôi sục và liên tục chống Mỹ—ngụy, chủ yếu là từ 1963 đến nay. Bất chấp đe dọa, mua chuộc, đàn áp khủng bố, nhiều cuộc hội thảo, đình công, bãi chợ, bãi khóa, bãi thị, ly khai, mít-tinh, biểu tình, đốt phá, tuyệt thực, tự thiêu, đấu tranh đòi hòa bình, đòi đánh đổ Thiệu—Kỳ, đòi Mỹ chấm dứt can thiệp và xâm phạm chủ quyền dân tộc của Việt-nam. Đó là những hoạt động tích cực và đấu tranh sôi nổi trên mặt trận chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa của các phong trào hòa bình, phong trào dân tộc tự quyết, Ủy ban kinh tế tự chủ, Lực lượng bảo vệ tinh thần thanh thiếu nhi, Hội bảo vệ nhân phẩm và quyền lợi phụ nữ, Lực lượng bảo vệ văn hóa dân tộc, Liên minh các lực lượng dân tộc dân chủ và hòa bình

đời sống xã hội văn hóa và hoạt động của những người Việt thân Mỹ và những người Việt chống Mỹ có ít nhiều tiếng tăm trong xã hội thành thị. JUSPAO chọn người đưa đi du học tu nghiệp ở Mỹ, hay đưa vào làm sở Mỹ, chọn chuyên viên cổ văn cài vào mọi cơ quan văn hóa giáo dục của ngụy quân ngụy quyền, JUSPAO tổ chức mọi hoạt động của các phòng thông tin, trung tâm văn hóa, đài truyền thanh và truyền hình Mỹ ở Nam Việt-nam là những cơ quan chuyên phổ bày phổ biến những lập luận, hình ảnh về những cái gọi là sự vĩ đại của Mỹ, sức mạnh vạn năng, sự phồn vinh vô tận, lý tưởng tự do dân chủ hữu nghị hòa bình kiểu Mỹ, v.v...

Qua những phương tiện tuyên truyền qui mô, dồi dào về số lượng bằng sách báo phim ảnh, triển lãm, diễn thuyết... cũng như qua sự tiếp xúc giao du, Mỹ cố gắng đào tạo nên một hạng người Việt mất gốc, sống xa rời dân tộc mình và hững hờ với văn hóa, với truyền thống Việt-nam, thích nói tiếng Mỹ, chơi với Mỹ, làm việc cho Mỹ, ham chuộng văn hóa và lối sống Mỹ dựa trên cạnh tranh, hưởng thụ vật chất, tiện nghi, xa hoa, dựa trên sự đề cao sức mạnh, đề cao đồng tiền. Đó là những trí thức có bằng cấp Mỹ, những nhà tư sản mại bản buôn bán với Mỹ, cộng tác với Mỹ, gần liền quyền lợi và địa vị của mình với sự có mặt của Mỹ và ước mơ sự có mặt đó kéo dài mãi mãi.

Việt-nam, v. v... là những phong trào ngày càng khoét sâu mâu thuẫn giữa Mỹ—ngụy và nhân dân, nêu cao tinh thần bất khuất anh dũng của những người yêu nước và có tinh thần dân tộc, nung nấu ý chí căm thù đối với bọn cướp nước và bán nước.

Những phong trào đấu tranh đó đã đưa đến cao trào tổng tấn công và nổi dậy của các lực lượng yêu nước và cách mạng tại các thành thị miền Nam vào đầu xuân 1968 và nay còn tiếp diễn. Các tầng lớp thanh niên, sinh viên, học sinh, trí thức, văn nghệ sĩ, công nhân, tiểu thương, tín đồ Phật giáo... đã biến thành thị thành một mặt trận chính trị, một chiến trường tiềm tàng thuận lợi cho sự bùng nổ của phong trào đấu tranh vũ trang ngay ở những cơ quan đầu não, những căn cứ an toàn cuối cùng của Mỹ—ngụy.

Phải chăng đó là những dấu hiệu về sự thất bại tất yếu của chủ nghĩa thực dân mới ở Nam Việt-nam trong một ngày gần đây?

Tháng 12-1968

CÔNG NHÂN MIỀN NAM TRÊN TUYẾN ĐÀU CHỐNG MỸ

CAO VĂN LƯỢNG

Đã từ lâu, nhất là trong những năm gần đây, đô thị và các đồn điền ở miền Nam Việt-nam không còn là hậu phương an toàn của bọn cướp nước và bán nước. Ở đó, đang dấy lên cơn bão táp cách mạng, liên tiếp giáng vào đầu đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai những đòn sấm sét. Ở đó, "đang và sẽ biến thành tuyến lửa tiêu diệt giặc Mỹ, đập đổ ngụy quyền, mà công nhân sẽ là những chiến sĩ kiên cường (2).

Chẳng phải chỉ trong những ngày bão táp cách mạng mà cả trong những "ngày đen tối" của cách mạng, giai cấp công nhân miền Nam

vẫn giữ vững và phát huy truyền thống anh hùng của giai cấp của dân tộc, liên tục tấn công địch.

Lịch sử của giai cấp công nhân miền Nam trong 15 năm qua là lịch sử đấu tranh bất khuất chống đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai. Vì vậy, khi nghiên cứu phong trào đấu tranh của nhân dân các đô thị miền Nam, chúng ta không thể không đề cập đến phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân, lực lượng tiền phong và là đòn bẩy của mọi phong trào yêu nước ở đô thị miền Nam.

I. CÔNG NHÂN MIỀN NAM TRONG NHỮNG NĂM 1954 — 1960

1. Sơ lược về số lượng công nhân miền nam ().

Theo ước lượng của "Bộ lao động" miền Nam thì số lượng thợ thuyền miền Nam có khoảng chừng trên một triệu, bao gồm các ngành thương mại, chuyên chở, mỹ nghệ, tiểu thủ công, kiến trúc công ích, hầm mỏ, đồn điền:

Thương mại:	206.200
Chuyên chở:	145.320
Kỹ nghệ và tiểu thủ công:	123.600
Kiến trúc công ích:	50.000
Dịch vụ:	34.780
Nước điện:	2.580
Hầm mỏ:	1.026
Đồn điền:	56.480
Sự nghiệp:	121.000

Riêng trong công nghiệp, số lượng công nhân chuyên nghiệp có khoảng 32.693 (3).

Tuy số lượng không nhiều, nhưng hầu hết công nhân lại tập trung ở những trung tâm chính trị, kinh tế, quân sự của địch. Những

đồn điền cao-su, những cơ sở giao thông điện lực, các thị trấn lớn, các cơ sở quân lực, hậu cần, các xí nghiệp, công ty tư bản nước ngoài... đều là những nơi tập trung công nhân. (Ở các đồn điền cao-su: 56.480; ở các cơ sở công quân: 10.173; ở các cơ quan quân lực hậu cần: 15.240; ở thành phố Sài-gòn: 123.800...). Trong số các xí nghiệp hiện có ở miền Nam, có khoảng 16 xí nghiệp, mỗi xí nghiệp sử dụng trên 400 công nhân. Riêng công ty dệt Vi-na-tếch-cô (Vinatexco) sử dụng 2.000 công nhân; công ty dệt Vi-mi-tếch (Vimytex) sử dụng 1.800 công nhân, phần lớn là nữ. Đây là hai công ty dệt

(1) Diễn văn của ông Phan Xuân Thái, Chủ tịch Liên hiệp công đoàn giải phóng miền Nam ngày 1-5-1966.

(2) Tính theo số lượng đã được báo chí miền Nam công bố từ trước năm 1964; đến nay chắc có nhiều thay đổi.

(3) Nghiên cứu kinh tế số 6-1964.

lớn nhất của tư bản lũng đoạn Mỹ ở miền Nam, những công ty mà chúng cho là: «hiện đại nhất ở Đông Nam Á» (Công ty dệt Vintexco là một công ty hỗn hợp của tư bản Mỹ, Đài-loan, miền Nam Việt-nam, thành lập từ năm 1958 tại vùng Bà Quẹo, Gia-định và bắt đầu hoạt động từ năm 1960).

Khi tiến hành chiến tranh đặc biệt, đế quốc Mỹ trao 1 triệu 60 vạn đô-la cho cái gọi là «trung tâm khuếch trương kỹ nghệ» của chính quyền miền Nam để đầu tư vào công ty dệt Vintex. Công ty này được xây dựng ngay ở vùng Thủ-đức, một vùng căn cứ quân sự quan trọng, tiền đồn bảo vệ Sài-gòn).

Từ 1961, nhất là từ năm 1965, đế quốc Mỹ đẩy mạnh việc xây dựng các đường chiến lược, sân bay, đồn bốt, hải cảng nhằm phục vụ cho âm mưu mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược của chúng. Những công việc này thu hút khá nhiều công nhân. Ví dụ, để làm các đường chiến lược lên Tây-nguyên, Mỹ và tay sai phải tập trung 45.000 công nhân. Hãng thầu RMK — BRJ (Raymond International, Morrison — Kudson, Brown — Root và Ja Jones), hãng thầu lớn nhất của tư bản Mỹ, độc quyền xây dựng các công trình quân sự như sân bay, bến tàu, đồn bốt cho quân viễn chinh Mỹ ở miền Nam. Hãng này có trên 10 công trình xây dựng, sử dụng tới 8.000 người, trong đó có 13.500 chuyên viên Mỹ và chừng 45.000 công nhân Việt-nam.

Rõ ràng, những nơi tập trung công nhân miền Nam là những nơi có vị trí chiến lược hết sức quan trọng, nơi yết hầu của đế quốc Mỹ và tay sai. Chính vì thế, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai rất sợ phong trào đấu tranh của công nhân; chúng không từ một âm mưu, thủ đoạn thâm độc, tàn bạo nào để chia rẽ lực lượng cách mạng, đánh phá phong trào công nhân miền Nam.

2. Âm mưu, thủ đoạn của Mỹ — Diệt và đời sống của công nhân, lao động miền Nam.

Từ năm 1955, đặc biệt là từ 1957, song song với việc đánh phá ác liệt phong trào cách mạng ở nông thôn, Mỹ — Diệt cũng bắt đầu đánh phá phong trào công nhân. Đầu năm 1956, viện có là trong hàng ngũ công nhân còn có nhiều «Việt cộng nằm vùng», nhiều «cơ sở cộng sản», Mỹ — Diệt bắt đầu «tổ cộng» mạnh ở trong công nhân, lao động. Nhiều cuộc đấu tranh của công nhân đã bị chúng dập tắt trong bể máu. Hãy kể một vài ví dụ. Ngày 3-7-1955, chúng đàn áp cuộc biểu tình đòi thi hành hiệp nghị Giơ-ne-vơ, đòi hòa bình thống nhất đất nước của công nhân và

nhân dân Sài-gòn, bắt giam trên 100 người. Núp dưới chiêu bài «thanh khiết nghiệp đoàn», ngày 11-11-1957, chúng mở một đợt khủng bố nghiệp đoàn, ra lệnh giải tán 30 nghiệp đoàn, bắt giam hơn 200 người lãnh đạo nghiệp đoàn (1). Ngày 18-1-1959, chúng bắt một lúc 1.333 người, trong đó hầu hết là công nhân. Để có cơ công khai đàn áp phong trào công nhân, báo *Cách mạng quốc gia* số ra ngày 11-6-1959 vừa la lên rằng: «Cộng sản lũng đoạn nghiệp đoàn», vừa ra chỉ thị: «an toàn quốc gia bao giờ cũng cần hơn tự do, dân chủ». Bằng cái trò «vừa ăn cướp, vừa la làng» này, chúng lại tiến thêm một bước nữa trong việc đàn áp những cuộc đấu tranh của công nhân. Ngày 29-12-1959, chúng đàn áp đẫm máu cuộc đấu tranh của 8.000 công nhân Lộc-ninh, Xa-cát, Long-thành (Biên-hòa), đốt cháy 32 nhà của công nhân, trục xuất hết cán bộ nghiệp đoàn ra khỏi tỉnh. Tội ác của Mỹ — Diệt đối với công nhân, lao động miền Nam ngày càng chồng chất. Hội Lao động giải phóng miền Nam Việt-nam đã tố cáo: «Hàng ngàn cuộc đấu tranh của anh chị em ta, của công nhân cao-su, công nhân ô-tô buýt, công nhân xe lửa, bán hàng các chợ... đã bị chúng đàn áp bằng lưỡi lê, súng đạn, mặc dầu anh chị em ta chỉ đòi thêm vài đồng lương, đòi làm việc, đòi thuốc men, đòi bỏ thói chửi mắng đánh đập công nhân. Hàng ngàn đại diện của anh chị em cũng như hàng ngàn anh chị em ta đã bị thủ tiêu, mất tích, bị tra tấn đến chết trong buồng kín hay ngay tại sở làm hoặc đang sống hấp hối trong các nhà tù, trại giam» (2).

Đàn áp, khủng bố tàn khốc đi đôi với mua chuộc, lừa bịp, chia rẽ, đó là hai mặt của chính sách thực dân kiểu mới của Mỹ.

Đế quốc Mỹ giàu đô-la, nhiều thủ đoạn đánh phá phong trào cách mạng, chia rẽ lực lượng công nhân. Chúng đã tổng hợp và áp dụng những kinh nghiệm của chúng và của các nước chư hầu trong việc đánh phá phong trào công nhân trên thế giới vào việc mua chuộc, chia rẽ lực lượng công nhân miền Nam, tách công nhân ra khỏi lực lượng cách mạng. Để nắm chặt công nhân, đế quốc Mỹ đã tổ chức «Phòng lao động Huê-ký» tại Sài-gòn. Bọn này cùng với bọn nhân viên tinh báo trung ương CIA, bọn lãnh tụ nghiệp đoàn phản động như Trần Quốc Bửu, Lê Đình Cư, bọn công đoàn

(1) Báo *Lao động* 15-12-1962.

(2) Lời kêu gọi của Hội Lao động giải phóng miền Nam 27-4-1961.

vàng AFL — CIO (một tổ chức công đoàn lớn nhất của Mỹ do bọn lãnh tụ phản động nắm) hoạt động phá hoại phong trào công nhân, lũng đoạn tư tưởng của giai cấp công nhân miền Nam. Tên Gác-đơn Xuýt (Gardon Swise) và Cori-xơ-phơ May-vi (Christopher Mayvi), nhân viên phái đoàn tái vũ trang tinh thần tại Ma-ni; tên Giô-dép Ca-đin (Joseph Cadlin) nhân danh tổ chức JOC quốc tế; tên Ma-pa-ra, thư ký "Liên hiệp nghiệp đoàn tự do châu Á" cũng đã tới Sài-gòn giúp Diệm mua chuộc, đàn áp công nhân. Bọn tay sai của Mỹ — Diệm trong « Tổng liên đoàn lao công », « Lực lượng thợ thuyền », « Tổng liên đoàn lao động » cũng được phái đi Phi-líp-pin, Đài-loan, Nhật-bản, Thụy-sĩ, Mỹ để học tập những thủ đoạn phá hoại phong trào công nhân. Ngoài ra, chúng còn mở đợt tuyên truyền, triền lãm về đời sống công nhân luyện kim, về sinh hoạt nghiệp đoàn Huê-kỳ vào tháng 7-1958. Đáng chú ý là chúng tổ chức nghiệp đoàn ở miền Nam theo « nguyên tắc nghề nghiệp », dập khuôn theo kiểu Liên đoàn lao động Mỹ; mở nhiều « lớp huấn luyện cán bộ nghiệp đoàn » với nội dung đã được tên cố vấn Mỹ trong « phòng lao động Hoa-kỳ » vạch ra, tuyên truyền, gieo rắc trong công nhân thuyết « duy linh nhân vị », « xã hội hòa bình », « hòa hợp giai cấp », « thăng tiến cần lao », « đồng tiến xã hội » nhằm ru ngủ công nhân, đánh lạc hướng phong trào đấu tranh của công nhân...

Nhưng vãi thưa sao có thể che nổi mắt thành? Mỹ — Diệm dù có tài đời đen thành trắng, tô son, trát phấn cho cái gọi là « thăng tiến cần lao », « đồng tiến xã hội », « hữu sản hóa vô sản », « nâng cao nhân vị » đến thế nào chăng nữa, chúng cũng không thể phủ nhận được một thực tế danh thép là: dưới chế độ tàn bạo của chúng, đời sống của mọi tầng lớp nhân dân, nhất là công nhân lao động vô cùng điêu đứng.

Do lệ thuộc vào kinh tế Mỹ, do chính sách vơ vét, bóc lột tàn tệ của Mỹ — Diệm đối với nhân dân, nền kinh tế miền Nam ở trong tình trạng suy sụp nghiêm trọng. Năm 1959 trong số 21.422 khung cửu thì đã có 5.000 khung phải ngừng hoạt động. Số lượng công nhân bị sa thải, thất nghiệp ngày càng đông: năm 1956 có 15 vụ sa thải công nhân gồm 61.485 công nhân; năm 1957 8 vụ sa thải khác có thêm 3.964 công nhân không có việc làm; năm 1958 chỉ tính 21 vụ sa thải đã có tới 7.350 công nhân bị đuổi. Hơn 80% công nhân ngành dệt bị sa thải; khoảng từ 40 — 70% công nhân các ngành khác như gạch, ngói, xi-măng mất việc làm. Tính đến cuối năm 1959, số người thất

ngiệp ở toàn miền Nam lên tới 1.500.000, trung bình cứ 8 người dân thì có một người thất nghiệp. Riêng ở Sài-gòn có 836.640 người thất nghiệp, chiếm 68,6% dân số (1). Số người tự tử vì thất nghiệp cũng không phải là ít. Riêng năm 1959, trong số 930 vụ tự tử ở miền Nam thì có tới 662 vụ thất nghiệp (2).

Công nhân có việc làm thì lại phải làm việc trong những điều kiện rất khắc nghiệt với đồng lương chết đói. Công nhân ngành dệt làm việc từ 4 giờ sáng đến 7 giờ tối trong những căn nhà nóng đến 40 độ mà chỉ kiếm được từ 20 đồng đến 30 đồng, trong khi đó yêu cầu tối thiểu về sinh hoạt của một ngày cho một công nhân là 40 đồng. Công nhân cao-su làm việc 12 giờ một ngày mà chỉ lĩnh được từ 20 đồng đến 30 đồng. Báo *Cách mạng quốc gia* số ra ngày 25-5-1959 cũng đã phản ánh rằng: « Công nhân bị bắt làm việc trung bình 11 giờ một ngày, chủ nhật không được nghỉ và quanh năm cũng không có ngày lễ ». Đời sống của công nhân nữ thì lại càng điêu đứng hơn. Tuần san Phòng thương mại Sài-gòn số ra ngày 22-10-1959 đã viết: « Người ta không còn lạ gì khi thấy một nữ công nhân mỗi tuần luân phiên làm ba loại nghề khác nhau: 3 ngày làm ở hãng thuốc lá, 4 ngày làm nghề dệt ban ngày, và ban đêm phải gánh chè cháo bán rong. Chúng ta chú ý, người công nhân này làm việc 7 ngày liền trong một tuần lễ với số giờ thì không thể kể được ».

Đã thế, chế độ bảo hộ lao động lại không được thi hành, thành ra số công nhân bị tai nạn ngày càng tăng: năm 1958 xảy ra 119.892 vụ; năm 1959: 133.774 vụ; năm 1960: 150.633 vụ (3). Riêng tại các xí nghiệp thì tai nạn lao động lại hết sức khủng khiếp. Nếu lấy chỉ số các vụ tai nạn lao động năm 1955 là 100 thì năm 1956 là 106%; năm 1957: 108,7%; năm 1958: 147,9%; năm 1960: 157,6% (4). Đây là chưa kể tới nhiều thứ thuế má nặng nề, vô lý khác hàng ngày đè nặng lên đầu người công nhân. « Một gia đình công nhân mỗi năm phải đóng nhiều thứ thuế: thuế đất, thuế nhà, thuế phụ thu đô thành, thuế giá thuê nhà hàng tháng 200 đồng, thuế cống, thuế rác rưởi mỗi năm 100 đồng mặc dầu không bao giờ đổ rác » (5).

(1) Lời kêu gọi của Hội Lao động giải phóng miền Nam 27-4-1961.

(2) Báo cáo của ông Huỳnh Văn Tâm tại Đại hội công đoàn thế giới lần 5.

(3) *Thông nhất* 28-4-1961.

(4) *Thông nhất* 1-12-1961.

(5) Báo *Gón luận* 8-12-1960.

3. Vài nét về phong trào đấu tranh của công nhân miền Nam trong những năm 1954-1960.

Chính sách đàn áp, khủng bố trắng đi đôi với mua chuộc, chia rẽ, tuyên truyền đầu độc bằng thuyết cải lương rất thâm độc của Mỹ — nguy đã gây không ít khó khăn cho phong trào công nhân. Nhưng giai cấp công nhân miền Nam vốn có truyền thống đoàn kết thống nhất, đã từng được rèn luyện, trưởng thành trong ngọn lửa đấu tranh giai cấp, đấu tranh giải phóng dân tộc, không thể lùi bước trước bất cứ kẻ thù nào, kẻ cả đế quốc Mỹ. Từ trong thực tế cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp, giai cấp công nhân miền Nam đã hiểu sâu sắc rằng: chỉ có đấu tranh một mất một còn với kẻ thù thì mới giành được độc lập tự do thật sự. Do đó, họ đã đoàn kết vùng dậy đấu tranh liên tục.

Theo số liệu chưa đầy đủ thì từ tháng 7-1954 đến 1960, giai cấp công nhân miền Nam đã tiến hành 2.329 cuộc đấu tranh tập thể (1):

Từ tháng 7-1954 — hết 1955 :	292	cuộc
năm 1956 :	504	—
1957 :	408	—
1958 :	306	—
1959 :	401	—
1960 :	418	—
	2.329	—

Đáng chú ý là trong số 2.329 cuộc đấu tranh này, có khoảng trên một ngàn cuộc đấu tranh đòi quyền lợi dân sinh, dân chủ, giành quyền lợi kinh tế hàng ngày: năm 1955: 133 cuộc; năm 1956: 237 cuộc; năm 1957: 295 cuộc; năm 1958: 161 cuộc; năm 1959: 165 cuộc; năm 1960, chỉ riêng trong xí nghiệp đã có 121 cuộc (2).

Bằng các khẩu hiệu đấu tranh thiết thực, đòi những quyền lợi rất bức thiết, như tăng lương, giảm giờ làm, chống sa thải, đòi cải thiện điều kiện làm việc..., giai cấp công nhân miền Nam đã thu hút ngày càng đông đảo quần chúng tham gia. Nhiều cuộc đấu tranh của công nhân đòi tăng lương, cải thiện sinh hoạt đã thu hút hàng ngàn, hàng vạn công nhân tham gia, và được các giới khác ủng hộ. Ví như cuộc bãi công của công nhân các đồn điền cao-su miền Đông Nam-bộ đòi tăng lương, đòi cải thiện đời sống ngày 10-11-1955 đã thu hút 40.000 công nhân. Cuộc đấu tranh ngày 10-2-1957 của 2.000 công nhân thủy điện Chợ Quán đòi tăng lương, được công nhân nhà máy đèn Phan-thiết, Liên đoàn vận tải, Liên đoàn đồn điền và Liên đoàn nông dân ủng hộ.

Ở đây, có một điều cần nhấn mạnh là trong lúc đế quốc Mỹ tiến hành thống trị miền

Nam Việt-nam bằng chủ nghĩa thực dân kiểu mới; chúng chẳng những đánh phá cách mạng miền Nam bằng chính trị, quân sự mà còn bằng cả kinh tế; chúng tăng cường bóc lột nhân dân miền Nam để phục vụ cho cuộc chiến tranh xâm lược của chúng thì các cuộc đấu tranh đòi tăng lương, cải thiện đời sống, giảm giờ làm đều có ý nghĩa chính trị to lớn. Hơn nữa, thông qua những cuộc đấu tranh này, giai cấp công nhân miền Nam đã góp phần làm thất bại kế hoạch quân sự của địch. Ngày 16-11-1956, 500 công nhân hãng SVOC của Mỹ phối hợp với công nhân khuôn vác cảng Sài-gòn bãi công đòi tăng lương khiến cho hoạt động của quân cảng Sài-gòn bị tê liệt 3 ngày. 5 chiếc tàu đang bốc dỡ « hàng viện trợ » Mỹ phải ngừng lại và nhiều công ty tư bản Nhật, Mỹ không dám cập bến. Ngày 28-2-1958, công nhân hãng dầu Can-tếch (Caltex) của Mỹ bãi công 10 ngày chống sa thải và đòi tăng lương, được hàng ngàn công nhân các hãng dầu khác ủng hộ, khiến cho 30 cây xăng ở Sài-gòn hết dầu, ảnh hưởng rất lớn đến việc cung cấp dầu cho những đơn vị cơ giới, không quân của địch.

Đương nhiên, giai cấp công nhân miền Nam không phải chỉ đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế hàng ngày mà còn đẩy mạnh đấu tranh chính trị, kết hợp chặt chẽ đấu tranh kinh tế với đấu tranh chính trị. Bọn Mỹ—Diệm, bọn « công đoàn vàng » không ngừng tìm cách hù dọa phong trào công nhân đi vào đấu tranh kinh tế đơn thuần. Nhưng chúng đã thất bại thảm hại. Giai cấp công nhân miền Nam là giai cấp đã có nhiều kinh nghiệm đấu tranh. Họ hiểu rất rõ sự cần thiết phải kết hợp đấu tranh kinh tế với đấu tranh chính trị và tư tưởng. Họ đấu tranh không phải vì mục đích kinh tế đơn thuần mà với mục đích chính trị rõ rệt: đánh đổ chế độ Mỹ—ngụy, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Do đó, tùy từng nơi, từng lúc họ đã đề ra những khẩu hiệu đấu tranh thích hợp, gắn khẩu hiệu đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế với các khẩu hiệu đấu tranh chính trị: chống khủng bố, đòi tự do nghiệp đoàn, chống « viện trợ » Mỹ, đòi hòa bình thống nhất đất nước. Ngay sau khi hiệp nghị Giơ-ne-vơ được ký kết, ngày 1-8-1954, 50.000 công nhân và nhân dân Sài-

(1) Theo báo cáo của ông Huỳnh Văn Tâm đọc tại Đại hội công đoàn thế giới lần thứ 5 thi từ 1954 — 1960 trong phạm vi các xí nghiệp và đồn điền đã có 2.500 cuộc đấu tranh tập thể của công nhân miền Nam.

(2) Thông nhất ngày 29-12-1961.

gòn—Chợ-lớn, 25.000 công nhân và nhân dân Đà-nẵng cùng với 15.000 công nhân và nhân dân Huế xuống đường biểu tình hoan nghênh hiệp nghị Giơ-ne-vơ, đòi thả chồng con bị bắt lính, trả tự do cho tù chính trị. Lúc này, giai cấp công nhân hiểu rằng khẩu hiệu đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế hàng ngày không thể tách rời khẩu hiệu đòi thi hành hiệp nghị Giơ-ne-vơ. Cho nên họ là lực lượng đi đầu trong phong trào đấu tranh đòi lập lại quan hệ bình thường Bắc Nam, đòi hòa bình thống nhất Tổ quốc. Tháng 7-1955, Mặt trận Liên Việt Nam-bộ phát động phong trào đấu tranh đòi hiệp thương hòa bình thống nhất đất nước. Để mở đầu cho phong trào đấu tranh rầm rộ này, ngày 3-7-1955, công nhân, lao động Sài-gòn đã tổ chức hai cuộc biểu tình đòi trả tự do cho những người trong « ủy ban cứu trợ nạn nhân chiến tranh », kết hợp đòi hiệp thương tổng tuyển cử để thống nhất Tổ quốc.

Từ 1957, Mỹ—Diệm tiếp tục xây dựng và phát triển quân đội bù nhìn, củng cố, xây dựng chính quyền xuống cấp xã, thực hiện « bình định » nông thôn và miền núi, tiến hành « chiến dịch tổ cộng » với phương châm « truy kích địch, xây dựng ta » « đồng thời chống cộng về mặt tư tưởng ». Ở thành thị và đồn điền, địch đánh phá mạnh phong trào công nhân, khủng bố nghiệp đoàn. Thêm vào đó, hàng « viện trợ » Mỹ tràn ngập thị trường miền Nam, làm cho đời sống của mọi tầng lớp nhân dân càng thêm điều đứng. Trong tình hình đó, công nhân miền Nam đã nêu cao khẩu hiệu chống khủng bố, chống « viện trợ » Mỹ, đòi tăng lương, cải thiện điều kiện làm việc. Ngày 17-11-1957, công nhân Sài-gòn và các nơi khác phát động phong trào đấu tranh chống khủng bố nghiệp đoàn. Ngày 15-12-1957, công nhân khắp các xí nghiệp, đồn điền đấu tranh chống dự luật « đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật ». Ngày 14-11-1958, 14.000 công nhân tỉnh Bình-long bãi công 4 ngày để phản đối Mỹ—Diệm khủng bố nghiệp đoàn. Ngày 20-3-1959, công nhân mở đợt đấu tranh chống vụ thảm sát Phú-lợi. Đáng chú ý là trong năm 1958, khẩu hiệu « chống viện trợ Mỹ », đòi xây dựng một nền kinh tế độc lập đã được công nhân giương cao. Chỉ tính trong tháng 3, 6 và tháng 11-1958, hàng vạn công nhân của 150 xưởng dệt ở Sài-gòn—Chợ-lớn Gia-định đã ba lần cùng với chủ xưởng họp đại hội lên án « viện trợ » Mỹ, đòi cấm nhập cảng hàng ngoại hóa, đòi giải quyết nạn thất nghiệp.

Công nhân miền Nam đã sử dụng nhiều hình

thức đấu tranh sinh động. Ngoài những hình thức đấu tranh thông thường như họp đại hội, đưa yêu sách, kiến nghị, mạn đàm, gây dư luận, họ đã sử dụng những hình thức đấu tranh cao, quyết liệt : bãi công.

Bãi công là hình thức đấu tranh cao của công nhân. Nó phản ánh sự trưởng thành về ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần chiến đấu của công nhân. Năm 1955, có 27 cuộc bãi công gồm hàng vạn công nhân (1). Trong 10 tháng đầu năm 1956, có 21 cuộc bãi công (2). Năm 1959, chỉ tính riêng trong các xí nghiệp Sài-gòn—Chợ-lớn đã có 8 cuộc bãi công lớn; ở các đồn điền cao-su đã có hơn 10 cuộc bãi công với trên 32.000 người tham gia (3). Trong 5 tháng đầu năm 1960 ở Sài-gòn—Chợ-lớn đã nổ ra 99 cuộc bãi công (4). Điều đáng đề ý là trong số các cuộc bãi công đó, có nhiều cuộc bãi công kéo dài hàng tháng, gây cho địch nhiều thiệt hại. Cuộc bãi công của 140 công nhân hãng Ép-phen (Eiffel) đòi tăng lương kéo dài 20 ngày; cuộc bãi công của 129 công nhân hãng pin Viễn Đông kéo dài 3 tháng; cuộc bãi công của 180 công nhân hãng Fa-ci (FACI) tháng 10-1956 phản đối sa thải công nhân, đòi tăng lương kéo dài 1 tháng 3 ngày và được 128 nghiệp đoàn Sài-gòn—Chợ-lớn và các tỉnh miền Đông Nam-bộ ủng hộ. Đặc biệt là cuộc bãi công có tính chất chiếm xưởng của 30.000 công nhân hỏa xa gồm các đề-pô Dĩ-an, Chí-hòa và của 3.000 công nhân Ba-son hồi tháng 5-1957 kéo dài hàng tháng đã gây cho Mỹ—ngụy nhiều thiệt hại.

Sở dĩ nhiều cuộc bãi công của công nhân có thể kéo dài và giành được thắng lợi, trước hết là vì công nhân đã đoàn kết thống nhất và ủng hộ nhau đấu tranh: Công nhân xưởng Đơ-li-nhông đình công, được công nhân 17 xí nghiệp và đồn điền khác ủng hộ, quyết định từ chối mọi việc của hãng Đơ-li-nhông. Ngày 16-11-1956, 500 công nhân công ty SVOC của Mỹ bãi công được công nhân hãng dầu Sen (Shell), Can-tếch (Caltex) ủng hộ, từ chối mọi việc của chủ SVOC. Ngày 25-5-1959, công nhân hãng bia và nước ngọt BGI bãi công chiếm xưởng, được các nghiệp đoàn xích-lô, công nhân điện nước, nghiệp đoàn xe bò Sài-gòn, Tây-ninh ủng hộ.

Một điểm đáng chú ý nữa là trong đấu tranh, giai cấp công nhân miền Nam luôn luôn kết hợp

(1), (2) Báo cáo của đồng chí Phạm Hùng đọc trước kỳ họp Quốc hội 3-1-1957.

(3) Học tập 6-1960.

(4) Thống nhất 24-2-61.

đấu tranh bảo vệ quyền lợi của mình với bảo vệ quyền lợi chung của các tầng lớp nhân dân, nhất là nông dân, người bạn đồng minh trung thành nhất của họ. Chính vì thế mà công nhân đã lôi kéo được các tầng lớp nhân dân cùng tham gia đấu tranh. Ở nhiều nơi, công nhân và nông dân đã cùng đứng trong một tổ chức chiến đấu. Ngày 31-3-1957, nông dân Phước-long (Thủ-dầu-một, Gia-định) đấu tranh chống địa chủ cướp đất, được nông dân nhiều nơi và 100 đại biểu công nhân Gia-định ủng hộ. Ngược lại, ngày 15-1-1958, 5.000 công nhân đồn điền Đất-đỏ đình công 7 ngày, được công nhân cao-su Sóc-trăng, Sóc-xiêm, Sóc-gòn, Phú-riêng, An-lộc, Ba-com, Phố-lồ, 5.000 công nhân xe lửa, nghiệp đoàn nông dân Đà-nẵng, Liên đoàn nông dân đại biểu cho 200.000 đoàn viên lên tiếng ủng hộ.

Đối với tư sản dân tộc, công nhân đã thực hiện một chủ trương sáng suốt: đoàn kết với họ trên cơ sở thương lượng, giải quyết mọi tranh chấp giữa công nhân và chủ tư bản để tập trung mũi nhọn vào kẻ thù chủ yếu của dân tộc là đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai. Do đó, công nhân đã lôi kéo được tư sản dân tộc cùng tham gia đấu tranh. Tháng 4-1958, 2 hợp tác xã sản xuất vải, tơ, lụa ở phụ cận Sài-gòn gồm có công nhân, tiểu chủ, tư sản và cả linh mục di cư cùng ký kiến nghị đòi cấm nhập cảng hàng ngoại hóa.

Đỉnh cao của phong trào công nhân miền Nam trong những năm 1954—1960 là cuộc biểu tình khổng lồ ngày 1-5-1958 của 500.000 công nhân, lao động Sài-gòn với những khẩu hiệu

đấu tranh phù hợp với quyền lợi của mọi tầng lớp nhân dân: tăng lương, giải quyết nạn thất nghiệp; hạn chế nhập cảng những hàng hóa trong nước sản xuất được; triệt để giảm tô đúng mức, thực hiện đầy đủ khẩu hiệu « người cày có ruộng »; thống nhất đất nước bằng phương pháp hòa bình...

Cuộc biểu tình này diễn ra trong lúc Mỹ—Diệm điên cuồng đánh phá phong trào cách mạng ở nông thôn, nên nó có ý nghĩa to lớn. Nó chẳng những có tác dụng tập hợp lực lượng, biểu dương sức mạnh đoàn kết rộng rãi của các tầng lớp nhân dân ở đô thị, mà còn có tác dụng hỗ trợ tích cực cho phong trào ở nông thôn. « Cuộc đấu tranh to lớn này đã nâng cao thêm uy tín của giai cấp công nhân trong các tầng lớp nhân dân miền Nam, góp phần tích cực thực hiện mặt trận thống nhất rộng rãi của các tầng lớp nhân dân chống Mỹ Diệm » (1).

Phong trào đấu tranh liên tục chống Mỹ—Diệm của công nhân miền Nam trong những năm 1954—1960 mà đỉnh cao của nó là cuộc biểu tình khổng lồ ngày 1-5-1958 đã chứng tỏ khả năng to lớn và uy tín của giai cấp công nhân miền Nam trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước. Nó có tác dụng góp phần làm suy sụp chế độ Mỹ—Diệm, tạo điều kiện cho Mặt trận dân tộc giải phóng, Đảng Nhân dân cách mạng, Hội Lao động giải phóng miền Nam Việt-nam ra đời, và đặt cơ sở cho sự phát triển mạnh mẽ của phong trào đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang ở các đô thị trong những giai đoạn sau.

II — CÔNG NHÂN MIỀN NAM TRONG GIAI ĐOẠN « CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT » (1961-1965)

1. Bối cảnh lịch sử của phong trào đấu tranh của công nhân miền Nam trong giai đoạn này.

Trong công cuộc chống Mỹ, cứu nước, một sự kiện có tầm quan trọng đặc biệt đối với sự phát triển của phong trào cách mạng miền Nam nói chung, của phong trào công nhân miền Nam nói riêng là sự thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam và tiếp sau đó là sự ra đời của Hội Lao động giải phóng miền Nam, Đảng Nhân dân cách mạng Việt-nam.

Ngay sau khi ra đời (27-4-1961), kế tục truyền thống đoàn kết dân tộc chống xâm lược và quán triệt đường lối cách mạng của Mặt trận dân tộc giải phóng, Hội Lao động Giải phóng miền Nam (sau đổi là Liên hiệp

Công đoàn giải phóng miền Nam) đã tuyên bố: « Hội Lao động giải phóng miền Nam Việt-nam đoàn kết chặt chẽ toàn thể giai cấp công nhân và những người lao động miền Nam, chân tay cũng như trí óc không phân biệt chánh kiến, tôn giáo, không phân biệt đồng bào đa số hay thiểu số. Hội đoàn kết anh chị em lao động Hoa-kieu cũng đang bị Mỹ—Diệm áp bức bóc lột thậm tệ. Hội kiên quyết cùng với anh chị em nông dân, các nhà tư sản và tiểu tư sản cùng các tầng lớp đồng bào khác trong Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam đầy mạnh cao trào đấu

(1) Văn kiện Đại hội Đảng Lao động Việt-nam lần 3 trang 43.

tranh bảo vệ và giành giật các quyền lợi kinh tế, chính trị thiết thân hàng ngày ở miền Nam, thành lập chính quyền liên minh dân tộc, dân chủ, thi hành chính sách độc lập, hòa bình, trung lập thực hiện các quyền tự do và cải thiện đời sống cho toàn dân ».

Sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam, Hội Lao động giải phóng miền Nam và của Đảng Nhân dân cách mạng Việt-nam đã mở ra một thời kỳ mới trong sự phát triển của phong trào công nhân miền Nam. Từ đây, nhờ có đường lối cách mạng đúng đắn của Mặt trận dân tộc giải phóng soi đường chỉ lối, có Liên hiệp công đoàn giải phóng miền Nam, tổ chức cách mạng chân chính của giai cấp công nhân miền Nam lãnh đạo, phong trào đấu tranh chống Mỹ — tay sai của công nhân miền Nam bước vào một thời kỳ mới: phát triển mạnh mẽ và rộng khắp, tập hợp ngày càng đông đảo mọi tầng lớp nhân dân. Tuy nhiên, không phải là phong trào đó phát triển một cách « êm ả » « thuận buồm, xuôi gió » mà trái lại nó phát triển trong những điều kiện hết sức khó khăn, trong tình hình đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai độc toàn lực để tiến hành cuộc « chiến tranh đặc biệt », không chế gặt gao các thành thị.

Từ cuối năm 1959, đầu năm 1960, cách mạng miền Nam từ thế phòng ngự tạm thời về chiến lược chuyển sang thế tấn công địch ở cả nông thôn và thành thị, đây kẻ địch vào thế bị động, thất bại liên tiếp. Trước tình hình đó, đế quốc Mỹ tiến hành cuộc « chiến tranh đặc biệt » vào giữa năm 1961 với kế hoạch Sta-lay—Tay-lơ: « bình định miền Nam trong vòng 18 tháng ». Trong quá trình thực hiện chính sách thực dân kiểu mới, nhất là từ khi tiến hành cuộc « chiến tranh đặc biệt », đế quốc Mỹ đã tìm mọi cách để biến đô thị, đồn điền thành những hậu phương an toàn, những căn cứ vững chắc để làm bàn đạp tấn công cách mạng ở nông thôn.

Để thực hiện âm mưu này, đế quốc Mỹ tiến hành những thủ đoạn thâm độc nhằm nắm chặt lấy công nhân, mua chuộc công nhân, chia rẽ lực lượng của công nhân. Song song với việc sử dụng mọi phương tiện phim ảnh, báo chí phản động nhằm lũng đoạn tư tưởng công nhân, chúng đã dùng bọn đặc vụ, bọn con buôn chính trị, bọn lãnh tụ nghiệp đoàn như Trần Quốc Bửu, Trần Hữu Quyển, Võ Văn Tài, Lê Đình Cư chui vào phong trào công nhân để tiến hành những hoạt động chia rẽ, phá hoại phong trào. Nhưng chúng đã thất bại thảm hại. Như trên cũng đã nói, giai cấp công nhân miền Nam là giai cấp có truyền

thống đoàn kết, đấu tranh bất khuất, đã từng được rèn luyện trưởng thành trong ngọn lửa đấu tranh cách mạng, đã từng vùng dậy đấu tranh liên tục, quyết liệt chống Mỹ—Diêm ngay trước khi đế quốc Mỹ công khai tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam Việt-nam. Phong trào đấu tranh liên tục của công nhân, lao động miền Nam trong những năm 1954—1960 là tiếng chuông báo hiệu sự phá sản của mọi âm mưu thâm độc của đế quốc Mỹ trong việc mua chuộc, chia rẽ công nhân miền Nam. Giờ đây, đế quốc Mỹ lại giở cái « miếng võ » quen thuộc ấy; chúng tìm mọi cách lôi kéo công nhân, tách công nhân ra khỏi nhân dân như chúng đã từng cố gắng tách những người cộng sản ra khỏi nhân dân miền Nam. Song, sự thật làm cho chúng thất vọng ! Giai cấp công nhân miền Nam là những người luôn luôn phát cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, chẳng những không bị tách khỏi nhân dân mà còn ngày càng tập hợp chung quanh mình đông đảo mọi tầng lớp nhân dân chống Mỹ — ngụy. Phong trào đấu tranh của công nhân kết hợp chặt chẽ với các phong trào yêu nước ở đô thị tạo thành một dòng thác cách mạng nhấn chìm mọi âm mưu, chính sách thâm độc của đế quốc Mỹ.

Thất bại trong âm mưu mua chuộc, chia rẽ công nhân, đế quốc Mỹ lại sử dụng những biện pháp khủng bố, kìm kẹp công nhân.

Ở thành thị, đi đôi với việc lập các « phường, khóm chiến lược », « khu công nông », chúng tăng cường bộ máy kìm kẹp, đàn áp công nhân và nhân dân đô thị. Theo số liệu chưa đầy đủ thì số cảnh sát ở Sài-gòn có tới 2 vạn tên, nghĩa là cứ 100 người dân thì có 1 cảnh sát. Báo *Buổi sáng* số ra ngày 28-11-1961 đã khoe rằng: « Tổ chức công an, cảnh sát ở Sài-gòn — Chợ-lớn là một tổ chức hoàn chỉnh không kém gì những kinh thành phương Tây ». Với bộ máy cảnh sát khổng lồ này, Mỹ — ngụy đã đàn áp đẫm máu các cuộc đấu tranh của công nhân. Nhiều cuộc vây ráp, khủng bố công nhân liên tiếp diễn ra ngay tại thành phố Sài-gòn. Riêng trong tháng 4-1961, trên 10.000 đồng bào ở nội, ngoại thành Sài-gòn, trong đó có nhiều công nhân đã bị Mỹ—Diêm bắt giam và tra tấn dã man (1). Núp dưới chiêu bài « chọn lọc » « phân nhiệm » « chỉnh lý tổ chức công việc » và « cải thiện nhân sự trong các xí nghiệp », bọn tư bản lũng đoạn Mỹ và bọn ngụy quyền miền Nam đã đuổi hàng loạt những công nhân tích cực chống lại chúng. Chỉ trong vòng 4 ngày (từ 7 — 21 tháng 2 năm

(1) *Lao động* 25-1-1962.

1962), chúng đã đuổi 150 công nhân làm việc tại hãng dệt Vimytex; riêng năm 1963 ở các đồn điền miền Đông Nam-bộ, số công nhân bị sa thải lên tới 36.000 (1).

Tại các vùng đồn điền, cũng từ kinh tế tiến hành cuộc « chiến tranh đặc biệt », Mỹ — nguy đã ráo riết lập các « ấp chiến lược », xây dựng một hệ thống cứ điểm trên các đồn điền dọc các đường chiến lược 13, 14 nhằm biến các vùng này thành căn cứ quân sự của chúng. Nhưng việc lập các « ấp chiến lược » ở vùng đồn điền không phải là chuyện dễ, nên chúng đã mở liên tiếp các chiến dịch « Mặt trời mọc », « Hoàng Hoa Thám » và các cuộc càn quét vào vùng đồn điền để dồn công nhân lao động vào các ấp chiến lược. Các « ấp chiến lược » được dựng lên ở đồn điền cũng chỉ là những trại giam, nhà tù nhằm khống chế công nhân, tách công nhân ra khỏi lực lượng cách mạng. Ví dụ ở đồn điền Bến-củi (Tây-ninh), nơi đất hẹp, người thưa (chỉ có 561 nóc nhà với 2.156 người, sống rải rác trong 3 làng, mỗi làng cách nhau độ 2, 3 cây số) thế mà để quốc Mỹ và tay sai cũng đã lập một hệ thống « ấp chiến lược » với hàng rào dây thép gai và 20 đồn bốt bao chung quanh, có một đại đội chủ lực và trung đội dân vệ canh giữ; và mỗi một tháng chúng mở từ 3 đến 4 cuộc càn quét tập trung vào vùng này...

Đến đây, một vấn đề được đặt ra là: trong khuôn khổ của một chế độ phát-xít cực kỳ man rợ, trong tình hình đế quốc Mỹ ráo riết đẩy mạnh cuộc « chiến tranh đặc biệt » (thực chất là cuộc chiến tranh xâm lược) chống lại nhân dân ta ở miền Nam, và ra sức củng cố, khống chế, kim kẹp gắt gao các thành thị bằng những biện pháp phát-xít, thì làm sao giai cấp công nhân miền Nam lại có thể giữ vững và phát triển cuộc đấu tranh cách mạng của mình?

Chúng ta đều biết rằng, trong quá trình thực hiện chính sách thực dân kiểu mới ở miền Nam Việt-nam, một mặt đế quốc Mỹ dùng những thủ đoạn đàn áp, khủng bố cực kỳ man rợ, nhưng một mặt khác lại tiến hành những biện pháp mị dân để hòng lừa bịp nhân dân miền Nam nhất là nhân dân ở các đô thị, và che đậy bộ mặt xâm lược, hiếu chiến của chúng. Từ khi tiến hành cuộc « chiến tranh đặc biệt », đế quốc Mỹ vẫn phải sử dụng cái chính sách hai mặt đó. Đi đôi với những hành động đàn áp, khủng bố đẫm máu những cuộc đấu tranh của nhân dân đô thị, bắt giam, tra tấn hàng loạt công nhân, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai vẫn gương cao ngạo cờ « độc lập », « dân chủ » giả hiệu, tô

son, trát phấn cho cái chính phủ bù nhìn. Đó là điểm mâu thuẫn và chỗ yếu cơ bản của chính sách thực dân kiểu mới của Mỹ. Giai cấp công nhân miền Nam là giai cấp có truyền thống và kinh nghiệm đấu tranh đã biết lợi dụng chỗ yếu của địch để đánh địch và đẩy mạnh cuộc đấu tranh chính trị công khai, hợp pháp, mạnh mẽ. Một điểm khác, chính sách độc tài, phát-xít và chính sách áp bức, bóc lột, vơ vét tài sản của nhân dân đô thị để phục vụ cho cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ đã đụng chạm đến mọi tầng lớp nhân dân và tạo nên những mâu thuẫn sâu sắc giữa toàn thể nhân dân đô thị với đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai. Đó là điều kiện thuận lợi khách quan cho phong trào công nhân miền Nam phát triển mạnh mẽ, rộng khắp và thu hút ngày càng đông đảo mọi tầng lớp nhân dân. Một điểm đáng chú ý nữa là từ sau phong trào đồng khởi (đầu năm 1960), phong trào đấu tranh ở nông thôn dâng lên như nước vỡ bờ. Hàng ngàn, hàng vạn nông dân liên tiếp kéo vào thành thị trực tiếp đấu tranh chống Mỹ và tay sai, hỗ trợ và tạo điều kiện cho cuộc đấu tranh của công nhân, lao động ở đô thị phát triển.

Trong lịch sử của cách mạng Việt-nam, thành thị không bao giờ giữ vai trò thụ động vì giai cấp công nhân chẳng những là giai cấp lãnh đạo cách mạng mà còn cùng với nông dân hợp thành quân chủ lực cách mạng. Tình hình ở đô thị miền Nam Việt-nam ngày nay cũng như vậy. Phong trào đấu tranh chính trị và vũ trang ở nông thôn đều có tác động mạnh mẽ vào thành thị, hỗ trợ và thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị và vũ trang ở thành thị. Ngược lại, phong trào đấu tranh của công nhân, lao động thành thị đánh thắng vào dinh lũy cuối cùng của địch cũng có tác động hỗ trợ và thúc đẩy phong trào đấu tranh ở nông thôn. Sự kết hợp nhịp nhàng giữa phong trào công nhân ở đô thị và phong trào nông dân ở nông thôn là hình ảnh đẹp đẽ của khối liên minh công nông. Nó làm thất bại âm mưu của đế quốc Mỹ hòng biến đô thị thành những căn cứ vững chắc để tấn công cách mạng ở nông thôn. Nó cũng tạo điều kiện cho giai cấp công nhân miền Nam giữ vững và phát triển cuộc đấu tranh chính trị và vũ trang ở thành thị ngay trong những ngày đế quốc Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam Việt-nam.

(1) Thông báo của Liên hiệp công đoàn giải phóng miền Nam về thành tích 5 năm đấu tranh của công nhân lao động miền Nam.

2. Những đặc điểm lớn của phong trào công nhân miền Nam trong những năm 1961-1965.

a) Đặc điểm thứ nhất là phong trào phát triển mạnh mẽ, liên tục và với khí thế ngày càng quyết liệt. Phần trên đã nói, phong trào công nhân miền Nam trong những năm 1961-1965 diễn ra trong lúc đế quốc Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam, dốc sức củng cố và khống chế gắt gao các đô thị và đồn điền nhằm biến những nơi này thành những hậu phương an toàn của chúng. Trong tình hình đó, phong trào công nhân, lao động miền Nam chẳng những vẫn được duy trì mà còn phát triển mạnh mẽ, liên tục, rộng khắp với khí thế ngày càng quyết liệt. *Phong trào diễn ra ngay trong những ngày địch khủng bố ác liệt nhất và ngay tại những nơi địch tập trung nhiều quân đội và cảnh sát.* Chỉ lấy con số công nhân tham gia đấu tranh trong hai năm 1961-1962 là những năm đầu của cuộc «chiến tranh đặc biệt», năm đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai mở nhiều cuộc càn quét khủng bố lớn để lập các «ấp chiến lược», chúng ta sẽ thấy rõ điều đó. Trong hai năm 1961-1962, công nhân lao động miền Nam đã tiến hành trên 8.916 cuộc đấu tranh gồm 744.000 lượt người tham gia (1). Riêng năm 1961, có 4.416 cuộc đấu tranh bao gồm 294.000 lượt công nhân tham gia, trong đó có khoảng 147 cuộc đấu tranh lớn. Nổi bật nhất là cuộc đình công chiếm xưởng của công nhân hãng dầu Stan-vac (Stanvac) ngày 4-9-1961 (2). Cuộc đình công này diễn ra ngay sau khi đế quốc Mỹ tiến hành cuộc «chiến tranh đặc biệt» và kéo dài trên 3 tháng. Nó được hầu hết các nghiệp đoàn ở Sài-gòn—Chợ-lớn và Gia-định và hàng ngàn công nhân đồn điền ủng hộ. Nó đã đánh dấu một bước đấu tranh quyết liệt của phong trào công nhân miền Nam.

Sang năm 1962, trong lúc cuộc đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang của nhân dân miền Nam đi vào giai đoạn quyết liệt, trong lúc địch điên cuồng mở nhiều cuộc càn quét lớn vào vùng nông thôn cũng như ở đô thị, thì phong trào đấu tranh của công nhân vẫn cứ phát triển (3). Năm 1962, có trên 4.500 cuộc đấu tranh của công nhân lao động gồm trên 350.000 lượt người tham gia. Trong số trên 4.500 cuộc đấu tranh này, có hơn 100 cuộc đấu tranh lớn bao gồm hàng chục vạn công nhân lao động. Đảng chủ ý là ngay tại Sài-gòn, nơi địch tập trung nhiều quân đội và cảnh sát, thế mà những cuộc đấu tranh của công nhân vẫn kế tiếp nhau nổ ra. Trong 5 tháng đầu năm 1962, công nhân Sài-gòn đã tiến hành 83 cuộc đấu tranh

với trên 35.000 người tham gia, trong đó có 10 cuộc đấu tranh quyết liệt với hình thức đình công, lãn công chống chính quyền bù nhìn và chủ tư bản Mỹ áp bức, bóc lột công nhân.

Từ cuối năm 1963, với việc Diệm Nhu bị lật đổ và bị giết chết đã đánh dấu sự thất bại về chiến lược của «chiến tranh đặc biệt» của Mỹ. Từ đây, song song với phong trào đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang phát triển như vũ bão ở nông thôn, phong trào đấu tranh của công nhân ở các thành thị miền Nam, đặc biệt là Sài-gòn — Chợ-lớn đã phát triển mạnh mẽ với qui mô chưa từng thấy.

Tiếp theo cuộc biểu tình khổng lồ ngày 2-11-1963 của gần 1 triệu nhân dân Sài-gòn — Chợ lớn mà đại đa số là công nhân đề ủng hộ phong trào Phật giáo chống Mỹ — Diệm, hàng loạt các cuộc đấu tranh khác của công nhân, lao động liên tiếp diễn ra. Đảng chủ ý nhất là cuộc đình công chiếm xưởng của 2.000 công nhân hãng dệt Vinatexco ngày 17-1-1964. Bọn chủ tư bản Mỹ câu kết với chính quyền tay sai cho 2 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ đến đàn áp cuộc đấu tranh, làm trên 200 người chết và bị thương. Cuộc đấu tranh quyết liệt này kéo dài 45 ngày, được sự ủng hộ lớn lao của đồng bào cả nước, của công nhân lao động thế giới nên đã buộc bọn chủ Mỹ phải tăng lương từ 6 — 8% cho công nhân. Sau cuộc đấu tranh vang dội này, hàng vạn công nhân bến tàu, tắc-xi, ô-tô buýt, vận tải, hàng không, vô tuyến viễn thông, thủy điện, khách sạn, ngành in, may mặc, các hãng dầu, liên tục đấu tranh chống Mỹ và tay sai. Trong năm 1964, có trên 5.000 cuộc đấu tranh của công nhân lao động gồm hơn 500.000 lượt người tham gia (4). Hàng chục ngàn công nhân Sài-gòn — Chợ lớn đã xuống đường đòi trừng trị bọn Mỹ giết hại 3 công nhân tắc-xi (5-5-1964). Tuần tẩy chay Mỹ ở Sài-gòn Gia-định đã mở rộng thành phong trào trừng trị Mỹ, cô lập Mỹ ra khắp miền Nam.

(1) Nhân dân 1-5-1964.

(2) Hãng dầu Stanvac là một trong những hãng dầu có thế lực của bọn tư bản lũng đoạn Mỹ ở miền Nam. Nó có hàng trăm đại lý ở Sài-gòn và các tỉnh khác, độc quyền cung cấp dầu xăng cho máy bay phản lực Mỹ.

(3) So với năm 1961, mức độ địch càn quét năm 1962 tăng lên nhiều. Ngoài 20 chiến dịch lớn, tổng số các trận càn quét lên tới 1 vạn.

(4) Nhân dân 28-5-1965.

Phong trào đấu tranh ngày càng lan rộng ; khi thể và hình thức đấu tranh ngày càng cao và quyết liệt. Từ những hình thức đấu tranh thấp như hội họp nêu yêu sách tiến lên những hình thức đấu tranh cao như lãn công, bãi công và tổng bãi công toàn diện ngày 21-9-1964.

Bất chấp lệnh cấm bãi công của ngụy quyền Sài-gòn, nhận rõ sức mạnh đoàn kết và những mục tiêu đấu tranh chính nghĩa của mình, ngày 21, 22-9-1964, 20 vạn công nhân, lao động Sài-gòn đã xuống đường ủng hộ những yêu sách của công nhân hãng dệt Vimytex, đòi hủy bỏ « tình trạng khẩn cấp », đòi tự do nghiệp đoàn, đòi tăng lương. Cuộc tổng bãi công toàn diện này là đỉnh cao của phong trào công nhân miền Nam trong những năm 1961 — 1965. Lần đầu tiên trong lịch sử chống Mỹ, cứu nước, giai cấp công nhân miền Nam đã mở một cuộc đấu tranh to lớn, toàn diện và đã dùng bạo lực của quần chúng, dùng biểu tình của quần chúng để chống lại lệnh cấm biểu tình ; dùng tổng bãi công để chống lại lệnh cấm bãi công của Mỹ — Khánh. Cuộc tổng bãi công này đã nói lên sự trưởng thành nhanh chóng về mặt tổ chức đấu tranh của công nhân đô thị và đồn điền, và vai trò khả năng của họ trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước. Liên hiệp công đoàn giải phóng miền Nam đã khẳng định rằng : « Cuộc tổng bãi công toàn diện ngày 21 và 22-9-1964, đỉnh cao của phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân lao động và các tầng lớp nhân dân đô thị từ 4 năm nay, chứng tỏ rằng công nhân lao động — lực lượng nòng cốt của phong trào đô thị — đang vươn lên mạnh mẽ trong lúc kẻ thù đương lao nhanh đến những bước đường suy sụp của chúng » (1). Cuộc tổng bãi công này còn khẳng định vai trò chiến lược của phong trào công nhân ở các đô thị miền Nam trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, trong việc lật đổ chế độ Mỹ — ngụy. Đúng như nhận định của Chủ tịch đoàn Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam, nhân dịp kỷ niệm 4 năm ngày thành lập Mặt trận : « Phong trào đô thị đặc biệt sôi nổi ở miền Nam. Phong trào đô thị gần đây đã chứng minh một cách rõ rệt vai trò chiến lược của nó trong sự nghiệp cách mạng chung, mà nổi bật hơn hết là phong trào công nhân trong ngày biểu dương lực lượng 21 tháng 9, báo trước cơn bão táp sắp nổi lên ngay trong lòng địch ».

b) Đặc điểm thứ hai là : các cuộc đấu tranh đã chứa mũi nhọn vào kẻ thù chủ yếu của dân tộc, của giai cấp là đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, bọn cầm đầu các công ty tư bản lũng đoạn Mỹ và các « xí nghiệp công quản » phục vụ kế hoạch quân sự của Mỹ. Từ khi tiến hành

cuộc « chiến tranh đặc biệt » ở miền Nam Việt-nam, bọn tư bản lũng đoạn ở tòa nhà trắng một mặt tăng cường đầu tư vào miền Nam, phát triển một số ngành công nghiệp phục vụ chiến tranh và một số ngành công nghiệp khai thác, công nghiệp nhẹ nhằm dùng nguyên liệu và nhân công rẻ mạt tại chỗ để làm giàu trên mồ hôi và máu của công nhân lao động miền Nam. (Bọn chúng đã trao 1.600.000 đô-la cho cái gọi « trung tâm khuyến khích kỹ nghệ » của chính quyền bù nhìn để đầu tư vào công ty dệt Vimytex). Một mặt khác, chúng quân sự hóa nền kinh tế miền Nam, hướng mọi hoạt động kinh tế miền Nam vào mục đích phục vụ chiến tranh. Chúng buộc các công ty, xí nghiệp phải sản xuất các hàng chiến lược, như công ty dầu Shell, Esso, Caltex phải đảm bảo cung cấp dầu cho các loại máy bay, các loại xe vận tải ; công ty gỗ Tân-mai phải sản xuất gỗ cung cấp cho quân đội ; công ty dệt Vimytex, Vinatexco, riêng năm 1962 phải bán cho quân nhu 70 vạn thước ka-ki để may quần áo cho dân vệ... Đáng chú ý nữa là ngay sau khi lật đổ Diệm, để đảm bảo việc thực hiện tăng cường chiến tranh, bọn xâm lược Mỹ đã ra lệnh cho bọn tay sai ban hành chính sách « tổng động viên toàn bộ binh lực quốc gia » để phục vụ cho cuộc « chiến tranh chống cộng ». Các xí nghiệp công quản của ngụy quyền, các công ty quân sự làm các đường chiến lược, các căn cứ quân sự, kho xăng của bọn tư bản lũng đoạn Mỹ đã được lệnh phải « huy động khả năng tại chỗ » tức là phải bóc lột thậm tệ sức lao động của công nhân để phục vụ cho « nhu cầu quân sự ». Chính sách kinh tế chiến tranh này của Mỹ đã gây bao đau khổ cho công nhân, lao động miền Nam. Chỉ tính riêng năm 1962 số người thất nghiệp thường xuyên đã chiếm 40% tổng số công nhân lao động miền Nam.

Trước tình hình đó, giai cấp công nhân miền Nam đã hướng mũi nhọn của cuộc đấu tranh vào đế quốc Mỹ, bè lũ tay sai và bọn tư bản lũng đoạn cầm đầu các công ty, nhằm làm thất bại hoặc hạn chế các kế hoạch quân sự Mỹ. Ví như ngay sau khi đế quốc Mỹ tiến hành « cuộc chiến tranh đặc biệt » ở miền Nam thì cuộc bãi công của 400 công nhân thuộc 4 cơ sở của hãng dầu Stanvac Mỹ đã nổ ra và kéo dài trên 3 tháng, làm tê liệt 100 trạm bán dầu,

(1) Bản tổng kết về phong trào công nhân lao động của Ban chấp hành Liên hiệp Công đoàn giải phóng miền Nam nhân dịp ngày kỷ niệm 4 năm ngày thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng.

làm ngừng trệ việc cung cấp dầu cho máy bay phản lực Mỹ, làm cho chủ Mỹ thiệt hại 5 triệu đồng miền Nam. Từ sau cuộc đấu tranh này, hàng loạt các cuộc đấu tranh của công nhân liên tiếp diễn ra ở trong các xí nghiệp, công ty của Mỹ—ngụy. Chỉ trong 4 tháng đầu năm 1963 đã có hàng vạn công nhân, viên chức trong các công ty dầu lửa, ngân hàng của bọn tư bản lũng đoạn Mỹ, và các « xí nghiệp công quản » của ngụy quyền Sài-gòn, như Công ty « công quản » ô-tô buýt, nhà máy xay gạo Chợ lớn, các ngành hàng hải, ngành quân trang, các nhà băng Mỹ, công ty điện nước... đã liên tiếp đấu tranh đòi tăng lương, chống chính sách bóc lột tàn tệ của Mỹ—ngụy. Trước sức mạnh đoàn kết đấu tranh của công nhân, Mỹ—ngụy đã phải tăng lương 8% cho công nhân nhiều « xí nghiệp công quản » và bồi thường thiệt hại cho công nhân trên 4 triệu đồng miền Nam (1).

Sang năm 1964, nhiều cuộc đấu tranh khác lại kế tiếp nổ ra, gây cho địch nhiều thiệt hại. Cuộc đấu tranh của công nhân hãng dầu Mỹ SVOC, Shell, Caltex đã làm ngừng trệ việc cung cấp dầu xăng cho các đơn vị không quân, cơ giới của địch đi càn quét, khủng bố nhân dân. Cuộc bãi công của công nhân hãng « Vô tuyến viễn thông » làm tê liệt việc liên lạc điện thoại giữa Sài-gòn và các tỉnh, cũng như giữa Sài-gòn với nước ngoài trong 20 giờ. Cuộc đình công của công nhân giao thông Gia-định kiên quyết không sửa đường số 7 để cản trở binh sĩ địch đi càn quét khủng bố nông dân. Công nhân xi-măng Hà-tiên, lò vôi Long-thọ (Huế) và nhiều xưởng ngói, gạch cũng đã bãi công, làm ảnh hưởng đến kế hoạch xây dựng đồn bốt, công sự của địch. Công nhân xây dựng đập thủy điện Đa-nhim liên tiếp đình công nhiều tháng, làm cho kế hoạch của địch sử dụng thủy điện này vào mục đích quân sự bị phá sản. Cuộc đình công của hàng ngàn công nhân khuôn vác ở cảng Sài-gòn ngày 19-7-64 làm tê liệt mọi hoạt động bến cảng Sài-gòn; chiếc tàu Mỹ mang tên tổng thống Mác-kin-li chở nhiều xe quân sự đến cho bọn Mỹ dùng vào cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam đã buộc phải rời bến và 10 tàu khác phải nằm chờ tại bến.

Công nhân, lao động miền Nam không những tiến công địch ở trong những công ty, « xí nghiệp công quản » của chúng, mà còn trực tiếp tiến công địch ngay ở giữa thành phố Sài-gòn. Ngày 5-5-1964, 12.000 công nhân lái xe tắc-xi ở Sài-gòn biểu tình phản đối bọn Mỹ giết hại 3 công nhân. Ngày 6-5-1964, đám tang anh Nguyễn Văn Bầy (một trong 3 công nhân

lái xe tắc-xi bị Mỹ giết hại) là một cuộc biểu tình khổng lồ chống Mỹ. Nghiệp đoàn công nhân Tắc-xi Sài-gòn, — Chợ-lớn, Gia-định tổ chức « tuần tầy chay Mỹ » từ 15-5 đến 22-5 với khẩu hiệu: « Không chở Mỹ » « Không gần Mỹ ». Phong trào « tầy chay Mỹ », chống Mỹ—ngụy trong công nhân, lao động đã mở rộng thành phong trào quần chúng ở đô thị chống Mỹ—ngụy mạnh mẽ. Ngày 2-9-64, phong trào đấu tranh của công nhân và các tầng lớp nhân dân ở hầu hết các thành phố diễn ra với những hành động hết sức quyết liệt, như chiếm đài phát thanh « Huế, Sài-gòn » chiếm bốt Lê Văn Kèn, làm chương ngại vật. Riêng ở Sài-gòn—Chợ lớn đã có tới trên 5 vạn công nhân, hàng trăm ngàn nhân dân lao động và các tầng lớp nhân dân đô thị biểu tình, thị uy, bao vây dinh Nguyễn Khánh và buộc y phải đầu hàng trước quần chúng (2). Chỉ ngay sau đó ít ngày, ngày 21-9-1964, 20 vạn công nhân lao động Sài-gòn lại tiến hành cuộc tổng bãi công toàn diện chống Mỹ—ngụy.

c) Đặc điểm thứ ba là : sự kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ với đấu tranh chính trị và từng bộ phận tiến lên đấu tranh vũ trang. Những cuộc đấu tranh của công nhân lao động miền Nam đã nói ở phần trên chẳng những có ý nghĩa về mặt kinh tế mà còn có ý nghĩa to lớn về mặt chính trị, quân sự. Thông qua những cuộc đấu tranh đó, giai cấp công nhân miền Nam vừa nhằm làm thỏa mãn những yêu cầu bức thiết về dân sinh, dân chủ, vừa nhằm hạn chế hoặc làm thất bại những kế hoạch xâm lược của Mỹ. Đi đôi với những cuộc đấu tranh này, giai cấp công nhân miền Nam còn đẩy mạnh những cuộc đấu tranh chính trị; kết hợp đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ với đấu tranh chính trị. Năm 1962, ngoài việc tiếp tục đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ, công nhân lao động miền Nam còn đẩy mạnh đấu tranh chống lập « khóm, phường, ấp chiến lược », chống bắt phu, bắt lính, chống quân sự hóa công nhân, viên chức, chống sự chèn ép của bọn tư bản lũng đoạn Mỹ—ngụy, đòi chấm dứt khủng bố... Nổi bật nhất là cuộc đấu tranh của hàng vạn công nhân xích-lô ở Sài-gòn, — Chợ lớn, Gia-định đã liên minh với chủ đấu tranh chống tư bản Mỹ câu kết với Trần Lệ Xuân âm mưu đem xe Lăm-bơ-rét-ta

(1) Nhân dân 2-5-1963.

(2) Thông báo của Liên hiệp Công đoàn giải phóng miền Nam Việt-nam nhân dịp kỷ niệm 1-5-1966.

thay xe xích-lô (1). Năm 1963, chỉ tính trong 5 tháng đầu năm, đã có hơn 100 cuộc đấu tranh của công nhân lao động ở Sài-gòn — Chợ-lớn đòi cải thiện đời sống, đòi tự do dân chủ, tự do nghiệp đoàn, chống Mỹ xâm lược Việt-nam, chống lập «khóm chiến lược» «khu công nông», chống cáo nhà, cướp đất. Năm 1964, sau hội nghị công đoàn toàn miền Nam hồi tháng 7-1964, công nhân lao động ở các đồn điền miền Nam đã khéo kết hợp các khẩu hiệu đòi tăng lương, chống đàn áp khủng bố, chống bắt xấu, bắt lính, nên phong trào đấu tranh phát triển mạnh mẽ, sôi nổi. Trong năm 1964, công nhân lao động miền Đông Nam-bộ đã mở 1.500 cuộc đấu tranh bao gồm trên 112.000 lượt người tham gia với khẩu hiệu đòi tăng lương, cải thiện đời sống, chống sa thải công nhân, chống đàn áp, khủng bố, chống bắt xấu, bắt lính, đòi Mỹ rút về nước (2).

«Đấu tranh quân sự kết hợp với đấu tranh chính trị, đó là hình thức cơ bản của bạo lực cách mạng ở miền Nam hiện nay» (3). Hình thức đó đã và đang được giai cấp công nhân và nhân dân miền Nam vận dụng một cách sáng tạo.

Ở các đồn điền, từ 1961 — 1964, công nhân, lao động đã dùng đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự để phá thế kìm kẹp, phá «áp chiến lược» của địch, chống bắt xấu, bắt lính, đòi các quyền dân sinh, dân chủ. Hội nghị đại biểu của trên 6.000 công nhân thuộc 156 đồn điền họp cuối tháng 3-1965 do Hội lao động giải phóng miền Đông Nam-bộ tổ chức đã đánh giá phong trào đấu tranh của công nhân đồn điền như sau: «Phong trào công nhân ở các đồn điền trong năm qua chẳng những phát triển mạnh mẽ về mặt đấu tranh chính trị mà cả về mặt đấu tranh vũ trang, quản lý tốt các đồn điền». Chỉ riêng ở một số đồn điền miền Đông Nam-bộ, trong 6 tháng đầu năm 1965, công nhân đã tiến hành 121 cuộc đấu tranh chính trị lớn với trên 110.000 lượt công nhân tham gia, đánh địch 31 trận, giết chết 31 tên địch, lôi kéo được 111 binh sĩ ngụy trở về với cách mạng (4).

Ở thành thị, công nhân lao động cũng tấn công địch bằng hai quả đấm: đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang. Tại Đại hội Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam lần thứ hai (1-1-1964), ông Huỳnh Tấn Phát đã khẳng định rằng: «Bên cạnh phong trào đấu tranh chính trị ở các đô thị của nhân dân ta đang ở thế tấn công hợp pháp mạnh mẽ hơn bao giờ hết và có tác dụng tấn công trực diện địch, đồng thời phân hóa, cô lập chúng ngày càng thêm nặng nề, còn có một phong

trào có tính chất bất hợp pháp đối với địch, mạnh mẽ, đi đến hình thức cao của nó là hoạt động vũ trang». Thật vậy, cùng với các lực lượng vũ trang cách mạng, công nhân, lao động ở đô thị đã lập nên những chiến thắng lừng lẫy: đánh chìm chiếc hàng không mẫu hạm Ca-đơ của Mỹ (2-5-1964), đánh sập tòa nhà Bơ-rinh-co, diệt 150 tên Mỹ (2-5-1964). Theo số liệu chưa đầy đủ, trong 5 năm (1961—1965), các cơ sở vũ trang của công nhân lao động ở đô thị miền Nam đã 120 lần phối hợp với lực lượng vũ trang giải phóng tấn công địch, gây cho địch nhiều thiệt hại (5).

d) Đặc điểm thứ tư là: sự phối hợp đấu tranh giữa công nhân trong ngành, giữa công nhân khác ngành, giữa công nhân đô thị và nông thôn, giữa công nhân với các tầng lớp nhân dân khác, tạo thành một mặt trận liên hoàn, dồn kẻ địch vào thế bị động

Đoàn kết dân tộc, đoàn kết giai cấp để chống kẻ thù chung là truyền thống của giai cấp công nhân ta. Truyền thống tốt đẹp, quý báu này đã và đang được phát huy mạnh mẽ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam. Tờ báo *Tiếng Chuông* số ra ngày 25-2-1961 cũng đã phải thừa nhận rằng: «Người ta thường thấy có những công nhân dù đang thất nghiệp cũng sẵn sàng ủng hộ tinh thần cho những bạn đồng nghiệp đang theo đuổi một cuộc tranh chấp chính đáng. Nói cách khác, nhiều người đã đem tâm huyết mà ủng hộ cả những người bạn không quen».

Trải qua quá trình đấu tranh gay go, quyết liệt chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, ý thức đoàn kết giai cấp, đoàn kết dân tộc của giai cấp công nhân miền Nam cũng phát triển với

(1) Ngày 8-3-62 chính quyền Diệm ra lệnh «cấm xe xích-lô chở khách trong thành phố Sài-gòn—Chợ lớn» nhằm thay thế xích-lô bằng loại xe Lăm-bơ-rét-ta, loại xe ba bánh thừa ế của hãng Vinaco — một hãng nhập cảng lớn độc quyền vận tải ở miền Nam.

(2) Báo *Lao động* 29-4-1965.

(3) Trương Chinh — *Đời đời nhớ ơn Các Mác và đi theo con đường Các Mác đã vạch ra*, Sự thật xuất bản 1968, tr. 53.

(4) Thông báo của Liên hiệp Công đoàn giải phóng miền Nam về thành tích 5 năm đấu tranh cách mạng của công nhân lao động miền Nam.

(5) Thông báo của Liên hiệp Công đoàn giải phóng miền Nam về thành tích 5 năm đấu tranh cách mạng của công nhân lao động miền Nam.

mức độ cao hơn. Nó không còn đóng khung trong các hình thức tiêu cực, không còn bó hẹp trong phạm vi từng xí nghiệp, đồn điền mà đã nâng cao bằng những hành động liên hiệp đấu tranh giữa công nhân và nông dân, học sinh, sinh viên; giữa xí nghiệp và đồn điền bằng những hành động cách mạng. Cuối năm 1963, khi công nhân hãng dệt Vimytex bãi công, thì 10 vạn công nhân thuộc 40 nghiệp đoàn Sài-gòn - Chợ lớn lên tiếng ủng hộ, quyên góp trên 52.000 đồng miền Nam giúp đỡ công nhân bãi công. Khi cuộc bãi công của 2.000 công nhân hãng dệt Vinatexco bùng nổ (17-1-1964), thì Hội lao động giải phóng miền Tây, miền Trung Nam-bộ và tỉnh Cà-mau, 21 nghiệp đoàn Sài-gòn, công nhân các đồn điền Dầu-tiếng, Bình-sơn đã liên tiếp đấu tranh, tố cáo Mỹ và tay sai đàn áp dã man công nhân hãng dệt Vinatexco; và quyên góp 1 triệu đồng giúp đỡ những người bãi công. Khi 3 công nhân tặc-xi Sài-gòn bị Mỹ giết hại thì lập tức 12.000 công nhân tặc-xi Sài-gòn và công nhân các ngành vận tải khác tổ chức biểu tình chống Mỹ suốt một tuần; 2.000 nông dân Chợ-lớn cũng tràn vào thị xã đấu tranh chống Mỹ, hô vang các khẩu hiệu: «Đả đảo bọn Mỹ xâm lược». Khi cuộc tổng bãi công toàn diện ngày

21-9-64 của 20 vạn công nhân lao động Sài-gòn còn đang tiếp diễn, 60.000 công nhân cao-su tuyên bố sẵn sàng kéo về Sài-gòn hiệp sức đấu tranh; anh em sinh viên cũng ra kiến nghị ủng hộ công nhân đấu tranh...

Sự phối hợp chặt chẽ giữa phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân lao động với phong trào chung đã tạo nên một sức mạnh, đập tan mọi kế hoạch thâm độc của kẻ thù, đẩy chúng càng lún sâu vào thế bị động, thất bại. Bản thông báo của Liên hiệp công đoàn giải phóng về thành tích 5 năm đấu tranh của công nhân lao động miền Nam đã khẳng định: «Phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân lao động miền Nam đang biểu thị một khí thế sức sôi cách mạng, ngày càng liên kết chặt chẽ với phong trào chung của các tầng lớp nhân dân đô thị và đang đóng vai trò nòng cốt làm cho đô thị và đồn điền, hậu phương an toàn cho địch chẳng những luôn luôn bị khuấy động mà còn bị đánh những đòn đau điếng. Phong trào cách mạng của công nhân lao động lại không ngừng kết chặt với phong trào to lớn của anh chị em nông dân đã làm cho địch đi từ thất bại này đến thất bại khác, sa lầy đến tận bùn đen» (1).

II. CÔNG NHÂN MIỀN NAM TRONG GIAI ĐOẠN «CHIẾN TRANH CỤC BỘ» ĐANG DIỄN

A. Những điều kiện mới của phong trào công nhân miền Nam.

Từ giữa năm 1965, trước sự phá sản của «chiến tranh đặc biệt» đế quốc Mỹ đã điều chỉnh tiến hành cuộc «chiến tranh cục bộ», đưa quân ồ ạt vào chiếm đóng các đô thị, đồn điền, công khai điều khiển mọi hoạt động của ngụy quân, ngụy quyền.

Sự có mặt của quân đội viễn chinh Mỹ ở các thành thị miền Nam là một biến cố lớn, gây ra nhiều sự đảo lộn về mọi mặt trong đời sống của nhân dân miền Nam. Nạn cướp đất, đuổi nhà để xây dựng các căn cứ quân sự, bến tàu, sân bay; nạn bắt lính, bắt phu, lạm phát giấy bạc, khan hiếm hàng hóa; nạn thất nghiệp trầm cấp, lưu manh, côn đồ và mọi tệ nạn khác do chính sách tăng cường chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ gây nên đã đè nặng lên đầu nhân dân các thành thị miền Nam, đặc biệt là công nhân lao động. Ông Phan Xuân Thái, chủ tịch Liên hiệp Công đoàn Giải phóng miền Nam đã vạch rõ: «Từ khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh xâm lược miền Nam, hàng hóa Mỹ ế tràn ngập thị trường làm cho

nền kinh tế miền Nam càng thêm suy sụp. Nhiều ngành sản xuất bị bóp chết, nhiều nhà tư sản kinh doanh công thương bị phá sản. Ngoài những xí nghiệp phải đóng cửa vì thua lỗ, hàng trăm xí nghiệp khác bị đuổi hay bị chiếm để nhường đất cho việc xây dựng căn cứ quân sự, trại lính và nhà cửa cho quân Mỹ, hàng trăm đồn điền phải ngừng kinh doanh vì những cuộc càn quét khủng bố. Ở một số xí nghiệp và công trường khác lấy lý do kỹ thuật hoặc an ninh, bọn chủ Mỹ đã giãn công hàng loạt công nhân, hàng vạn công nhân để thay vào bằng người Nam Triều-tiên hoặc Phi-luật-tân hay lính Mỹ. Do đó nạn thất nghiệp và bán thất nghiệp ở miền Nam vốn đã trầm trọng lại càng thêm trầm trọng» (1). Chỉ tính đến tháng 2-1966, riêng ở Sài-gòn đã có tới 30 vạn

(1) Đăng trên báo *Thống nhất* 20-12-1965.

(2) Tham luận đọc tại Đại hội bất thường của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam để thông qua Cương lĩnh của Mặt trận.

người thất nghiệp, 4 vạn người ăn mày, 7 vạn gái điếm (1).

Công nhân, lao động miền Nam chẳng những bị cảnh thất nghiệp, đói khổ thường xuyên đe dọa mà còn bị bọn tư bản lũng đoạn Mỹ—nguy bóc lột rất tàn khốc. Hãy lấy đời sống công nhân bến cảng Sài-gòn làm ví dụ. Bến cảng Sài-gòn trước đây chỉ có thể tiếp thu 250.000 tấn hàng mỗi tháng, nhưng từ mùa thu 1965 đã phải tiếp thu đến 500.000 tấn và đầu năm 1966 đã phải tiếp thu 600.000 tấn. Để đẩy mạnh việc bốc dỡ hàng phục vụ cho cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ và giải quyết nạn ứ đọng mỗi ngày 1 triệu đô-la, bọn tư bản lũng đoạn Mỹ buộc công nhân phải tăng cường độ lao động và làm việc trong những điều kiện rất khắc nghiệt. (Mỗi công nhân phải vác nặng 40 cân trở lên; đi chân đất, không có quần áo rét phòng lạnh và phải xuống làm việc trong các kho ướp lạnh dưới tàu rét 10 độ dưới không độ). Ngoài ra, công nhân lao động miền Nam lại còn bị đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai khống chế, kim kẹp và đàn áp, khủng bố rất dã man. Ngoài việc đàn áp đẫm máu những cuộc đấu tranh của công nhân, lao động, chúng đã mở nhiều cuộc can quét khốc liệt, thậm chí dùng cả máy bay B.52 trút hạ các đồn điền Thuận-lợi, Phú-riêng, và hàng chục đồn điền khác ở phía bắc Sài-gòn. Tính đến 1967, đã có hơn 5.000 công nhân bị bắt, bị thủ tiêu, trên 100.000 công nhân bị giam giữ và bị tra tấn dã man trong các nhà tù, trại tập trung trá hình (2).

Rõ ràng sự có mặt ngày càng đông của quân xâm lược Mỹ ở miền Nam chẳng những xúc phạm đến tinh thần dân tộc và chà đạp lên nhân phẩm của nhân dân miền Nam, mà còn tàn hại đến cơ cấu kinh tế, đến đời sống của mọi tầng lớp nhân dân, nhất là công nhân, lao động. Điều đó đã tạo nên những mâu thuẫn rất sâu sắc giữa bọn xâm lược Mỹ và bè lũ tay sai với mọi tầng lớp nhân dân miền Nam và hàng loạt các mâu thuẫn khác.

Nở ra từ trong những mâu thuẫn sâu sắc này, phong trào đấu tranh của công nhân miền Nam trở nên quyết liệt, mạnh mẽ chưa từng thấy.

Một điểm khác, quân Mỹ vào miền Nam Việt-nam trong lúc phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân đô thị mà nòng cốt là phong trào công nhân đã phát triển mạnh mẽ về chất cũng như về lượng; giai cấp công nhân ở đô thị và các tổ chức tiền phong của nó đã bước đầu xác lập được vai trò lãnh đạo cách mạng ở đô thị; trong lúc nguy-quần, nguy quyền đang trên đà suy sụp hoàn toàn, “cuộc chiến tranh đặc biệt”

của Mỹ đã phá sản. Trong tình hình đó, quân Mỹ vào chẳng những không ngăn cản được sự suy sụp của nguy-quần, nguy quyền mà còn tạo nên những mâu thuẫn sâu sắc, phức tạp giữa bọn chúng với nhau, và càng đẩy chúng lún sâu vào thế bị động, thất bại. Những thất bại thảm hại của đế quốc Mỹ và tay sai trên khắp chiến trường, kể cả ở đô thị; những cảnh tan rã không gì cứu vãn nổi của bọn nguy-quần, nguy quyền, cùng với những thái độ hống hách, ngang ngược, những hành động đánh đập công nhân, lao động, hăm hiếp phụ nữ của những tên xâm lược Mỹ hàng ngày diễn ra ở miền Nam, đã thức tỉnh cả những ai lâu nay còn tin ở Mỹ, sợ Mỹ hoài nghi ở thắng lợi của cách mạng. Nó cũng làm cho chủ nghĩa yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc trong công nhân, lao động phát triển mạnh mẽ. Chưa bao giờ chủ nghĩa yêu nước, tinh thần dân tộc lại được phát huy mạnh mẽ như trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hiện nay. Hiện nay, không phải chỉ có bộ phận tiên tiến, mà đông đảo mọi tầng lớp nhân dân kể cả một số người trong bộ máy nguy-quần, nguy quyền miền Nam cũng đã thấy rõ bộ mặt thật của đế quốc Mỹ và tay sai, thấy rõ con đường duy nhất để cứu nước, cứu nhà là phải cùng với công nhân lao động đứng lên chống Mỹ và tay sai, đòi quyền dân sinh, dân chủ và dân tộc, đòi chấm dứt chiến tranh xâm lược của Mỹ. “Chính tinh thần yêu nước và chống chiến tranh phi nghĩa ấy đã thúc đẩy đông đảo đồng bào thành thị, từ công nhân, lao động đến binh sĩ và nhân viên nguy-quần đứng lên đấu tranh mạnh mẽ, và bền bỉ, gạt phăng những luận điệu thỏa hiệp, phỉnh phờ của bọn cò mỗi tay sai Mỹ, chĩa thẳng mũi nhọn vào bọn xâm lược Mỹ và bọn Thiệu—Kỳ” (3). Đó là những điều kiện mới rất thuận lợi cho sự phát triển mạnh mẽ, rộng khắp của phong trào đấu tranh của công nhân lao động miền Nam.

Một điểm khác nữa cũng cần nói tới là, trong khi tiến hành cuộc “chiến tranh cục bộ” ở miền Nam, một mặt đế quốc Mỹ ra sức đẩy mạnh cuộc chiến tranh tới mức độ ác liệt hơn, nhưng một mặt khác chúng vẫn phải theo đuổi chính sách thực dân kiểu mới, vẫn phải luồn quân trong các mối mâu thuẫn, bị động giữa nội dung độc tài, phát-xít và hình thức độc

(1) Nhân dân 12-2-67.

(2) Việt-nam thông tấn xã 14-12-67.

(3) Thông báo của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam về thắng lợi 6 tháng đầu năm 1966.

lập, dân chủ giả hiệu; giữa đàn áp, khủng bố tàn khốc và mị dân; giữa chiến tranh xâm lược và hòa bình... Đây là chỗ yếu, chỗ mâu thuẫn cơ bản của chính sách thực dân kiểu mới của Mỹ mà giai cấp công nhân miền Nam đã biết lợi dụng để đẩy mạnh những cuộc đấu tranh chính trị với qui mô to lớn, với khẩu hiệu đấu tranh ngày càng cao.

B. Phong trào đấu tranh của công nhân miền Nam trong giai đoạn «chiến tranh cục bộ» đang diễn.

1. Phong trào công nhân, lao động miền Nam từ giữa năm 1965 đến hết năm 1967. Từ đầu năm 1965, nhất là từ giữa năm 1965, trước việc đế quốc Mỹ ồ ạt đưa quân vào chiếm đóng các đô thị và đồn điền, phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân các đô thị miền Nam mà nòng cốt là phong trào công nhân đã phát triển thành phong trào quần chúng chống Mỹ mạnh mẽ. Từ hơn nửa triệu người tham gia trong tháng 3-1966, phong trào đấu tranh của đồng bào các thành thị miền Nam đòi lật đổ bọn Thiệu-Kỳ, chống chính sách xâm lược của đế quốc Mỹ, đòi chủ quyền độc lập, dân sinh, dân chủ tăng vọt lên gần 1 triệu trong tháng 4-1966 (1).

Trong cao trào đấu tranh sôi sục đó, giai cấp công nhân miền Nam vẫn đứng ở hàng đầu và phong trào công nhân vẫn là phong trào cao nhất trong các phong trào ở đô thị.

Nổi ra trong lúc đế quốc Mỹ ồ ạt đưa quân vào chiếm đóng các thành thị, tiến hành những cuộc đàn áp khủng bố đã man chống lại nhân dân miền Nam; trong lúc bọn nguy quân, nguy quyền suy sụp nhanh chóng trước những thắng lợi to lớn, dồn dập của quân dân miền Nam, phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân lao động miền Nam đã mang những đặc điểm sau đây.

a) Đặc điểm thứ nhất là những cuộc đấu tranh chống chính sách mở rộng chiến tranh xâm lược của Mỹ, đòi Mỹ rút khỏi miền Nam diễn ra trên một qui mô rộng lớn, quyết liệt.

Ở trên đã nói, do chính sách tăng cường và mở rộng chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, đời sống của mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là công nhân lao động vô cùng điêu đứng. Trước tình hình đó, giai cấp công nhân miền Nam đã nêu cao khẩu hiệu dân tộc, dân chủ, dân sinh, đó là những khẩu hiệu bức thiết nhất của mọi tầng lớp nhân dân ở đô thị. Một phong trào đòi tăng lương, hạ giá sinh hoạt, chống tình trạng khan hiếm thực phẩm, chống đàn thợ, đuổi thợ, đòi một số quyền tự do dân chủ bùng lên mạnh mẽ. Phong trào đặc biệt

sôi nổi ở Sài-gòn — Chợ lớn, Gia-định. Chỉ tính trong 4 tháng (từ tháng 6-10-1965) đã có hơn 20 cuộc đấu tranh lớn đòi tăng lương, hạ giá sinh hoạt, chống đàn thợ, đuổi thợ, đòi tự do nghiệp đoàn, tự do hội họp. Tại các đồn điền cao-su miền Đông Nam-bộ trong 9 tháng đầu năm 1965, công nhân đã liên tục tiến hành 260 cuộc đấu tranh đòi tăng lương, cải thiện đời sống và cải thiện chế độ làm việc (2). Trong 3 tháng đầu năm 1966, riêng ở Sài-gòn — Chợ lớn đã có tới 125 cuộc đấu tranh của công nhân, lao động đòi quyền dân sinh, dân chủ, chống chính sách xâm lược của Mỹ (3). Ở đây, có một điều cần nhấn mạnh là trong tình hình quân Mỹ nhảy vào chiếm đóng các đô thị, làm cho mọi sinh hoạt kinh tế, chính trị, văn hóa của mọi tầng lớp nhân dân miền Nam lâm vào chỗ nguy ngập thì hơn lúc nào hết, công nhân lao động và nhân dân thành thị hiểu rằng *đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ không thể tách rời đấu tranh chống chính sách mở rộng chiến tranh xâm lược của Mỹ, đòi Mỹ rút khỏi miền Nam...* Do đó đã có rất nhiều cuộc đấu tranh đã nêu cao khẩu hiệu chống Mỹ. Ngay cuộc đại hội của 20 nghiệp đoàn Sài-gòn Chợ lớn hồi cuối tháng 3-1966 cũng đã nêu các khẩu hiệu đòi chấm dứt chiến tranh xâm lược, đòi ngừng khủng bố ở nông thôn để đảm bảo an ninh và sản xuất. Ở đâu có quân Mỹ chiếm đóng là ở đó diễn ra những cuộc đấu tranh trực diện, quyết liệt chống Mỹ — nguy. *Khẩu hiệu chống Mỹ, cứu nước đã trở thành khẩu hiệu hành động của công nhân, lao động miền Nam.* Một phong trào chống chính sách xâm lược của Mỹ, đòi Mỹ rút khỏi miền Nam Việt-nam đã dâng lên ở nhiều thành phố nhất là ở Đà-nẵng, Sài-gòn. Ngay từ tháng 3-1965, khi liên đoàn tên lửa Mỹ «Hốc» (Hawk) và những đơn vị lính thủy đánh bộ Mỹ kéo đến Đà-nẵng thì một phong trào chống Mỹ đã dâng lên khắp thành phố. Nhiều cuộc đấu tranh của công nhân liên tiếp diễn ra với khẩu hiệu: «Chúng tôi cần chim bồ câu chứ không cần điều hâu» (tên gọi các tên lửa Mỹ). Ngày 1-5-1966, bất chấp lưỡi lê, súng đạn và mọi sự kim kệp gắt gao của Mỹ — nguy, khoảng 1 vạn công nhân, nông dân và nhân dân lao động Sài-gòn đã xuống đường biểu tình, diễu hành qua các đường phố, bao vây sứ quán Mỹ. Phất cao ngọn cờ đấu tranh cho độc lập dân tộc cho tự do dân chủ, cơm áo hòa bình, công

(1) Nhân dân 14-5-1966.

(2) Nhân dân 4-12-1965.

(3) Việt-nam thông tấn xã 15-4-1966.

nhân, lao động miền Nam hiểu rõ hơn ai hết là phải gắn liền khẩu hiệu đấu tranh cho dân sinh, dân chủ với khẩu hiệu chống Mỹ. Họ thét vang các khẩu hiệu: « Phản đối việc dùng bom đạn, vũ khí giết hại nhân dân một cách bừa bãi », « Phản đối việc dùng chất độc hóa học để giết gia súc và mùa màng ở nông thôn », « Phải giải quyết nạn lạm phát và đời sống đắt đỏ ». « Các vấn đề Việt-nam phải do người Việt-nam giải quyết », « Mỹ cút đi ».

Tiếp theo cuộc đấu tranh chống Mỹ, quyết liệt này, hàng loạt các cuộc đấu tranh khác lại kế tiếp nổ ra tại Sài-gòn và các thành phố khác. Chỉ trong 3 tháng 7, 8, 9 năm 1966, riêng ở quận 1, 4, 7, 8 trong thành phố Sài-gòn đã có 48 cuộc đấu tranh với 1 vạn công nhân tham gia, trong đó có nhiều cuộc đấu tranh kéo dài, quyết liệt như cuộc đấu tranh của công nhân hãng thuốc lá Mitac, cuộc bãi công suốt một tuần lễ của công nhân vận tải đường sông (1).

Sang năm 1967, phong trào đấu tranh của công nhân lao động đòi quyền dân sinh, dân chủ, chống đàn áp, khủng bố, chống bắt phu, bắt lính, chống chính sách tăng cường mở rộng chiến tranh xâm lược của Mỹ vẫn phát triển mạnh mẽ. Chỉ từ 1-5-1966 đến 1-5-1967 riêng ở Tân-an — Chợ-lớn đã có trên 1 vạn công nhân ở khắp các thị trấn, thị xã tổ chức hàng ngàn cuộc đấu tranh trực tiếp với chủ hãng và các cấp chính quyền nguy đòi tăng lương, giải quyết nạn sinh hoạt đắt đỏ, chống đàn áp, khủng bố, bắt xấu, bắt lính, chống đuổi nhà, gom dân (2). Ở đồn điền, có nhiều cuộc đấu tranh diễn ra quyết liệt, lôi kéo hàng vạn công nhân tham gia, như cuộc bãi công toàn diện 24 giờ ngày 31-7-1967 của 40 ngàn công nhân đồn điền cao-su miền Nam đòi tăng lương.

b) Đặc điểm thứ hai là mũi nhọn của cuộc đấu tranh chuyển thẳng vào các cơ sở hậu cần của Mỹ.

Tinh thần chống Mỹ, quyết liệt của phong trào công nhân miền Nam còn thể hiện ở chỗ mũi nhọn của cuộc đấu tranh chuyển thẳng vào bọn tư bản lũng đoạn Mỹ, vào các cơ sở hậu cần của Mỹ. So với các năm trước đây, các cuộc đấu tranh của công nhân nổ ra tại các cơ sở hậu cần, kinh tế, quân sự của địch trong những năm 1966 — 1967 nhiều hơn và với qui mô lớn, huy động hàng vạn công nhân tham gia. Vì sao lại như vậy?

Mọi người đều biết rằng, từ năm 1965, nhất là từ 1966, để thực hiện âm mưu mở rộng

chiến tranh xâm lược miền Nam, phá hoại miền Bắc nước ta, đế quốc Mỹ ráo riết xây dựng những căn cứ quân sự dọc theo bờ biển, xây dựng và mở rộng quần cảng, sân bay. Hàng vạn công nhân đã được tập trung ở trên 100 công trình xây dựng quân sự của Mỹ. Ở đây, thông qua bọn chủ hãng thầu RMK — BRJ và các công ty tư bản lũng đoạn khác, đế quốc Mỹ và tay sai đàn áp, bóc lột công nhân Việt-nam. Dựa vào chiến tranh và bằng cách bóc lột tàn nhẫn công nhân lao động miền Nam, bọn tư bản lũng đoạn Mỹ đã thu những món lợi kếp sù. Dưới đầu đề « Đồng tiền đầm máu trong cuộc chiến tranh ở Việt-nam », tờ báo Mỹ « Người quan sát » số ra ngày 23-7-1966 đã viết: « Nếu cuộc chiến tranh ở Việt-nam tiếp tục thì lợi nhuận của các công ty tư bản Mỹ sẽ đạt tới mức chưa từng có. Trong năm 1965, trên 35 công ty Mỹ doanh thu 45 triệu đô-la ở Nam Việt-nam và to-rót khổng lồ Mỹ về xây dựng đã làm xong một công trình xây dựng cảng và sân bay đáng giá 500 triệu đô-la. Tỷ lệ lợi nhuận của các công ty tư bản Mỹ kinh doanh ở miền Nam Việt-nam từ 20 — 30% ; cơ quan viện trợ AID lại bảo đảm cho khi thua lỗ, khi giá bạc thay đổi hoặc có chiến tranh cách mạng ».

Trong tình hình đó, giai cấp công nhân miền Nam đã đẩy mạnh cuộc tấn công chính trị vào các cơ sở hậu cần của Mỹ để vừa hạn chế các cố gắng về mặt quân sự của chúng vừa buộc chúng phải thỏa mãn những yêu cầu tối thiểu về đời sống của mình. Chỉ riêng tại hãng thầu Mỹ RMK — BRJ trong năm 1965 — 1966 đã có tới 40 cuộc đấu tranh lớn của công nhân người Việt, đây là chưa kể tới hàng trăm vụ trừng trị bọn Mỹ, chủ thầu và tay sai miệt thị, hành hạ công nhân người Việt. Ngày 30-6-1965, trước những việc đế quốc Mỹ ở lại đưa quân vào Đà-nẵng, 300 công nhân khuôn vác ở bến tàu Đà-nẵng đã nhất loạt bãi công suốt 7 ngày, không bốc dỡ vũ khí cho giặc Mỹ. Tháng 7-1965, hàng ngàn công nhân Đà-nẵng lại cự tuyệt không bốc dỡ vũ khí Mỹ. Đáng chú ý là, ngày 20-7-1965, 2.800 công nhân sân bay Trà-nóc (Cần-thơ) bãi công. Bọn Mỹ đưa một tiểu đoàn đến đàn áp, nhưng công nhân đã đấu tranh quyết liệt và tranh thủ được sự đồng tình của một số binh lính này. Cũng trong thời gian này, hàng ngàn công nhân xi-măng Hà-tiên, hàng vạn công nhân ở căn cứ quân sự

(1) Việt-nam thông tấn xã 16-12-1966.

(2) Việt-nam thông tấn xã 10-5-1967.

Cam-ranh, Đà-nẵng của Mỹ cũng đình công, đòi tăng lương, cải thiện đời sống, chống áp bức, bóc lột làm ảnh hưởng đến kế hoạch quân sự của địch.

Phong trào đấu tranh được đẩy lên mạnh mẽ từ tháng 4-1966 bằng cuộc bãi công của công nhân xây dựng cảng Sài-gòn chống chính sách khinh miệt chủng tộc và thái độ đối xử tàn tệ của bọn Mỹ. Cuộc đấu tranh này đã kéo theo cuộc tổng bãi công của toàn bộ 5.000 công nhân lao động làm việc cho hãng RMK — BRJ gồm thợ máy, thợ mộc, thợ đúc, thợ nguội, lái xe ở rải rác các cơ sở của hãng này ở Sài-gòn. Đầu tháng 5-1966, công nhân quân cảng Sài-gòn lại bãi công. Hưởng ứng cuộc bãi công này, ngày 16-5-1966, 50.000 công nhân thuộc các nghiệp đoàn khuôn vác, dệt, may xay gạo, dầu ở Sài-gòn bãi công đòi Mỹ — Thiệu Kỳ phải thả tất cả số công nhân hăng dệt Nam-hòa đã bị chúng bắt giữ.

Đỉnh cao nhất của các cuộc đấu tranh của công nhân lao động trong thời gian này là cuộc bãi công ngày 21-6-1966 của 15.000 công nhân Việt-nam làm tại trên 10 công trường xây dựng quân sự Mỹ ở Cam-ranh, Đà-nẵng, Chu-lai, Quy-nhon, Tân-sơn-nhất, Biên-hòa. (Ngày 21-6: 7.000 công nhân hãng RMK — BRJ tại các công trường xây dựng các sân bay Biên-hòa, Tân-sơn-nhất, và cảng Sài-gòn bãi công. Đến ngày 21-6 số công nhân tham gia bãi công lên tới 15.000). Đây là một cuộc bãi công lần thứ tư (kể từ 4-1966) và là cuộc bãi công lớn nhất của công nhân hãng RMK — BRJ (Các lần trước số công nhân bãi công chỉ xấp xỉ trên dưới 5.000 công nhân; lần này lên tới 15.000 bằng gần nửa số công nhân của hãng này) (1). Nó nổ ra ngay sau khi Mỹ và Thiệu — Kỳ công bố phá giá đồng bạc. Nó chẳng những được công nhân làm việc tại nhiều hãng tư bản Mỹ ở miền Nam, trong đó có công nhân hãng dầu Caltex bãi công toàn diện để hưởng ứng, mà lại còn được gần 1.000 công nhân người Phi-líp-pin và Nam Triều-tiên làm việc tại hãng RMK — BRJ cùng phối hợp đấu tranh. Bằng các khẩu hiệu đấu tranh đòi tăng lương, chống đuổi thợ, chống đàn áp, cuộc bãi công này đã tố cáo mạnh mẽ chính sách đàn áp dã man, khinh miệt dân tộc của bọn xâm lược Mỹ, và đánh một đòn đau vào chính sách mở rộng chiến tranh xâm lược của Mỹ. Theo hãng UPI ngày 24-6-1966 thì cuộc bãi công này đã làm tê liệt trên 10 công trình quân sự thuộc loại ưu tiên nhất của Mỹ tại những đường bay mới cho máy bay phản lực và máy bay vận tải hạng lớn dài 3.000 mét ở Tân-sơn-nhất và Biên-hòa và các công trình có liên quan; tại một sở thí nghiệm

phim ảnh trinh sát; một trung tâm tình báo; một trung tâm hành quân chiến thuật mới được xây dựng ở Tân-sơn-nhất; một công trường khai thác đá trên đường Biên-hòa — Sài-gòn; kho cung cấp nguyên liệu xây dựng lớn của liên công ty RMK — BRJ gọi là kho « Ai-xlen »; tòa nhà mới của sứ quán Mỹ; bệnh viện dã chiến Mỹ; bến số 1 ở cảng Sài-gòn là nơi lực lượng Mỹ đóng bộ chỉ huy hậu cần; cơ sở chính của liên công ty RMK — BRJ.

Đợt đấu tranh của công nhân miền Nam suốt từ tháng 4—7-1966 đã có tác dụng tiếp sức và mở rộng phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân các thành thị miền Nam nổ ra từ tháng 3-1966 đòi quyền dân sinh, dân chủ, đòi Mỹ rút về nước. Nó cũng cổ vũ công nhân làm việc tại các công trường xây dựng quân sự, cơ quan hậu cần của Mỹ vùng dậy đấu tranh.

Tháng 12-1966, công nhân hãng thầu Mỹ RMK — BRJ lại đấu tranh đòi tăng lương, chống bọn Mỹ âm mưu sa thải một loạt 15.000 công nhân Việt-nam làm tại các công trường thuộc hãng thầu Mỹ ở Sài-gòn, Gia-định, Biên-hòa, Cam-ranh, Chu-lai, Đà-nẵng để thay bọn Mỹ và chur hầu vào; 42.000 công nhân Việt-nam tại hãng này quyết định đình công toàn diện nếu bọn Mỹ không chịu từ bỏ âm mưu sa thải công nhân.

Cũng trong thời gian này, trên 6.000 công nhân viên chức người Việt làm tại các cơ quan Mỹ như USAID, JUSPAO và nhiều cơ quan khác của Mỹ cũng đấu tranh đòi tăng lương 50%. Nổi bật nhất là cuộc tổng bãi công toàn diện ngày 26-12-66 của 5.000 công nhân cảng và hàng vận nhân dân lao động Sài-gòn chống chủ Mỹ sa thải 600 công nhân. Cuộc bãi công lần này là kế tiếp nhiều cuộc đấu tranh lần trước (Chỉ tính từ 4-7-1966, công nhân xây dựng cảng Sài-gòn đã tổ chức 4 cuộc đấu tranh lớn). Nó chứng tỏ sức mạnh không gì phá vỡ

(1) Hãng thầu RMK — BRJ gồm 4 công ty tư bản Mỹ nhập lại. Tổng số chuyên viên và công nhân có 58.000 người gồm 13.500 chuyên viên Mỹ và chur hầu, 45.000 công nhân Việt-nam. Hãng này sang miền Nam hoạt động từ 1961. Từ 1965, nó trở thành một tập đoàn tư bản chiến tranh có thế lực ở miền Nam. Nó độc quyền xây dựng các công trình quân sự ở miền Nam. Ở miền Nam, khối lượng xây dựng của nó mỗi tháng trong năm 1965 là 12 triệu đô-la đến năm 1966 tăng lên 25 triệu.

nổi của giai cấp công nhân Việt-nam, trực tiếp đánh mạnh vào chính sách xâm lược, áp bức, bóc lột của Mỹ. Nó làm cho nhiều khu phố Sài-gòn bị cắt điện; nhiều xí nghiệp và một số hiệu buôn bị đóng cửa, cảng Sài-gòn bị tê liệt, gần 30 chiếc tàu Mỹ cập bến bị chết đi tại chỗ không dỡ hàng lên được. Bọn xâm lược Mỹ buộc phải điều gần một ngàn quân làm nhiệm vụ khuôn vác mà không bốc dỡ được nữa số hàng bốc dỡ hàng ngày. Để uy hiếp tinh thần đấu tranh của công nhân, ngày 27-12, đế quốc Mỹ ra lệnh cho quân Mỹ thuộc sư đoàn bộ binh thứ 9 tiến vào chiếm cảng. Nhưng chúng đã thất bại. Trước sức mạnh của cuộc đấu tranh, ngày 30-12, đế quốc Mỹ đã phải nhận lại 300 trên số 600 công nhân bị sa thải và hứa thu nhận các công nhân bị sa thải chưa tìm được công ăn việc làm.

Sang năm 1967, nhiều cuộc bãi công khác lại liên tiếp nổ ra. Cuộc bãi công chiếm xưởng Ep-phen (Eifel) lãnh thầu cho nhà binh Mỹ hồi đầu năm 1967. Cuộc bãi công của 2.700 công nhân Việt-nam làm việc tại công trường kho hậu cần của quân Mỹ ở Long-binh và ở cơ quan viện trợ Mỹ nổ ra trong tháng 1 và 2-1967 đòi tăng lương, cải thiện đời sống. Cuộc bãi công của 700 công nhân hãng dầu Et-xo (Esso) của Mỹ ở Sài-gòn phản đối chủ Mỹ vô cơ đuổi 21 công nhân, được công nhân làm việc ở kho xăng Đà-nẵng, Tân-sơn-nhất, Nhà bè ủng hộ. Cuộc bãi công ngày 28-8-1967 của 1.500 công nhân làm việc tại sân bay Tân-lê (Bình-định) chống sa thải, chống đánh đập công nhân. Cuộc bãi công ngày 23-10-1967 của 300 công nhân hãng sửa chữa cầu cống Pa-e của Mỹ ở Sài-gòn đòi tăng lương, chống khủng bố. Cuộc bãi công ngày 21-12-1967 của 400 công nhân viên chức người Việt tại chi nhánh hàng không Mỹ Hãng E A-mê-ri-con Sài-gòn làm cho hoạt động của hãng này tại sân bay Tân-sơn-nhất bị ngừng trệ. Ngay sau cuộc bãi công này một ngày, toàn thể 700 công nhân Việt-nam làm tại chi nhánh hãng hàng không E A-mê-ri-ca tại Sài-gòn cũng nhất loạt bãi công đòi tăng lương... Tất cả những cuộc đấu tranh đó chẳng những có ý nghĩa về phương diện kinh tế mà còn có ý nghĩa to lớn về chính trị, quân sự.

Tóm lại, trong những năm 1965 — 1967, các cuộc đấu tranh của công nhân lao động miền Nam diễn ra không ngừng, khi lẻ lẻ, khi ồ ạt, lôi cuốn hàng chục vạn công nhân, đánh thẳng vào cơ sở kinh tế, quân sự của Mỹ — nguy, giáng cho chúng những đòn đau.

c) Đặc điểm thứ ba là các cuộc đấu tranh đã diễn ra liên tục, kéo dài, đều khắp.

Qua phần trên, chúng ta cũng đã thấy rõ các cuộc đấu tranh của công nhân lao động miền Nam trong năm 1965 — 1967 diễn ra liên tục trên một qui mô rộng lớn, đều khắp. Nó không chỉ nổ ra ở một số thành phố, xí nghiệp, bến cảng lớn mà còn nổ ra ở khắp các thị xã, khắp các xưởng máy, đồn điền ở Sài-gòn, Chợ-lớn, Gia-định, Đà-nẵng, Cà-mau, Cần-thơ, Mỹ-tho, Bình-định, Thủ-dầu-một, Biên-hòa, Tây-ninh, Bà-ri-a, Rạch-giá... Ví dụ, chỉ trong 2 tháng đầu năm 1966 đã có trên 50.000 công nhân thuộc hơn 100 xí nghiệp ở Sài-gòn, Gia-định, Biên-hòa, Rạch-giá, Cà-mau, Cam-ranh, Chu-lai, Đà-lạt... đấu tranh đòi tăng lương, chống sa thải, đòi hạ giá sinh hoạt. Đáng chú ý là trong số trên 100 xí nghiệp đó bao gồm nhiều ngành nghề khác nhau, trong đó có nhiều cơ sở chiến lược như xăng dầu, sân bay, bến tàu, vận tải cùng các ngành khác như ngân hàng, điện nước, công nghiệp thực phẩm (1).

Nhiều cuộc đấu tranh diễn ra liên tục, kéo dài, hết đợt này đến đợt khác. Cuộc bãi công liên tục từ tháng 6 — 12-1966 của 42.000 công nhân hãng thầu RMK — BRJ ở Sài-gòn, Gia-định, Biên-hòa, Cam-ranh, Chu-lai đòi tăng lương, chống đuổi thợ; cuộc đấu tranh của công nhân Việt-nam làm tại sân bay Cần-thơ, tại căn cứ Mỹ ở Lai-khe (Thủ-dầu-một) vào đồn điền cao-su Bình-hà (Bà-ri-a) kéo dài từ 10 — 26-12-1966 chống đàn áp, khủng bố và bắt làm thêm giờ; cuộc đấu tranh bền bỉ của 2.000 công nhân xí nghiệp Hiệp-hòa suốt 15 ngày đầu tháng 3-1967, buộc chủ phải tăng 15% lương; cuộc đấu tranh chống giải công của công nhân đồn điền Bến-củi (Tây-ninh) hồi đầu năm 1966 kéo dài hàng 2, 3 tháng; cuộc đấu tranh của công nhân đồn điền cao-su Dầu-tiếng diễn ra liên tục trong 2 tháng 5 và 6-1966 làm cho bọn nguy quyền các cấp hết sức bối rối; và cuộc đấu tranh kéo dài hàng năm của công nhân đồn điền cao-su Cầu-khởi (Tây-ninh)... là những bằng chứng về tinh thần chiến đấu bền bỉ, ngoan cường của công nhân lao động miền Nam.

d) Đặc điểm thứ tư là: phong trào công nhân lao động đã thật sự trở thành một mặt trận rộng rãi đoàn kết giữa công nhân xí nghiệp, cộng trình này và xí nghiệp, công trình khác, giữa công nhân đô thị và đồn điền, giữa công nhân, lao động với đồng bào nông thôn, thành thị.

(1) Nhân dân 13-3-1966.

Đây là một đặc điểm có tính chất truyền thống của giai cấp công nhân miền Nam. Nó đã được thể hiện trong quá trình đấu tranh cách mạng, trong quá trình chống Mỹ và bẻ gãy tay sai. Trong giai đoạn «chiến tranh cục bộ», truyền thống tốt đẹp ấy lại được phát huy mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Lúc này, trước âm mưu thâm độc, tàn bạo của kẻ thù, giai cấp công nhân miền Nam càng thấy rõ muốn giành thắng lợi trong đấu tranh thì phải xiết chặt đội ngũ, đoàn kết với mọi tầng lớp nhân dân. Ban chấp hành Liên hiệp công đoàn giải phóng miền Nam Việt-nam cũng đã từng nhấn mạnh vấn đề này trong lời kêu gọi ngày 1-5-1966: «Ra sức đoàn kết thống nhất, giữ vững và tăng cường đội ngũ cách mạng, nâng cao lòng căm thù cao độ giặc Mỹ và tay sai, nâng cao tinh thần quyết liệt đấu tranh cách mạng, đoàn kết với mọi tầng lớp nhân dân yêu nước, cùng đứng lên đầy mạnh đấu tranh chính trị, vũ trang, tích cực tham gia hoạt động kháng chiến, tập trung toàn bộ sức lực vào nhiệm vụ thiêng liêng của toàn dân là chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất Tổ quốc».

Chiến đấu theo phương hướng đúng đắn đó, phong trào công nhân, lao động miền Nam chẳng những đập tan mọi hành động khủng bố, chia rẽ thâm độc của kẻ thù mà còn trở thành một mặt trận rộng rãi đoàn kết chống Mỹ và tay sai. Nhiều cuộc đấu tranh đã được tổ chức thống nhất trong đồng đảo nghiệp đoàn, đồng loạt tiến công địch. Tháng 7-1966, khi 92 nghiệp đoàn vận tải họp đại hội đòi giảm thuế, giảm giá hàng, đòi tăng lương, thì lập tức 82 nghiệp đoàn ở Sài-gòn — Gia-định ra 82 thông cáo tố cáo bọn Mỹ—ngụy mở rộng chiến tranh, tăng thuế, hạ giá đồng bạc. Ngày 16-5-1966, khi một trong 117 nghiệp đoàn bao gồm 300.000 đoàn viên tuyên bố tổng bãi công, thì lập tức ngay ngày hôm đó 50.000 công nhân lao động Sài-gòn thuộc các ngành dệt, ô-tô buýt, thương cảng và ba hãng dầu Shell, Esso, Caltex nhất loạt bãi công, buộc bọn chủ hãng dệt Nam-hòa phải nhận các yêu sách. Công nhân ở nhiều xí nghiệp cũng đã phối hợp đấu tranh, giúp sức nhau bảo vệ yêu sách. Ngay sau khi chủ hãng dầu Caltex vô cớ đuổi một công nhân, nghiệp đoàn công nhân dầu lửa lên tiếng phản đối và tiếp sau đó ngày 2-7-1966, công nhân hãng dầu Caltex bãi công được các hãng dầu Esso, Shell tích cực ủng hộ. Nhiều cuộc đấu tranh của công nhân đã được các chủ xí nghiệp đồng tình, ủng hộ, ví như đầu tháng 11-1967, 1.000 công nhân và kỹ sư hãng dệt Vinatexco đã cùng liên hiệp với chủ hãng thông qua yêu sách đòi Mỹ Thiệu—Kỳ hoãn

quân dịch cho công nhân. Kết quả địch phải hoãn quân dịch cho 570 công nhân trong hãng. Đáng chú ý là nhiều cuộc đấu tranh đã được sự phối hợp chặt chẽ từ đầu theo một kế hoạch nhất định giữa công nhân đô thị và đồng bào nông thôn. Tại Vĩnh-long ngày 23-11-1966, trên 1.200 nông dân kéo vào thị xã phối hợp với gần 1.000 công nhân, lao động thị xã đấu tranh chống địch bắn phá, ném bom bừa bãi vào xóm làng, chống rải chất độc hóa học, đòi hạ giá sinh hoạt, đòi tăng lương. Ngày 1-5-1967, công nhân lao động thị xã Cần-thơ đấu tranh giành quyền lợi, thì ngày 2-5 hàng ngàn đồng bào nông thôn kéo vào chi viện. Công nhân, lao động Sài-gòn cũng xuống đường đấu tranh nêu cao khẩu hiệu chống Mỹ ném bom phá hoại sản xuất ở nông thôn.

đ) Đặc điểm thứ năm là: song song với các cuộc đấu tranh đòi các quyền dân tộc, dân sinh, dân chủ, phong trào vũ trang, tự vệ, diệt ác ôn, phá thế kìm kẹp cũng phát triển mạnh mẽ, sôi nổi.

Từ năm 1965, phong trào đấu tranh của công nhân, lao động miền Nam có sự chuyển hướng đặc biệt: đấu tranh vũ trang được đẩy mạnh và hỗ trợ đắc lực cho đấu tranh chính trị; đấu tranh vũ trang kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị, binh vận, tạo thành 3 mũi giáp công, dồn địch vào thế bị động, thất bại liên tiếp.

Ở thành thị, để hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị: chống bắt lính, đuổi nhà, cướp đất, chiếm xưởng và chặn đánh bọn cảnh sát, ác ôn đến vây ráp các khu nhà ở của công nhân để bắt lính, công nhân, lao động đã tổ chức những «đội tự vệ» tự vũ trang bằng những vũ khí thô sơ. Bên cạnh đó, họ còn thành lập những «đội xung kích», cùng phối hợp với các lực lượng vũ trang giải phóng tiến đánh sân bay, trại lính, kho tàng, diệt Mỹ trên đường phố, trong tiệm ăn, tiệm nhảy hoặc trong những căn cứ kiên cố của chúng. «Theo số liệu chưa đầy đủ, ngoài nhiều vụ lính Mỹ bị đánh như tử, toi bởi bởi bù-loong của anh thợ máy, chia khóa của anh tắc-xi, đòn gánh của chị gánh mướn, hàng trăm tên Mỹ đã bị các lực lượng tự vệ của công nhân giết chết, hàng trăm tên ác ôn bị trừng trị đích đáng. Ở đường Trần Quang Khải, bến Lê Văn Liêm, đường Hưng-phủ, Khánh-hội; ở xưởng dệt Vinatexco chỉ trong nửa tháng, cảnh sát, ác ôn đã bị trừng trị 16 tên» (1).

(1) Thông báo của Liên hiệp công đoàn giải phóng miền Nam nhân dịp kỷ niệm ngày 1-5-1966.

Ở đồn điền, cũng từ năm 1965, mở rộng và nâng cao phong trào đấu tranh chính trị, kết hợp chặt chẽ đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang và binh vận, công nhân, lao động đã giải phóng trên 200 đồn điền khỏi ách kìm kẹp của địch. Từ năm 1966, nhất là từ sau những thất bại nặng trong hai mùa khô, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai tăng cường đánh phá ác liệt vào các đồn điền. Chúng đã đưa 1 lữ đoàn Mỹ đóng chốt ở đồn điền cao-su Dầu-tiếng và thường xuyên có 2 sư đoàn cơ động hỗ trợ kết hợp với phi pháo, chất độc hóa học, bom cay càn quét, bắn phá ác liệt vào vùng này. Chỉ tính trong tháng 7-1967, chúng đã mở 125 trận càn quét, có trận huy động hàng tiểu đoàn bộ binh vào vùng đồn điền cao-su Dầu-tiếng (1). Trong tình hình này, lực lượng vũ trang công nhân lại phát triển mạnh mẽ, hoạt động đều khắp. Tháng 9-1966, các lực lượng vũ trang của công nhân đồn điền Bến-củ đã đánh thắng một trận càn của địch, diệt 40 tên Mỹ. Chỉ trong tháng 7-1967, du kích công nhân Dầu-tiếng đã đánh địch trên 100 trận, diệt 600 tên địch, trong đó có 549 Mỹ (2).

e) Đặc điểm thứ sáu là trong nhiều cuộc đấu tranh, giai cấp công nhân đã thể hiện rõ vai trò tiên phong của mình, tỏ ra một lực lượng kiên định nhất trong phong trào đấu tranh chống Mỹ và Thiệu-Kỳ.

Sở dĩ lâu nay, giai cấp công nhân miền Nam vẫn giữ vững được vai trò tiên phong và phát huy được tác dụng nòng cốt, thúc đẩy mọi phong trào yêu nước ở đô thị, không phải chỉ vì họ anh dũng, đi đầu trong đấu tranh mà trước hết là vì họ đã nhận thức được rằng: muốn giải phóng giai cấp thì phải giải phóng dân tộc; rằng đấu tranh cho quyền lợi của giai cấp không thể tách rời và càng không thể đối lập với quyền lợi của dân tộc, của nhân dân; rằng muốn đánh thắng kẻ thù Mỹ-ngụy thì phải đoàn kết với mọi tầng lớp nhân dân trước hết là nông dân. Vì vậy họ không ngừng gắn liền khẩu hiệu đấu tranh cho quyền lợi của giai cấp mình với quyền lợi của các tầng lớp nhân dân khác, và tích cực tham gia vào phong trào đấu tranh chung. Trong những tháng đầu năm 1966, công nhân, lao động miền Trung Trung-bộ đã tham gia đông đảo vào những cuộc đấu tranh sục sôi của đồng bào các giới ở đô thị chống bọn Thiệu-Kỳ. Có nơi, công nhân, lao động đã huy động 100% lực lượng của mình xuống đường biểu tình, đình công, chiếm xưởng, đảm nhiệm chiến đấu ở những nơi xung yếu nhất và làm những nhiệm vụ nặng nề, nguy hiểm nhất. Khi chiếm

được đài phát thanh Huế (cuối tháng 3-1966), công nhân đảm nhiệm phần quản lý kỹ thuật và canh gác bảo vệ hoạt động của đài. Khi Mỹ-Thiệu Kỳ dùng máy bay, xe tăng đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân Đà-nẵng, Huế, thì công nhân đã trở thành hạt nhân trong việc vũ trang tự vệ, đánh trả lại quân địch. Hỗ trợ cho cuộc đấu tranh của công nhân, nhân dân thành phố Huế, Đà-nẵng chống bọn Thiệu Kỳ đàn áp, khủng bố, ngày 16-5-1966, 50.000 công nhân thuộc các nghiệp đoàn ô-tô buýt, bến cảng, dệt, máy xay và công nhân 3 hãng dầu lớn của tư bản nước ngoài ở Sài-gòn nhất loạt bãi công. Trong những cuộc chiến đấu sống chết với kẻ thù, công nhân tỏ ra là một lực lượng kiên cường nhất. Công nhân đồn điền cao-su Bình-ba (Bà-rịa) đã lần vào càn xe địch, bảo vệ được nhiều tài sản của đồng bào khỏi bị địch cướp đi. Liệt sĩ Nguyễn Văn Trỗi, Trần Văn Đương... là những tấm gương sáng chói về tinh thần chiến đấu bất khuất của giai cấp công nhân miền Nam. Chính vì những lẽ đó mà: "lực lượng của công nhân trong các cuộc đấu tranh ở Huế, Đà-nẵng, Sài-gòn... đã trở thành một lực lượng nòng cốt đáng tin cậy của đồng bào các giới và cả của binh sĩ ngụy quân và nhân viên ngụy quyền ly khai! Công nhân đã thể hiện được vai trò nòng cốt trong Mặt trận liên minh chống Mỹ và Thiệu Kỳ" (3).

2. Công nhân miền Nam trong cao trào tiến công và nổi dậy đồng loạt. Bước vào đầu xuân năm 1968, một lần nữa công nhân Sài-gòn anh hùng, bất khuất lại đánh trúng vào yết hầu của Mỹ-ngụy, ghi tiếp vào cuốn sổ vàng của dân tộc một chiến công vang dội: Ngày 11-1-1968, 3.500 công nhân diện nước Sài-gòn bãi công chống Thiệu Kỳ cúp bớt lương. Chỉ một ngày sau, 5.000 công nhân cảng Sài-gòn bãi công hưởng ứng. Cuộc bãi công đã phát triển sang nhiều ngành khác. Đến ngày 16-1-1968, tổng số công nhân tham gia bãi công lên tới 17.000 người, bao gồm các ngành điện nước, bốc vác, vận tải công cộng, dệt, diêm, cao-su, ngành xay xát gạo, công nhân làm tại 3 công ty dầu Sheel, Caltex, Esso.

Cuộc bãi công lần này nổ ra sau hàng loạt cuộc đấu tranh sôi nổi và kéo dài trong năm

(1), (2) Lao động 11-12-1967

(3) Bình luận của Thông tấn xã Giải phóng về bước tiến mới của phong trào công nhân các thành thị miền Nam trong năm 1966.

1966—1967 của công nhân cảng quân sự Sài-gòn, trường lục quân Mỹ Biên-hòa, công nhân hãng thầu RMK—BRJ, Ê-kíp-măng, Esso, công nhân kho xăng Sài-gòn, Nhà bè, Tân-sơn-nhất, hãng dệt Vimytex, công nhân sân bay Tân-lệ... và sau khi bản cương lĩnh chính trị của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam ra đời (tháng 8-1967). Nó chứng tỏ rằng: trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù Mỹ—ngụy, giai cấp công nhân miền Nam luôn luôn phát cao ngọn cờ đoàn kết, cứu nước của Mặt trận, luôn luôn quán triệt nhiệm vụ, mục tiêu chiến đấu trước mắt của nhân dân miền Nam đã được Mặt trận vạch ra.

Dưới ánh sáng của bản cương lĩnh chính trị của Mặt trận và bằng cuộc đấu tranh lần này, giai cấp công nhân miền Nam đã đánh một đòn rất mạnh vào chính sách tăng cường mở rộng chiến tranh xâm lược của Mỹ, góp phần vào những chiến thắng Đông—xuân 1967—1968 của quân dân miền Nam và tạo điều kiện cho thời kỳ mới xuất hiện — thời kỳ tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt (mở đầu ngày 31-1-1968).

Bước vào cao trào nổi dậy của toàn dân, giai cấp công nhân miền Nam vẫn là lực lượng nòng cốt, đi đầu trong đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, giành quyền làm chủ ở đô thị. Thông cáo số 3 của Bộ chỉ huy các lực lượng nhân dân giải phóng miền Nam Việt-nam ngày 26-2-1968 đã nêu rõ: « Công nhân, nông dân, các tầng lớp nhân dân lao động đang nêu cao vai trò xung kích của mình trong cuộc tiến công và nổi dậy của toàn dân ». Tại Sài-gòn, ở khắp các phường, các quận từ những vùng chiến sự còn đang diễn ra ác liệt đến những vùng giải phóng, khi các lực lượng vũ trang cách mạng chưa triển khai tới, công nhân lao động đã nổi dậy đánh địch. Hàng vạn công nhân đã cùng nhân dân diệt ác ôn, phá thế kim kẹp, lật đổ chính quyền địch ở cơ sở. Ở vùng Cầu-tre, Bình-thời, Phú-thọ-hòa (quận 6, Sài-gòn), đêm 4-5-1968, 20 công nhân nam, nữ đã cùng với đồng bào nổi dậy, diệt 6 tên ác ôn, phá thế kim kẹp của địch. Trong những ngày 24—28-5-1968, công nhân cùng lực lượng vũ trang và đồng bào ở các đường Tôn Thọ Tường, Trần Quốc Toản, Lê Quang Liêm nổi dậy phá 4 trạm biến thế điện. Tại các vùng đồn điền, công nhân đã liên tục tiến công địch bằng 3 mũi giáp công, giành thắng lợi to lớn. Chỉ trong 6 tháng đầu năm 1968, công nhân các đồn điền Tây-ninh đã tổ chức 33 lần tấn công địch bằng đấu tranh chính trị gồm 7.200 lượt công nhân tham gia; đã đánh địch 600 trận, phá hủy 57 xe

quân sự, diệt 223 tên Mỹ, trấn áp và giáo dục 132 tên, đập.

Trên cơ sở những thắng lợi đã giành được trong 4 tháng đầu của thời kỳ tổng tấn công và nổi dậy đồng loạt, và căn cứ vào nhiệm vụ, phương hướng chung của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới, ngày 1-5-1968, Ủy ban trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam ra lời kêu gọi, vạch rõ: « Công nhân và lao động miền Nam ở các thành thị và đồn điền mau chóng mở rộng đội ngũ, đoàn kết rộng rãi với các tầng lớp nhân dân, đấu tranh quyết liệt bằng chính trị, vũ trang, binh vận, đập tan bộ máy kim kẹp của địch, giành quyền làm chủ ở nhiều khu vực làng, sở, sẵn sàng đình công, tổng bãi công, biểu tình thị uy, quyết làm tròn vai trò tiên phong của mình ».

Hưởng ứng lời kêu gọi của Mặt trận, công nhân lao động miền Nam lại liên tục tấn công địch. Song song với những hoạt động trừng trị bọn ác ôn, tiêu diệt địch, đánh phá kho tàng của địch, công nhân lao động ở các thành thị tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh chính trị đòi địch phải bồi thường thiệt hại do chúng gây ra, đòi tăng lương, giảm giá sinh hoạt, chống đàn áp, khủng bố, chống bắt lính và phá rã các tổ chức « phòng dân sự » của địch. Trong tháng 5-1968, công nhân xích-lô cùng với học sinh ở thị xã Tân-an đấu tranh quyết liệt trong 2 ngày, phản đối địch bắt học sinh vào tổ chức « phòng dân sự », chống bắt lính trong nhà trường. Ở Sài-gòn, đầu tháng 7-1968, công nhân hãng hàng không đấu tranh đòi tăng lương, tăng tiền phụ cấp; công nhân điện nước Sài-gòn lần công phản đối thủ đoạn cắt xén giờ làm việc của công nhân. Tại thị xã Mỹ-tho trong 3 tháng 7, 8, 9 năm 1968, công nhân, lao động đã cùng đồng bào thị xã nổi dậy trừng trị, cảnh cáo, giáo dục trên 100 tên tề điệp, ác ôn, phá hủy hàng ngàn tờ khai gia đình và bằng liên gia, tổ chức hơn 100 cuộc họp, mít-tinh tuyên truyền chính sách Mặt trận. Ngày 1-9-1968, hàng ngàn công nhân tấ-xi đại diện cho trên 160.000 công nhân tấ-xi thuộc giới chuyên chở công cộng ở Sài-gòn đã họp đại hội bất thường đòi hủy bỏ luật « 613—67 » của Thiệu Kỳ (1). Ở các đồn điền, cuộc đấu tranh của công nhân lao động chống

(1) Sắc luật này nhằm đánh vào giới chuyên chở công cộng. Cứ theo cái luật này thì từ sau tết Mậu thân đến nay đã có trên 1.000 tài xế xe lăm trong số khoảng 3.000 xe lăm đang chạy bị gọi ra tòa với số tiền nộp phạt hàng triệu đồng.

Mỹ—ngụy cũng đang diễn ra quyết liệt. Công nhân các đồn điền Bình-long liên tục đấu tranh chống Mỹ—ngụy đồn công nhân vào trại tập trung, chống càn quét, bắn phá, chống bắt cóc, bắt lính. Trong tháng 9-1968, gần 2.000 lượt công nhân Bến-củi (Tây-ninh) liên tục đấu tranh trực diện với tên thiếu tá Mỹ, và tên quận trưởng Dầu-tiêng, buộc chúng phải nhận tội và chịu bồi thường trên 20 triệu đồng; trên 150 gia đình công nhân bị giam vào “ấp chiến lược” đã được trở về làng cũ.

Vừa “chiến đấu, vừa sản xuất”, «ngôi chiến trường chiến sĩ không nề xương máu, ở hậu phương công nhân không tiếc mồ hôi», đó là khẩu hiệu hành động của công nhân, lao động miền Nam ngày nay. Trên hơn 200 đồn điền đã được giải phóng, công nhân, lao động ngày đêm ra sức phát triển sản xuất lương thực, xây dựng và củng cố hàng trăm đội du kích, xây dựng đồn điền chiến đấu và liên tiếp đánh bại những trận càn quét của địch. Hàng vạn công nhân đã gia nhập bộ đội, hàng vạn công nhân tham gia dân công phục vụ chiến trường. Chỉ tính riêng đồn điền Dầu-tiêng với 5.000 công nhân mà đã có tới 1.500 công nhân tham gia tổng quân. Vừa chiến đấu, công nhân vừa chăm lo xây dựng tổ chức chính quyền, đẩy mạnh sản xuất vũ khí để phục vụ cho

tiền tuyến. Trong 3 tháng 7, 8, 9-1968, công nhân đồn điền cao-su Bình-long đã thành lập được 10 Ủy ban nhân dân giải phóng. Trong 6 tháng đầu năm 1968 công nhân quân giới tỉnh Bà-rịa đã hoàn thành một khuôn gò thủ công đưa năng suất tăng 150% với chất lượng tốt; sáng chế lựu đạn gang giảm giá thành, đảm bảo chất lượng và tăng năng suất 300%...

Như vậy là trong cao trào tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt, giai cấp công nhân miền Nam vẫn là lực lượng tiên phong, nòng cốt, liên tục tấn công địch, đập tan âm mưu tăng cường chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, đập tan chính quyền địch ở cơ sở, thiết lập chính quyền cách mạng. Đúng như Liên hiệp công đoàn giải phóng miền Nam Việt-nam đã khẳng định: «Phong trào đấu tranh của công nhân và lao động miền Nam trong 4 năm qua, đặc biệt trong những tháng tổng tấn công và nổi dậy vừa qua đã làm cho chiến tranh cục bộ của đế quốc Mỹ thất bại, kế hoạch hai gọng kìm tìm diệt và bình định bị phá sản, kế hoạch phòng ngự chiến lược bước đầu thất bại, ý chí xâm lược bị lung lay, bộ mặt xâm lược của đế quốc Mỹ và bộ mặt bán nước của bọn tay sai đã phơi bày nhục nhã và trở trên trước nhân dân nước ta và nhân dân thế giới» (1).

IV. KẾT LUẬN

Trong suốt 15 năm qua, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai không từ một thủ đoạn thâm độc, tàn bạo nào để hòng lừa mị, mua chuộc, chia rẽ lực lượng công nhân, đập tắt phong trào đấu tranh của công nhân lao động miền Nam, nhưng chúng đã thất bại thảm hại. Giai cấp công nhân miền Nam là giai cấp có truyền thống đoàn kết, đấu tranh bất khuất và có nhiều kinh nghiệm chiến đấu đã biết lợi dụng những chỗ yếu của địch để đánh địch; lợi dụng những khâu hiệu «dân chủ», «tự do», «độc lập» giả hiệu của địch; lợi dụng những mâu thuẫn sâu sắc giữa bọn xâm lược Mỹ, giữa bọn tay sai của Mỹ ở miền Nam để đẩy mạnh những cuộc đấu tranh cách mạng của mình. Nhờ vậy mà phong trào đấu tranh của công nhân, lao động ở đô thị và đồn điền, nơi tập trung thế lực xâm lược và phản cách mạng đã diễn ra liên tục, đều khắp với khí thế cách mạng ngày càng quyết liệt, với những hình thức đấu tranh ngày càng cao và sáng tạo.

Phong trào đấu tranh của công nhân, lao động miền Nam đã thực sự trở thành nòng

cốt của mọi phong trào yêu nước ở đô thị. Nó hỗ trợ tích cực và kết hợp chặt với phong trào học sinh, sinh viên, Phật giáo tạo thành một mặt trận rộng rãi chống Mỹ—ngụy.

Từ đầu xuân năm 1968, phong trào cách mạng miền Nam đã chuyển sang một thời kỳ mới—thời kỳ tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt. Trong thời kỳ này, giai cấp công nhân, nhân dân lao động và mọi tầng lớp nhân dân ở các thành thị miền Nam đã liên tục tấn công, liên tục nổi dậy, vừa tiến hành chiến tranh cách mạng vừa tiến hành khởi nghĩa, lật đổ chính quyền địch, lập chính quyền cách mạng. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt ở các đô thị cũng như ở toàn miền Nam còn đang tiếp diễn và ngày càng thu được

(Xem tiếp trang 64)

(1) Lời kêu gọi của Liên hiệp công đoàn giải phóng miền Nam nhân ngày giỗ lần thứ 4 của liệt sĩ Nguyễn Văn Trỗi.

NHÂN DỊP 125 NĂM NGÀY SINH NGUYỄN THIỆN THUẬT

GIỚI THIỆU MẤY NÉT VỀ GIÒNG HỌ NGUYỄN TRÃI — NGUYỄN THIỆN THUẬT — NGUYỄN VĂN CỪ

NGUYỄN LƯƠNG BÍCH

NGUUYỄN THIỆN THUẬT, lãnh tụ khởi nghĩa Bãi-sậy, sinh ngày 6 tháng 2 năm Giáp thìn đời Thiệu-trị, tức ngày 21 tháng 3 năm 1844 dương lịch, đến ngày 21-3-1969 sắp tới là được 125 năm. Nhân dịp này, tôi xin giới thiệu với bạn đọc mấy nét về quan hệ giòng họ giữa Nguyễn Trãi, Nguyễn Thiện Thuật, Nguyễn Văn Cừ, và cung cấp một vài tài liệu về Nguyễn Thiện Thuật cùng các em, các con, các cháu của ông, có những điều chưa được công bố trên các sách báo.

Năm 1442, Nguyễn Trãi và cả họ đều bị giết, chỉ có một người thiếp của Nguyễn Trãi là Phạm Thị Mẫn, đương có mang, đi chợ xa vắng nhà, là trốn thoát khỏi nạn tàn sát khủng khiếp đó. Bà Phạm Thị Mẫn sinh ra Nguyễn Anh Vũ, người con duy nhất còn sống sót trong gia đình Nguyễn Trãi. Từ đây qua các đời sau, con cháu ngày càng nhiều, giòng họ Nguyễn Trãi đông mãi lên, dần dần tách thành nhiều chi họ, di cư lập nghiệp ở nhiều nơi.

Về giòng dõi trực hệ của Nguyễn Trãi, ngoài chi chính ở Nhị-kê (Hà-tây), còn có các chi ở Phù-kê (Hà-bắc), Xuân-dục (Hải-hưng), Dự-quần (Thanh-hóa) và một chi ở Thụy-phủ (Hà-tây). Chi ở Thụy-phủ, quê hương của bà Phạm Thị Mẫn, đã đổi thành họ Phạm, theo họ bà Phạm Thị Mẫn, để ghi nhớ công ơn bà, người đã phục hồi giòng họ Nguyễn Trãi.

Ngoài những chi trong giòng họ trực hệ Nguyễn Trãi, còn có chi họ gốc của tổ tiên giòng họ Nguyễn Trãi, ở Chi ngại (Côn-sơn, Chi-linh, Hải-hưng) và các chi họ là con cháu của các em Nguyễn Trãi, như các chi ở Cầm-ngà, Lan-trà, Hào-vĩnh, làng Bông, làng Mía (Thanh-hóa), Phồ-môn (Nghệ-an) v.v...

Giòng họ Nguyễn Trãi không những ngày càng đông đúc, mà trong quá trình đấu tranh đánh giặc cứu nước của dân tộc, từ sau Nguyễn Trãi, nhất là trong thời kỳ chống đế quốc xâm lược, giòng họ Nguyễn Trãi cũng đã cung cấp cho Tổ quốc nhiều người con ưu tú, đã hy sinh đời mình cho độc lập tự do của dân tộc, tên tuổi còn mãi mãi ghi trong lịch sử, như Nguyễn Văn Cừ, nguyên Tổng bí thư Đảng cộng sản Đông-dương, là con cháu Nguyễn Trãi thuộc chi Phù-kê, Nguyễn Thiện Thuật, lãnh tụ khởi nghĩa Bãi-sậy, là người chi Xuân-dục v.v...

1. Chi họ Nguyễn Trãi ở Phù-kê và đồng chi Nguyễn Văn Cừ.

Trước Cách mạng tháng Tám, tôi đã đọc những bản gia phả của chi họ Nguyễn Trãi ở Phù-kê, ghi khá kỹ về thời kỳ chuyển cư từ Nhị-kê sang Phù-kê. Nhưng trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, vùng này bị giặc chiếm đóng, con cháu trong chi họ Phù-kê phần đông đi công tác hoặc tản cư nơi khác, những bản gia phả đầy đủ ấy đã bị thất lạc. Hiện nay, tôi chưa kê cứu lại được chính xác thời kỳ chuyển cư này, mà chỉ nhớ là khoảng đời thứ 3 hoặc thứ 4, sau Nguyễn Trãi, trong giòng họ có một người, hiệu là Huệ Tĩnh, đã di cư từ Nhị-kê sang Phù-kê, nay là thôn Phù-kê thượng, xã Nghĩa-kê, huyện Tiên-sơn, tỉnh Hà-bắc. Có lẽ ông sang Phù-kê làm nghề dạy học, rồi ở hẳn lại đó, lập thành chi họ Nguyễn Trãi ở Phù-kê. Về sau, con cháu đời đời vẫn giữ nghiệp nho, nhưng là một giòng họ rất nghèo trên đất Kinh-bắc xưa. Hiện nay, con cháu trong chi họ này, đã tới đời thứ 17, 18 (tính từ Nguyễn Trãi là đời thứ nhất). Ở đời thứ 15, nhiều người trong giòng họ này đã tham gia các

phong trào yêu nước chống Pháp khoảng đầu thế kỷ XX, như các ông cử Linh, cả Châu v.v..., đều bị hy sinh, hoặc mất tích, hoặc bị thực dân Pháp cầm tù đến chết. Đồng chí Nguyễn Văn Cừ là con cháu Nguyễn Trãi, ở đời thứ 16 (kể từ Nguyễn Trãi trở xuống) thuộc chi họ Phù-khê.

Thân thế và hoạt động của đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã được nhiều tập hồi ký cách mạng ghi lại. Ở đây tôi chỉ ghi thêm một vài chi tiết về thuở nhỏ của đồng chí Cừ.

Đồng chí Nguyễn Văn Cừ sinh ngày 25 tháng 5 năm nhâm tý, tức ngày 9 tháng 7 năm 1912. Về ngày sinh của đồng chí Cừ, trong mấy năm trước Cách mạng tháng 8, tôi đã ghi lại theo gia phả của chi họ Nguyễn Trãi ở Phù-khê. Sau này, sợ ghi chép lâu ngày, có sai sót chẳng, nên cách đây khoảng 10 năm, tôi đã hỏi lại cụ bà thân sinh đồng chí Cừ và cụ cũng xác nhận ngày sinh đó là đúng. Đồng chí Nguyễn Văn Cừ là con cụ Nguyễn Văn Quán, thường gọi là cụ Hai Quán hay cụ Đồ Quán. Mẹ là cụ Nguyễn Thị Khuyến, người thôn Cầm-giang, xã Đồng-nguyên, huyện Tiên-sơn. Gia đình đồng chí Nguyễn Văn Cừ rất nghèo, không có một thước ruộng và cũng không có một nghề nghiệp gì đủ sinh sống hàng ngày, mặc dầu cha mẹ đồng chí Cừ chỉ có hai người con, là đồng chí Cừ và một người em gái nữa. Người em gái này đã phải bỏ học từ nhỏ, để đi làm phò nhỏ thợ mộc. Lớn lên, người em làm thợ mộc và đi lang bạt sang tận Cam-pu-chia để kiếm ăn, từ gần 30 năm nay. Còn đồng chí Nguyễn Văn Cừ, nhờ sự cố gắng phi thường của gia đình và với nỗ lực bản thân, đã chật vật lắm mới học được tới trường Bưởi, là trường cấp II ở Hà-nội thời bấy giờ. Trước ngày đồng chí Cừ vào trường Bưởi, cụ Hai Quán đã chạy vạy khắp nơi trong họ mới có được món tiền vài chục đồng để mua sắm giấy bút, sách vở và may mặc lành lặn cho đồng chí Cừ vào ở nội trú trong trường, theo như qui chế của nhà trường. Trường Bưởi học 4 năm, nhưng đồng chí Nguyễn Văn Cừ học tới nửa chừng thì bị thực dân Pháp đuổi ra khỏi trường, vì hoạt động cách mạng. Từ đấy, đồng chí Nguyễn Văn Cừ hoàn toàn thoát ly trường học và gia đình, để hoạt động cho Đảng. Có tài liệu ghi rằng: Khi đương học ở Bưởi, vào hồi tháng 3 năm 1926, đồng chí Cừ đã tham gia vận động tổ chức lễ truy điệu cụ Phan Chu Trinh và lãnh đạo cuộc bãi khóa để phản đối nhà trường đã đuổi một số học sinh. Có lẽ ghi như thế là lầm. Năm 1926, đồng chí Cừ mới

14 tuổi, làm thế nào lãnh đạo được một cuộc bãi khóa của học sinh trường Bưởi thời bấy giờ, phần đông là lớn hơn tuổi 14 rất nhiều. Tôi biết tương đối chính xác rằng chỉ từ sau năm 1926, tức khoảng năm 1927—1928, đồng chí Cừ mới bắt đầu vào học trường Bưởi. Đồng chí bị đuổi vì những hoạt động cách mạng khác, chắc không phải vì lãnh đạo bãi khóa nhân dịp lễ truy điệu Phan Chu Trinh năm 1926. Khi được bầu làm Tổng bí thư Đảng, đồng chí Nguyễn Văn Cừ mới khoảng 26, 27 tuổi, một lãnh tụ rất trẻ của Đảng.

2. Chi họ Nguyễn Trãi ở Xuân-dục và Nguyễn Thiện Thuật.

Gia phả chi họ Xuân-dục có ghi rõ gốc tích họ là ở Chi-ngại, rồi chuyển về Nhị-khê, sau dần dần mới tách thành một chi về Xuân-dục. Gia phả cũng ghi các tổ tiên xa đời là Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Trãi, Nguyễn Anh Vũ, Nguyễn Tổ Giám v. v... như các chi họ khác. Theo gia phả thì chi họ này không phải một lúc chuyển thẳng từ Nhị-khê về Xuân-dục mà đã di cư dần dần qua nhiều nơi. Thoạt đầu, một người trong chi họ Nhị-khê di về làng Cổ-hiền thôn Thái-công (tức Phụng-công). Về sau, một người trong chi họ Cổ-hiền, tên là Nguyễn Giản đi về phường Hòe-nhai, Thăng-long, tức phố Hòe-nhai Hà-nội bây giờ, lập thành một chi ở đây. Nguyễn Giản có 3 con gái. Người con thứ hai tên là Nguyễn Át, khi lên 3 tuổi, Nguyễn Giản đem cho làm con nuôi một người bạn thân ở Xuân-dục. Nguyễn Át về ở hẳn Xuân-dục với cha mẹ nuôi, lập thành một chi họ Nguyễn Trãi tại đây. Nguyễn Át lớn lên, được đi học và ra làm quan. Năm 70 tuổi, Nguyễn Át còn làm đồng tri phủ phủ Thăng-hoa. Chi họ Xuân-dục từ khi thành lập tới Nguyễn Thiện Thuật mới được 5 đời.

Nguyễn Thiện Thuật có 3 em gái là Nguyễn Kế, Nguyễn Hiền và Nguyễn Dương. Nguyễn Thiện Thuật, lúc trẻ, tên là Nguyễn Thuật, cũng không có chữ đệm ở giữa như tên các em. Theo gia phả thì khi đi thi ông có thêm một chữ đệm vào tên, là Nguyễn Văn Thuật. Cách đặt tên của chi họ Xuân-dục, từ xưa cho tới mấy anh em Nguyễn Thiện Thuật, cũng giống như chi họ Nhị-khê, vốn chỉ có 2 chữ: họ và tên, không có chữ đệm ở giữa. Thí dụ: cha sinh ra Nguyễn Thiện Thuật tên là Nguyễn Tuy, ông nội là Nguyễn Trọng, cụ nội là Nguyễn Quý, đi ngược lên nữa là Nguyễn Át, Nguyễn Giản như đã nói ở trên, cho tới ông tổ 4 đời ở Nhị-khê là Nguyễn Giáp, tức cháu gọi Nguyễn Trãi bằng cụ, cách đặt tên chỉ có hai chữ, không có đệm, giống như cách đặt tên Nguyễn Trãi. Sau khi đã ra làm quan,

Nguyễn Thiện Thuật quyết định đặt thêm chữ đệm là «Thiện» vào tên của mình và cùng các em giai nhất trí đề ra một thể thức qui định chặt chẽ cách đặt tên cho chi họ mình, kể từ Nguyễn Thiện Thuật trở đi. Nhưng, Nguyễn Thiện Thuật, lúc nhỏ tên là Nguyễn Thuật, khi đi thi đã đổi là Nguyễn Văn Thuật nay muốn đổi là Nguyễn Thiện Thuật thì phải xin phép triều đình và việc này đã được triều đình chuẩn y. Không rõ Nguyễn Thiện Thuật đã lấy lý do như thế nào để xin đổi tên, nhưng biết rằng trong triều lúc ấy có một người cũng tên là Nguyễn Thuật, đương làm quan tại Nội các. Có lẽ sự trùng tên trùng họ ấy đã khiến triều đình chuẩn y một cách dễ dàng việc đổi tên của Nguyễn Thiện Thuật. Sở dĩ tôi đi sâu vào việc đổi tên và thể thức đặt tên của Nguyễn Thiện Thuật là vì những sử sách của ta từ mấy chục năm nay, khi ghi tên các em, con, cháu của Nguyễn Thiện Thuật, phần nhiều là sai trệch, không đúng với tên thật, theo như thể thức đặt tên của chi họ này. Trong phần cuối bài, tôi sẽ nêu lên một số trường hợp cụ thể để chúng ta tiện đính chính.

Sau khi Nguyễn Thiện Thuật đã được phép đổi tên thì các em Nguyễn Thiện Thuật cũng đặt thêm chữ «thiện» vào tên mình, thành Nguyễn Thiện Kế, Nguyễn Thiện Hiền, Nguyễn Thiện Dương, Nguyễn Thiện Thuật và Nguyễn Thiện Kế đã qui định thể thức đặt tên rất cụ thể, chi tiết, cho từng ngành, từng phân chi họ. Thí dụ: ngành con cả của Nguyễn Thiện Thuật sẽ đặt tên theo bộ tần, ngành con thứ của Nguyễn Thiện Thuật theo bộ mã, ngành con cả của Nguyễn Thiện Kế theo ngũ hành: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, ngành con thứ của Nguyễn Thiện Kế, theo bộ mịch, v.v... Cách đặt chữ đệm thì căn cứ vào một câu thơ 7 chữ, mỗi đời lấy một chữ làm đệm, lần lượt tới hết bảy chữ, lại quay trở lại chữ đầu trong câu thơ. Câu thơ bảy chữ ấy là:

Thiện chi gia tất hữu dư khương

Mấy anh em Nguyễn Thiện Thuật đều lấy chữ đệm là «thiện». Các con của mấy anh em Nguyễn Thiện Thuật đều lấy đệm là «chi». Các cháu lấy đệm là «gia», các chắt lấy đệm là «tất»..., các đời sau cứ lần lượt theo thứ tự như thế mà đặt chữ đệm.

Nguyễn Thiện Thuật sinh ngày 6 tháng 2 năm giáp thìn, tức 24 tháng 3 năm 1844. Sau này, Nguyễn Thiện Thuật chết tại Trung-quốc, các con cháu không biết rõ ngày chết, nên từ bấy đến nay, vẫn lấy ngày sinh của Nguyễn Thiện Thuật làm ngày giỗ. Năm sinh, giáp thìn 1844, ghi trong gia phả chi họ Xuân-dục là phù hợp

với năm sinh của Nguyễn Thiện Thuật ghi trên bia mộ của ông tại Trung-quốc. Khi Nguyễn Thiện Thuật chết, mộ đặt tại gần thành Nam-ninh về phía tây. Trên mộ có dựng một tấm bia đá, khắc dòng chữ: «Việt-nam có tướng quân Nguyễn công chi mộ». Trên bia có ghi năm sinh Nguyễn Thiện Thuật là 1844, năm chết là 1926. Như vậy, theo năm ghi trong bia, Nguyễn Thiện Thuật thọ 82 tuổi.

Nguyễn Thiện Thuật lấy tự là Mạnh Hiếu. Vì thế trong thơ văn Nguyễn Thượng Hiền, mỗi khi nói tới Nguyễn Thiện Thuật, Nguyễn Thượng Hiền thường viết là Nguyễn Mạnh Hiếu hoặc Mạnh Hiếu tiên sinh. Trong sách *Việt-nam nghĩa liệt sử* của Đặng Đoàn Bằng, bản dịch tiếng Việt, xuất bản năm 1959, ở truyện khởi nghĩa Móng-cái (trang 217) có chú thích một câu: theo Phan Bội Châu niên biểu, sau khi nhận được tiền viện trợ của Đức thì Nguyễn Mạnh Hiếu được phân công về Đông-hưng đánh Móng-cái. Chú thích như thế là lầm lẫn. Nguyễn Mạnh Hiếu là Nguyễn Thiện Thuật, khi ấy đã ngoài 70 tuổi, không thể hoạt động quân sự được nữa, mà người nhận nhiệm vụ đó, như *Phan Bội Châu niên biểu* đã nói rõ, là Nguyễn Trọng Thường, tức con Nguyễn Thiện Thuật.

Nguyễn Thiện Thuật đỗ tú tài năm canh ngọ 1870, đỗ cử nhân năm bính tí 1876 và được bổ tri phủ Từ-sơn. Năm 1879 thăng tán trưng quân thứ, năm 1881 thăng Hưng-hóa sơn phòng chánh sử kiêm tán trưng quân thứ.

Năm 1883, thực dân Pháp đánh chiếm Hải-phòng, ông được lệnh về Hải-dương, chiêu mộ thêm quân sĩ, mưu phục Hải-phòng, nhưng việc không thành, ông lại đem quân lên Đan-phượng, trợ chiến cho Hoàng Tá Viêm. Trong khi đó triều đình nhà Nguyễn thương nghị đầu hàng với Pháp và hạ lệnh cho các tướng lĩnh ở ngoài Bắc phải rút quân, để mặc cho quân Pháp tự do hành động. Nguyễn Thiện Thuật không nhận lệnh, cương quyết kháng chiến. Ông phối hợp với Lưu Vĩnh Phúc đem quân về Đông, mộ thêm nghĩa dũng, đánh thành Hải-dương, lấy được thành, nhưng thế không giữ được nên phải rút. Cuối năm 1883, triều đình lại hạ lệnh cho Hoàng Tá Viêm, Nguyễn Thiện Thuật và một số tướng lĩnh khác phải về kinh (Huế). Bất chấp mệnh lệnh triều đình, Nguyễn Thiện Thuật đem quân bản bộ lên giúp sức giữ thành Bắc-ninh. Tháng 3-1884 thành Bắc-ninh thất thủ, ông lui quân lên đóng giữ Lạng-sơn. Tháng 4-1884, triều đình nhà Nguyễn lại hạ lệnh bắt buộc các quan lại tướng lĩnh yêu nước đương chống nhau với Pháp ở Bắc-kỳ lúc bấy giờ phải lập tức về

kinh. Bọn Hoàng Tá Viêm, Lương Tư Thứ, Ngô Tất Ninh đã tuân lệnh về kinh. Nhưng các ông Nguyễn Thiện Thuật, Nguyễn Quang Bích, Nguyễn Văn Giáp, Nguyễn Đình Nhuận, cương quyết chống lại lệnh triều đình, vẫn tiếp tục chiến đấu tại các mặt trận của mình. Mấy tháng sau, Lạng-sơn thất thủ, Nguyễn Thiện Thuật phải tạm lánh sang Long-châu. Tháng 7-1885, tin Huế thất thủ và Hàm-nghi xuất bôn tới Long-châu, Nguyễn Thiện Thuật lập tức từ Long-châu lên đường về nước, vận động nhân dân vũ trang khởi nghĩa đánh Pháp, lấy Bãi sậy làm căn cứ địa. Trong năm năm hoạt động, nghĩa quân Bãi sậy dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Thiện Thuật đã làm cho quân Pháp phải nhiều phen khốn đốn. Năm 1890, Nguyễn Thiện Thuật thấy tình thế kháng chiến có nhiều điều không thuận lợi, nên tháng 10 năm ấy, ông tạm giao binh quyền cho em là Nguyễn Thiện Kế và một số tướng lĩnh nghĩa quân, sang Trung-quốc, mưu tính một cuộc vận động mới để phục hồi lực lượng. Nhưng sang tới nơi, thấy chí nguyện khó thành mà trở lại nước cũng khó khăn, ông đành ở lại Trung-quốc cho đến ngày chết. Trong thời gian ông ở Trung-quốc, nhiều nhà hoạt động cách mạng ở các thế hệ sau như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh v.v... khi qua Trung-quốc đều có tới thăm ông và đều được ông khuyến khích động viên rất nhiều.

Quá trình hoạt động chống Pháp của Nguyễn Thiện Thuật ghi trong gia phả, tuy sơ lược, nhưng tương đối chính xác, phù hợp với những điều ghi chép trong chính sử của nhà Nguyễn như *Đại nam thực lục*, *Quốc sử chính biên toát yếu* và những tài liệu của bọn thực dân Pháp thời bấy giờ biên chép, như Dick de Lonlay, de Miribel v.v...

3. Các em, con, cháu Nguyễn Thiện Thuật.

Gia đình Nguyễn Thiện Thuật có một điểm rất đặc biệt là cả nhà đánh giặc, cả nhà quyết tâm cứu nước. Tất cả các em và con Nguyễn Thiện Thuật đều vũ trang chiến đấu chống Pháp và phần lớn đã hy sinh vì nước.

Đối với việc nước thì như vậy, đối với việc nhà, anh em con cháu Nguyễn Thiện Thuật cũng tỏ rõ ý muốn cố gắng xây dựng một nền nếp giáo dục gia đình tốt. Điều đó thể hiện trong một đoạn ghi của Nguyễn Thiện Kế vào gia phả, đại ý như sau:

« Anh em ta mồ côi cha từ thuở nhỏ, nhờ mẹ dạy bảo... Khi trưởng thành, nhà cửa ở chung, tiền của tiêu chung. Trong anh em, có ai làm lần điều gì, cũng đều nhắc nhở nhau, khoan thứ, bỏ qua. Trong lòng chỉ biết có trung tín hiếu nghĩa, từ ái hữu cung. Cảnh ngộ có lúc cùng,

lúc thông. Gặp lúc phú quý thì xử cảnh phú quý. Gặp lúc bần hàn thì xử cảnh bần hàn. Gặp khi hoạn nạn thì xử cảnh hoạn nạn... Vậy các con cháu sau này nên bắt chước tấm lòng của anh em ta mà liệu cư xử với nhau. Phải vui cảnh ngộ, thề chớ tha tâm. Đối với gia đình phải lấy chữ nhân, chớ có tranh giành. Đối với thân mình phải lấy chữ kính, chớ có gian tà. Đối với họ hàng, phải trọng thân tương ái. Đối với làng xóm phải hết lòng hòa, nhượng. Ấy là lòng mong muốn của chúng ta... ».

Nguyễn Thiện Thuật có 3 em:

1. *Nguyễn Thiện Kế*, thường gọi là Hai Kế. Ông cùng anh là Nguyễn Thiện Thuật lãnh đạo phong trào nghĩa quân Bãi sậy. Năm 1890, Nguyễn Thiện Thuật sang Trung-quốc, Nguyễn Thiện Kế tiếp tục lãnh đạo phong trào cho tới cuối năm 1891 là lúc phong trào tan rã hẳn. Theo Huỳnh Thúc Kháng, người đã gặp Nguyễn Thiện Kế tại nhà tù Côn-đảo, thuật lại trong *Thi tù tùng thoại*, thì sau khi cuộc khởi nghĩa bị dập trong máu, Nguyễn Thiện Kế cải danh, cải dạng, làm người bán thuốc rong, bôn tẩu khắp nơi. Ông nhiều lần qua lại Trung-quốc thăm anh và đã từng đưa đường cho nhiều người yêu nước xuất dương, đồng du. Nguyễn Thiện Kế sống bôn ba như thế khoảng 30 năm. Tới ngoài 70 tuổi, ông mới bị sa vào tay giặc. Thực dân Pháp đưa ông ra đây ở Côn-đảo. Tới khi ông ngoài 80 tuổi, chúng mới đem ông về an trí ở quê nhà. Theo gia phả thì Nguyễn Thiện Kế chết ngày 22 tháng 9 năm Đinh-sửu, tức 25 tháng 10 năm 1937, thọ 88 tuổi (tính theo dương lịch). Như vậy Nguyễn Thiện Kế sinh năm 1849.

2. — *Nguyễn Thiện Hiền*, giỏi võ nghệ, dũng cảm, mưu trí, có độ lượng rộng rãi. Mọi việc nhà, việc nước, đều không quản ngại khó khăn, vất vả. Thường theo anh là Nguyễn Thiện Thuật đi quân thứ các nơi, lập nhiều chiến công xuất sắc. Khi Nguyễn Thiện Thuật đi làm sơn phòng sứ Hưng-hóa, Nguyễn Thiện Hiền cũng theo đi, và bị ốm chết trong khi đi quân thứ Đồn-vàng, tuổi còn rất trẻ.

3. *Nguyễn Thiện Dương*, thường gọi là Lãnh Giang, em út Nguyễn Thiện Thuật. Lãnh Giang đã cùng hai anh em tham gia chống Pháp và là một tướng giỏi của nghĩa quân Bãi sậy. Mùa xuân năm Kỷ-sửu, 1889, ông đi đánh trận Yên-phủ, bị thương vào đùi mà chết. Tài liệu của Pháp, *Lịch sử quân sự Đông-dương* (Histoire militaire de l'Indochine) nói là trận đánh diễn ra vào ngày 9-2-1889, một toán quân Pháp bị Lãnh Giang và 300 nghĩa quân vây đánh tại đây trong 3 giờ liền, sau nhờ có hai toán quân Pháp khác tới cứu nguy, toán quân này

mới chạy thoát. Đề trả thù cho em bị tử, thương, mấy ngày sau, Nguyễn Thiện Thuật mở một cuộc liên công mạnh vào một toán quân địch, do tên Ney, đồn trưởng Pháp ở Mỹ-hào chỉ huy, và giết tại trận tên đồn trưởng Ney, tên thượng tá ngụy Hải-dương và 21 lính ngụy. (De Miribel, Rev. Ind. n°8 — 1904).

Nguyễn Thiện Thuật có hai con gái là Nguyễn Tuyền Chi và Nguyễn Thạc Chi. Theo thể thức đặt tên như đã nói trên, các con của mấy anh em Nguyễn Thiện Thuật đều lấy đệm là «chi», và chữ đệm đặt ở sau tên.

1. *Nguyễn Tuyền Chi*, thường gọi là Cả Tuyền, tự là Thận sinh hoặc Thận sinh phủ quân. Vì thế Nguyễn Thượng Hiền, trong *Nam chí tập* của ông, gọi Cả Tuyền là Nguyễn Thận sinh, cũng như gọi Nguyễn Thiện Thuật là Nguyễn Mạnh Hiền. Về tên Nguyễn Tuyền Chi, các sách của ta trước đây thường viết trệch. *Phan Bội Châu niên biểu* viết là Nguyễn Tuyền, *Việt-nam nghĩa liệt sử* viết là Nguyễn Bá Tuyền. Như thế không đúng với thể thức đặt tên của gia đình Nguyễn Thiện Thuật.

Năm 1890, Nguyễn Thiện Thuật sang Trung-quốc, Nguyễn Tuyền Chi mới 18 tuổi. Theo *Việt-nam nghĩa liệt sử* kể lại thì sau khi phong trào Bãi sạ tan rã, Nguyễn Tuyền Chi đã thay đổi tên họ, trốn đi học với một ông thầy ở Đông-thành. Mãi sau, thực dân Pháp dò biết, bắt được Nguyễn Tuyền Chi và đem ra đây ở Côn-đảo mười năm. Hết hạn tù, Pháp đưa ông về quản thúc ở quê nhà. Nhưng Nguyễn Tuyền Chi vẫn nung nấu ý chí tiếp tục sự nghiệp cứu nước của cha. Năm 1908 Nguyễn Tuyền Chi cùng một số đồng chí tìm đường lên gia nhập nghĩa quân Yên-thế, và trở thành một tướng lĩnh tin cậy của Hoàng Hoa Thám. Mùa hè năm Kỷ Dậu 1909, trong một trận đánh, vì hết thuốc đạn, Nguyễn Tuyền Chi bị giặc bắt và đem giết. Theo gia phả thì Nguyễn Tuyền Chi hy sinh ngày 21 tháng 3 năm Kỷ Dậu, tức 10-5-1909, thọ 37 tuổi. Như vậy, Nguyễn Tuyền Chi sinh năm 1872. Nguyễn Thượng Hiền nói Nguyễn Tuyền Chi là cháu đời thứ 12 của Nguyễn Trãi. Không rõ Nguyễn Thượng Hiền tính «cháu đời thứ 12» là từ Nguyễn Trãi tính xuống, hay từ cháu nội Nguyễn Trãi tính xuống. Hiện nay, những người ở đời thứ 16 (tính từ Nguyễn Trãi là đời thứ nhất) ở các chi họ khác đều trên dưới 60 tuổi. Nguyễn Tuyền Chi là đồng thời với những người ở đời thứ 15 thuộc các chi họ khác, hoặc sớm hơn

nữa là đời thứ 14, khó có thể là đời thứ 12 như Nguyễn Thượng Hiền nói.

2. *Nguyễn Thạc Chi* là con thứ Nguyễn Thiện Thuật, thường gọi là Hai Thạc. Nguyễn Thạc Chi còn tên nữa là Nguyễn Quỳnh Chi tự là Thường sinh hoặc Thường sinh phủ quân. Về tên Nguyễn Thạc Chi, các sách thường viết trệch là Nguyễn Trọng Thường, hoặc Nguyễn Trọng Thạc. Năm 1911, Nguyễn Thạc Chi sang Trung-quốc cùng Phan Bội Châu, Nguyễn Thượng Hiền, Hoàng Mậu thành lập Việt-nam Quang phục hội. Theo *Phan Bội Châu niên biểu*, mùa thu năm 1912, Nguyễn Thạc Chi cùng Nguyễn Hải Thần đem tiền 300 đồng và 6 quả tạc đạn theo đường Lạng-sơn về Bắc-kỳ để vận động vũ trang khởi nghĩa ở trong nước. Theo gia phả thì trong một hội nghị với các đồng chí của mình họp tại xã Đồng-trung, Nguyễn Thạc Chi đã bị thực dân Pháp bắt và đày đi Côn-đảo. Nguyễn Thạc Chi chết tại Côn-đảo.

Khi sang Trung-quốc, Nguyễn Thạc Chi có đem một con gái là Nguyễn Gia Cầu đi theo và để ở với ông là Nguyễn Thiện Thuật tại Quảng-đông. Nguyễn Gia Cầu lúc ấy 11 tuổi. *Phan Bội Châu niên biểu* có nói đến người con này của Nguyễn Thạc Chi, nhưng viết là Nguyễn Văn Cầu (Tên cháu, đệm chữ «gia», mới đúng với thể thức đặt tên của gia đình Nguyễn Thiện Thuật). Theo *Phan Bội Châu niên biểu*, khoảng những năm 1908—1909, Nguyễn Gia Cầu đương học tiếng Anh ở Hương-cảng, nhưng sau không thấy sách nói gì thêm nữa.

Phan Bội Châu niên biểu cũng nói tới một người cháu nữa, tên là Nguyễn Thiện Tổ, cháu đích tôn Nguyễn Thiện Thuật. Nếu là cháu đích tôn, thì tức là con gái Nguyễn Tuyền Chi. Nhưng gia phả chỉ nói tới một người con của Nguyễn Tuyền Chi sinh năm 1906 là Nguyễn Gia Dich, không nói tới Nguyễn Thiện Tổ. Có thể Nguyễn Thiện Tổ là con lớn Nguyễn Tuyền Chi, nhưng tên viết ở đây chắc không đúng chữ đệm phải là chữ «gia». Theo *Phan Bội Châu niên biểu*, Nguyễn Thiện Tổ theo học trường sĩ quan học hiệu Bắc-kinh, học xong, đã giữ chức thượng hiệu (tức thượng tá) trong quân đội Trung-quốc, sau bị chết vì bệnh đau phổi.

Như vậy là cả gia đình Nguyễn Thiện Thuật đều tham gia chống Pháp, và tất cả mấy anh em, con, cháu đều bị hy sinh hoặc mất tích.

6-1-1969

Tin tức hoạt động sử học

KỶ NIỆM 180 NĂM TRẬN ĐỒNG-ĐA LỊCH SỬ

NHỮNG ngày đầu xuân Kỷ Dậu (2-1969) vừa qua, tại thủ đô Hà-nội và nhiều tỉnh khác đã cử hành lễ kỷ niệm long trọng và tổ chức nói chuyện về trận Đồng-đa lịch sử.

Đồng chí Trần Huy Liệu đã đọc diễn văn tại Hội trường Đồng-đa do Ủy ban hành chính, Mặt trận Tổ quốc Hà-nội và Hội Khoa học lịch sử tổ chức.

Đồng chí Văn Tấn đã nói chuyện ở Nam-hà, Ninh-bình, Hải-hưng và Viện Bảo tàng lịch sử Hà-nội.

Đồng chí Phan Huy Lê đã nói chuyện tại Ngọc-hồi (Hà-tây).

Viện Bảo tàng lịch sử Việt-nam phối hợp với Sở Văn hóa Hà-nội đã tổ chức trưng bày một số hình ảnh và hiện vật về thân thế, sự nghiệp của anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ.

CHI HỘI KHOA HỌC LỊCH SỬ KHU PHỐ BA-ĐÌNH THÀNH LẬP

Để phát huy truyền thống vẻ vang của khu phố Ba-đình, trung tâm chính trị của thủ đô Hà-nội, ngày 20-8-1968 chi hội khoa học lịch sử khu phố Ba-đình đã được chính thức thành lập. Tới dự đại hội có đông đảo đại biểu của các cơ quan, đoàn thể trung ương, thành và khu phố.

Đồng chí Nguyễn Văn Thân, đảng ủy viên, phó chủ tịch Ủy ban hành chính khu phố, trưởng ban vận động thành lập chi hội đã báo cáo quá trình công tác của Ban vận động trong thời gian qua và đề ra những phương hướng tổ chức và hoạt động của chi hội sau khi được thành lập.

Đại hội rất vui mừng phấn khởi được nghe

thư của đồng chí Trần Huy Liệu, Hội trưởng Hội KHL SVN, Phó chủ nhiệm Ủy ban Khoa học xã hội V.N gửi đến chúc mừng đại hội.

Đại hội thành lập chi hội KHLS khu phố Ba-đình đã bầu ra Ban chấp hành chi hội do đồng chí Nguyễn Văn Thân làm chi hội trưởng.

Đại hội đã vạch ra phương hướng công tác cụ thể như xây dựng nhà truyền thống, tập trung sưu tầm tài liệu và viết lịch sử địa phương, cụ thể là lịch sử của một số nghề thủ công như nghề làm giấy, nghề đúc đồng, nghề dệt lĩnh, nghề trồng hoa, đồng thời đại hội đã nhấn mạnh việc bảo vệ di tích lịch sử.

N.Đ.

Công nhân miền Nam trên tuyến đầu chống Mỹ

(Tiếp theo trang 58)

những thắng lợi to lớn. Sở dĩ cuộc tổng tấn công và nổi dậy đồng loạt ở các đô thị miền Nam có thể kéo dài và ngày càng phát triển với khí thế mạnh mẽ, quyết liệt là do nhiều nguyên nhân, trong đó giai cấp công nhân và phong trào đấu tranh liên tục, mạnh mẽ của nó đóng vai trò quan trọng. Phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân, lao động miền Nam đang trở thành những mũi dao nhọn thọc sâu vào yết hầu của lũ cướp nước và bán nước. Cùng với phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân đô thị, phong trào đấu tranh của công nhân hiện nay với khẩu hiệu dân sinh, dân chủ kết hợp với khẩu hiệu

đòi lật đổ chính quyền Thiệu — Kỳ — Hương, đòi Mỹ rút khỏi miền Nam, đòi hòa bình... đang giáng những đòn mạnh mẽ, quyết định vào dinh lũy, sào huyệt cuối cùng của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, hỗ trợ đắc lực cho phong trào đấu tranh ở nông thôn. Chính vì thế mà đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai rất sợ phong trào đấu tranh của công nhân. Trước cơn giãy chết, chúng sẽ còn dùng những thủ đoạn thâm độc và tàn ác hơn nữa đối với phong trào công nhân. Nhưng với truyền thống chiến đấu bất khuất, nhất định giai cấp công nhân miền Nam sẽ hoàn thành sứ mạng lịch sử vẻ vang của mình là giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Ngày 20-12-1968

REVUE ÉTUDES HISTORIQUES

*Organe mensuel de l'Institut d'Histoire près le Comité d'État des
Sciences sociales de la République démocratique du Vietnam*

Directeur : TRẦN HUY LIỆU

Secrétaire de la rédaction : VĂN TÂN

N° 119

FÉVRIER 1969

SOMMAIRE

INSTITUT D'HISTOIRE	— Plan d'études de l'année 1969.	1
VĂN TÂN	— Quelques remarques sur la victoire Đống-đa en 1789 sous le commandement de Nguyễn Huệ.	4
VŨ TUẤN SÁN	— Sur les deux marches sur Thăng-long de Nguyễn Huệ.	13
LÊ VĂN HẢO	— La société et la culture dans les villes du Sud Vietnam sous la domination du néocolonialisme américain.	29
CAO VĂN LƯỢNG	— La classe ouvrière sud-vietnamienne en première ligne contre les impérialistes américains.	37
NGUYỄN LƯƠNG BÍCH	— Quelques traits sur la lignée de famille Nguyễn Trãi — Nguyễn Thiện Thuật — Nguyễn Văn Cừ.	59

INFORMATIONS

ĐÃ XUẤT BẢN :

- ★ Về vấn đề dùng thuật ngữ khoa học nước ngoài

VIỆN NGÔN NGỮ HỌC

Ủy ban Khoa học xã hội Việt-nam

- ★ Những ý kiến về văn học nghệ thuật dân gian
Việt - nam,

VIỆN VĂN HỌC

Ủy ban Khoa học xã hội Việt-nam

- ★ Đại Nam thực lục (tập XXI)

VIỆN SỬ HỌC phiên dịch

- ★ Từ điển tiếng Việt

NHIỀU TÁC GIẢ

VĂN TÀN chủ biên

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

27, Trần Xuân Soạn, Hà-nội
